

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG



Đặng Thị Thu Mỹ

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

(Theo định hướng ứng dụng)

HÀ NỘI - 2020

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG



Đặng Thị Thu Mỹ

**HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN TẠM THỜI
NHÀN RỎI CỦA BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM**

CHUYÊN NGÀNH : QUẢN TRỊ KINH DOANH

MÃ SỐ: 8.34.01.01

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

(Theo định hướng ứng dụng)

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. NGUYỄN VĂN HẬU

HÀ NỘI - 2020

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đề tài luận văn Thạc sĩ là do chính tôi nghiên cứu và nghiêm túc thực hiện. Các số liệu, tài liệu tham khảo và trích dẫn trình bày trong luận văn là hoàn toàn trung thực.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan trên.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Tác giả luận văn

Đặng Thị Thu Mỹ

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI MỞ ĐẦU	iii
MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	i
DANH MỤC BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ.....	ii
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGUỒN VỐN VÀ ĐẦU TƯ CỦA TỔ CHỨC BẢO HIỂM TIỀN GỬI.....	4
1.1. KHÁI QUÁT VỀ NGUỒN VỐN, HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN CỦA TỔ CHỨC BẢO HIỂM TIỀN GỬI	4
1.1.1. Một số khái niệm.....	4
1.1.2. Vai trò của hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi	5
1.1.3. Các nguyên tắc tạo nguồn và đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi.....	6
1.1.4. Nội dung hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi	8
1.1.5. Hiệu quả đầu tư và nâng cao nghiệp vụ đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi	11
1.2. KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VỀ NGUỒN VỐN VÀ ĐẦU TƯ	16
1.2.1. Kinh nghiệm thực tiễn của các tổ chức Bảo hiểm tiền gửi về nguồn vốn và đầu tư.....	16
1.2.2. Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam	20
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	21
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VỀ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN TẠM THỜI NHÀN RỖI CỦA BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM.....	22
2.1. KHÁI QUÁT VỀ BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM.....	22
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam	22
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.....	25
2.1.3. Cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam	27
2.1.4. Một số kết quả hoạt động của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.....	28
2.2. THỰC TRẠNG VỀ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN TẠM THỜI	

NHÀN RỖI CỦA BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM	33
2.2.1. Cơ sở pháp lý về hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam	33
2.2.2. Tổ chức bộ máy	36
2.2.3. Nội dung hoạt động	37
2.2.4. Kết quả hoạt động đầu tư theo một số chỉ tiêu cơ bản	44
2.3. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN TẠM THỜI NHÀN RỖI CỦA BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM	51
2.3.1. Những kết quả đạt được	51
2.3.2. Một số tồn tại, hạn chế	52
2.3.3. Nguyên nhân của các hạn chế	56
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	57
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN TẠM THỜI NHÀN RỖI CỦA BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM	59
3.1. ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU ĐẦU TƯ VỐN NHÀN RỖI CỦA BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030 ..	59
3.1.1. Định hướng phát triển Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030	59
3.1.2. Định hướng hoạt động đầu tư của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam	60
3.2. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN TẠM THỜI NHÀN RỖI CỦA BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM	61
3.2.1. Giải pháp hoàn thiện cơ sở pháp lý và văn bản quản trị điều hành	61
3.2.2. Giải pháp về tăng cường nguồn vốn	64
3.2.3. Giải pháp về chiến lược đầu tư	66
3.2.4. Giải pháp về danh mục đầu tư	68
3.2.5. Giải pháp cải thiện chất lượng đầu tư và quản trị rủi ro	69
3.1.6. Giải pháp nâng cao hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ đầu tư	70
3.1.7. Giải pháp về nâng cao chất lượng nhân sự cho đầu tư	70
3.1.8. Giải pháp mở rộng hợp tác và đa dạng hóa quan hệ đối tác	71

3.3. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ.....	72
3.3.1. Kiến nghị đối với cơ quan liên quan	72
3.3.2. Kiến nghị khác đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam	73
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....	75
KẾT LUẬN	77
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	79

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

VIẾT TẮT	NGUYÊN VĂN
APRC	Ủy ban Châu Á – Thái Bình Dương
BH	Bảo hiểm
BHTG	Bảo hiểm tiền gửi
BHTGVN	Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam
BTC	Bộ Tài chính
CP	Chính Phủ
DICJ	Bảo hiểm tiền gửi Nhật Bản
KDIC	Bảo hiểm tiền gửi Hàn Quốc
FDIC	Bảo hiểm tiền gửi Liên Bang Hoa Kỳ
HĐQT	Hội đồng quản trị
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
IADI	Hiệp hội Bảo hiểm Tiền gửi quốc tế
IDIS	Bảo hiểm tiền gửi Hồi giáo
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
NHNNVN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
NHTM	Ngân hàng Thương mại
NHTMCP	Ngân hàng Thương mại Cổ phần
NVTTNR	Nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi
OEDC	Khối Hợp tác và Phát triển Kinh tế
QH	Quốc hội
QTDND	Quỹ Tín dụng Nhân dân
TCTD	Tổ chức Tín dụng
TCVM	Tài chính vi mô
TPCP	Trái phiếu Chính Phủ
TPDH	Trái phiếu dài hạn
TTNR	Tạm thời nhàn rỗi
VBMA	Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam
WB	Ngân hàng Thế giới

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Mục đích, hình thức sử dụng quỹ BHTG ở một số tổ chức thành viên APRC	17
Bảng 1.2. Vốn ban đầu và bổ sung của tổ chức BHTG thành viên APRC.....	17
Bảng 1.3. Thiết lập và quản trị quỹ mục tiêu tại một tổ chức BHTG thành viên APRC	18
Bảng 1.4. Công cụ đầu tư quỹ BHTG của một số tổ chức thành viên APRC.....	19
Bảng 2.1. Số tổ chức tham gia BHTG được kiểm tra tại chỗ giai đoạn 2011 – 2019	30
Bảng 2.2. Danh mục đầu tư của BHTGVN theo quy định pháp luật ở từng thời kỳ.....	33
Bảng 2.3. Phân loại danh mục đầu tư theo từng thời kỳ trong giai đoạn 2000-Nay	38
Bảng 2.4. Tổng nguồn vốn đầu tư của BHTGVN thời kỳ 2013-2019.....	45
Bảng 2.5. Cơ cấu đầu tư giai đoạn 2013-2019.....	46
Bảng 2.6. Giá trị thực hiện của các chỉ số về lợi nhuận và năng suất.....	50

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 2.1. Số liệu thu phí BHTG giai đoạn 2011 – 2019.....	29
Hình 2.2. Mô hình tổ chức, thực hiện hoạt động đầu tư của BHTGVN.....	37
Hình 2.3. Quy trình thực hiện đầu tư của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam	43
Hình 2.4. Tỷ lệ nguồn vốn đầu tư trên tổng nguồn vốn.....	46
Hình 2.5. Khả năng sinh lời của đồng vốn đầu tư.....	48
Hình 2.6. Tỷ trọng doanh thu từ hoạt động đầu tư so với tổng nguồn thu từ 2013-2019.....	49

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài :

Nguồn vốn của tổ chức bảo hiểm tiền gửi được hình thành từ vốn được cấp trước, vốn được cấp sau hoặc kết hợp hai hình thức này. Đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi, việc quản lý nguồn vốn an toàn, hiệu quả theo hướng bảo toàn và phát triển là cơ sở quan trọng để bảo đảm thanh khoản dự phòng chi trả cho người gửi tiền, góp phần vào sự ổn định của hệ thống ngân hàng. Hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi được phần lớn các tổ chức bảo hiểm tiền gửi trên thế giới quan tâm. Ngoài việc đảm bảo đầu tư nguồn vốn an toàn, hiệu quả, hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi còn góp phần bảo toàn vốn, nâng cao năng lực tài chính để tổ chức bảo hiểm tiền gửi thực hiện các mục tiêu chính sách công.

Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam là tổ chức tài chính Nhà nước hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, góp phần vào sự ổn định của hoạt động tài chính, ngân hàng. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam nâng cao năng lực tài chính của tổ chức để đáp ứng nhu cầu phát triển chung của nền kinh tế Việt Nam và hội nhập quốc tế.

Do vậy, Đề tài: ***“Hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam”*** nêu được áp dụng góp phần tăng cường năng lực tài chính để tham gia tái cơ cấu các tổ chức tín dụng yếu kém và thực hiện nhiệm vụ chính trị của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

2. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu:

Đầu tư được coi là mặt trận hàng đầu, là khâu then chốt trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của tổ chức, công ty trực thuộc lĩnh vực tài chính – ngân hàng – bảo hiểm. Đề tài nghiên cứu có nội dung hoạt động đầu tư trong lĩnh vực này mới chỉ được thực hiện chủ yếu tập trung vào hoạt động đầu tư nói chung của các ngân hàng thương mại và các công ty bảo hiểm. Có thể dẫn chứng một số nghiên cứu lý luận như sau:

Luận văn thạc sỹ của Phạm Việt Anh (2012) với đề tài: *“ Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư tại Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt”*. Bài luận văn đã

hệ thống hóa và làm rõ các vấn đề lý luận về hoạt động đầu tư và hiệu quả hoạt động đầu tư của doanh nghiệp bảo hiểm. Phân tích và đánh giá đúng thực trạng hoạt động đầu tư và hiệu quả hoạt động đầu tư tại Tổng công ty bảo hiểm Bảo Việt. Đề xuất các giải pháp phù hợp để phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư tại Tổng công ty bảo hiểm Bảo Việt.

“Nghiên cứu nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của các doanh nghiệp khai thác than tại tỉnh Quảng Ninh, áp dụng cho công ty TNHH một thành viên than thống nhất – TKV” của tác giả Nguyễn Quốc Tuấn (2012). Luận án đã trình bày về các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh trong các doanh nghiệp khai thác than tại Quảng Ninh, áp dụng cho TKV giai đoạn 2011-2015.

“Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp xây dựng ở Việt Nam hiện nay”, luận án của tác giả Cao Văn Kế (2015). Nghiên cứu đã đề xuất các giải pháp và khuyến nghị nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh trong doanh nghiệp xây dựng.

“Phân tích hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần sông Đà 2”, luận văn của tác giả Đỗ Lê Anh (2016). Thông qua phân tích thực trạng, tác giả đã đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn góp phần tăng năng lực, hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần sông Đà 2.

Cho đến nay, trên thế giới và tại Việt Nam, chưa có đề tài nào có nội dung tập trung chuyên biệt vào hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của tổ chức bảo hiểm tiền gửi. Một số nghiên cứu của Ủy ban khu vực châu Á – thái bình dương (APRC) trực thuộc Hiệp hội bảo hiểm tiền gửi quốc tế (IADI) cũng chỉ là những nghiên cứu nhỏ (review) thông qua số liệu khảo sát về các vấn đề cấp vốn, nguồn vốn, cơ chế nguồn vốn, hình thức đầu tư của các tổ chức bảo hiểm tiền gửi tại 16 quốc gia thành viên của APRC, bao gồm cả Việt Nam.

3. Mục đích nghiên cứu:

Đề tài này được thực hiện nhằm: Hệ thống hóa về mặt lý luận những vấn đề cơ bản về vốn, nguồn vốn, hoạt động đầu tư vốn và vai trò của hoạt động đầu tư nguồn vốn của tổ chức BHTG. Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động đầu tư nguồn vốn

tạm thời nhàn rỗi của BHTGVN; đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của BHTGVN.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của BHTGVN.

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Về không gian: Luận văn được nghiên cứu tại trụ sở chính và 8 chi nhánh của BHTGVN.

+ Về thời gian: Luận văn nghiên cứu tình hình và thực trạng hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trong giai đoạn 2013-2019.

5. Phương pháp nghiên cứu:

Luận văn sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp nghiên cứu hỗn hợp: Phương pháp thu thập số liệu, phương pháp phân tích tổng hợp, kết hợp lý luận với thực tiễn và phương pháp thống kê để làm sáng tỏ nội dung nghiên cứu đề tài.

- Các tài liệu, thông tin, số liệu thu thập từ IADI và các tổ chức Bảo hiểm tiền gửi trên thế giới, đặc biệt là nghiên cứu của IADI về nguồn vốn và đầu tư của 16 nước thành viên Ủy ban Châu Á – Thái Bình Dương (APRC) trực thuộc IADI. Các thông tin, số liệu, tài liệu của BHTGVN từ năm 2000 đến hết năm 2019.

6. Kết cấu của luận văn

Kết cấu của luận văn ngoài Phần Mở đầu và Kết luận gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề chung về nguồn vốn và đầu tư của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

Chương 2: Thực trạng hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

CHƯƠNG 1:

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGUỒN VỐN VÀ ĐẦU TƯ CỦA TỔ CHỨC BẢO HIỂM TIỀN GỬI

1.1. KHÁI QUÁT VỀ NGUỒN VỐN, HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN CỦA TỔ CHỨC BẢO HIỂM TIỀN GỬI

1.1.1. Một số khái niệm

1.1.1.1. Khái niệm chung về vốn, nguồn vốn và nguồn vốn đầu tư

Vốn hay nguồn vốn là nội dung không thể thiếu khi thành lập một tổ chức hay doanh nghiệp dùng để tiến hành sản xuất, đầu tư và kinh doanh. Vốn là một trong bốn yếu tố đầu vào quan trọng (vốn, lao động, tài nguyên và công nghệ kỹ thuật), đóng vai trò đảm bảo hoạt động được thực hiện thuận lợi theo các mục tiêu đã được đề ra.

1.1.1.2. Khái niệm về vốn, nguồn vốn và nguồn vốn đầu tư của tổ chức Bảo hiểm tiền gửi

Theo IADI, tại Bộ nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống BHTG hiệu quả (2014), nguồn vốn của tổ chức BHTG gồm: “*Vốn cấp ban đầu, thu phí BHTG, thu nhập từ đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi, thu hồi sau thanh lý và thu khác.*”

Trên thế giới, nguồn vốn của các tổ chức kinh doanh BH và TCBHTG cơ bản gồm vốn chủ sở hữu; vốn dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm để chi trả BH; và các nguồn hợp pháp khác.

Luật BHTG số 06/2012/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 18/6/2012 quy định nguồn vốn của TCBHTG gồm “*1. Vốn điều lệ của tổ chức BHTG do ngân sách nhà nước cấp; 2. Nguồn thu từ phí BHTG; 3. Nguồn thu từ hoạt động đầu tư nguồn vốn...; và 4. Nguồn thu khác theo quy định pháp luật*”.

Đối với tổ chức BHTG, nguồn vốn đầu tư là vốn tạm thời nhàn rỗi (bằng tiền thực có [13, tr.1] của tổ chức BHTG để trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền tạm thời chưa sử dụng). Nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi để đầu tư là vốn nhàn rỗi sau khi để lại mức đảm bảo thanh khoản [13, tr.3]. Như vậy, nguồn vốn đối với tổ chức BHTG là một trong các cơ sở xác lập địa vị pháp lý của tổ chức BHTG. Nguồn vốn

của tổ chức BHTG đảm bảo thực hiện mục tiêu bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền, nâng cao vị thế của tổ chức.

Hoạt động đầu tư của TCBHTG là việc dùng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi hôm nay để sử dụng cho tương lai nhằm cân bằng mục tiêu bảo toàn vốn, thanh khoản và phát triển vốn. Hoạt động đầu tư của TCBHTG còn nhiều tranh cãi, nhất là mô hình tổ chức và hoạt động BHTG ở các nước đang phát triển. Có quan điểm cho rằng, BHTG đơn thuần là công cụ của CP để chi trả BH, nên không có chức năng đầu tư và tìm kiếm lợi nhuận nhằm tránh các rủi ro khác có thể xảy ra. Tuy nhiên, nhiều ý kiến khác lại cho rằng, khả năng tài chính của TCBHTG không nên lệ thuộc vào vốn ngân sách mà phải được tăng cường thông qua việc làm tốt chức năng đầu tư, góp phần hỗ trợ hiệu quả công tác xử lý rủi ro mà không cần hỗ trợ từ CP. Mỗi quốc gia có những quy định khác nhau về hoạt động đầu tư và TCBHTG nên xác định mục tiêu đầu tư trước hết là hỗ trợ sứ mệnh bảo vệ người gửi tiền khi có đổ vỡ ngân hàng.

Hoạt động đầu tư phải bảo đảm có sẵn nguồn vốn tối đa khi có đổ vỡ, chú trọng bảo toàn vốn, đảm bảo thanh khoản. Do đổ vỡ có xu hướng xuất hiện sau các biến cố kinh tế, do vậy hoạt động đầu tư nhất thiết phải ứng biến với nút thắt này. Lợi nhuận là cần thiết để giúp bảo toàn vốn và bù đắp chi phí nhưng cần thận trọng với mục tiêu đầu tư. Nhằm đáp ứng yêu cầu chi trả hoặc ứng phó khủng hoảng, TCBHTG phải được tiếp cận kịp thời và hiệu quả nguồn vốn. Yếu tố an toàn và thanh khoản là tiêu chí hàng đầu trong đầu tư. TCBHTG thường duy trì nắm giữ tài sản rủi ro thấp và thanh khoản cao. Đầu tư hiệu quả không chỉ giúp bảo toàn vốn, mà còn nâng cao năng lực tài chính để thực hiện chi trả và tham gia tái cơ cấu. Lợi nhuận trong đầu tư vốn của TCBHTG chỉ là phương tiện để tăng nguồn vốn nhằm trang trải chi phí hoạt động. TCBHTG không chạy theo mục tiêu lợi nhuận.

1.1.2. Vai trò của hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi

NVTTNR để đầu tư của TCBHTG là nguồn vốn hoạt động của TCBHTG tạm thời chưa sử dụng để trả tiền BH cho người gửi tiền và thực hiện các khoản chi theo quy định. Để tối ưu hóa việc sử dụng nguồn vốn của mình nhằm vừa đảm bảo an toàn và phát triển vốn đồng thời vừa giúp giảm gánh nặng nộp phí của tổ chức tham gia BHTG thì hoạt động đầu tư NVTTNR của BHTGVN có vai trò rất quan trọng, cụ thể:

- Tăng năng lực tài chính của bản thân TCBHTG để có điều kiện bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền (khi xảy ra đổ vỡ). Nguồn vốn đầu tư của TCBHTG phải đảm bảo an toàn, thanh khoản, không bị hao hụt, mất vốn, do vậy việc đầu tư NVTNTR phải đúng quy định của luật BHTG và các quy chế, quy định của bản thân TCBHTG.

- Đảm bảo nguồn thu để thanh toán các chi phí hoạt động của TCBHTG. TCBHTG về cơ bản không được NSNN cấp để chi phí hoạt động mà phải đầu tư để có nguồn thu trang trải tất cả các chi phí hoạt động. Do đó đầu tư NVTNTR của TCBHTG luôn phải đảm bảo có lãi. Ở Việt Nam, BHTGVN căn cứ vào tỷ lệ được phép trích trên số tiền thu được từ NVTNTR hàng năm theo quy định để trang trải chi phí hoạt động và số tiền thu được từ hoạt động đầu tư vốn TTNR hàng tháng hoặc Quý đó để tạm trích và hạch toán vào thu nhập (trích theo tỷ lệ và hạch toán số thu nhập từ hoạt động đầu tư NVTNTR còn lại vào quỹ dự phòng nghiệp vụ). Đây là nguồn tài chính chủ yếu để đảm bảo hoạt động của BHTGVN.

1.1.3. Các nguyên tắc tạo nguồn và đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi

Một TCBHTG phải có sẵn các quỹ và tất cả các cơ chế cấp vốn nhằm đảm bảo chi trả kịp thời cho người gửi tiền, bao gồm cả cơ chế cấp vốn thanh khoản được bảo đảm. Các ngân hàng chịu trách nhiệm đối với những chi phí phát sinh từ việc BHTG.

Nguyên tắc cơ bản tạo nguồn và đầu tư nguồn vốn nhàn rỗi:

a. Cơ chế cấp vốn cho hệ thống BHTG đa số là cấp vốn trước khi xảy ra đổ vỡ ngân hàng. Các cơ chế cấp vốn cần được xác định rõ và quy định cụ thể trong Luật hoặc các quy định khác.

b. Các ngân hàng thành viên sẽ có trách nhiệm chính đối với vấn đề cấp vốn cho hệ thống BHTG.

c. Vốn ban đầu hoặc vốn gốc được phép dùng để thành lập TCBHTG. Vốn ban đầu do CP cung cấp nên đa số ở các nước vốn cấp này được hoàn trả trước khi TCBHTG giảm đi một phần hoặc toàn bộ phí BHTG của các ngân hàng.

d. Các cơ chế cấp vốn khẩn cấp cho hệ thống BHTG, bao gồm cả nguồn cấp vốn thanh khoản được xác định trước và các nguồn thanh khoản có đảm bảo, phải được xác định (hoặc cho phép) công khai trong Luật hoặc quy định khác. Nguồn

vốn có thể bao gồm thỏa thuận cấp vốn với CP, NHTW hoặc vay từ thị trường. Nếu sử dụng phương án vay từ thị trường thì đó không được là nguồn vốn duy nhất. Cơ chế cấp vốn thanh khoản khẩn cấp cần được xây dựng trước để đảm bảo có thể dùng đến một cách hiệu quả và kịp thời khi cần.

e. Sau khi đã thiết lập một quỹ BHTG có nguồn vốn được cấp trước:

- Quy mô quỹ mục tiêu được xác định dựa trên những tiêu chí rõ ràng, thống nhất và minh bạch, và cần được định kỳ xem xét lại. Thường được xác định tỷ lệ hợp lý Quỹ BHTG so với Tổng số dư tiền gửi được BH cho từng giai đoạn.

- Có khung thời gian hợp lý để đạt được quy mô quỹ mục tiêu.

g. TCBHTG có trách nhiệm đầu tư và quản lý an toàn các quỹ do mình quản lý. TCBHTG có chính sách đầu tư quỹ cụ thể, đảm bảo các yếu tố sau:

- Bảo toàn nguồn vốn quỹ và duy trì thanh khoản.

- Có đầy đủ chính sách và quy trình quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ, hệ thống công bố thông tin và báo cáo.

h. TCBHTG có thể gửi tiền tại NHTW. TCBHTG thiết lập và tuân thủ các nguyên tắc nhằm hạn chế đầu tư lớn tại các ngân hàng.

i. Nếu không phải là cơ quan xử lý, trong khuôn khổ luật pháp, TCBHTG có thể lựa chọn hình thức ủy quyền cho tổ chức/cơ quan khác sử dụng quỹ của mình để xử lý các tổ chức thành viên thay vì tiến hành thanh lý. Trong trường hợp đó, cần đáp ứng các điều kiện sau:

- TCBHTG được thông báo và tham gia vào quá trình ra quyết định xử lý;

- Việc sử dụng quỹ BHTG là minh bạch, thể hiện bằng văn bản, quy định rõ ràng và chính thức;

- Nếu TCTD được xử lý bằng một quá trình xử lý chứ không phải hình thức thanh lý thì việc xử lý phải đem lại kết quả là TCTD đó có thể tồn tại được, có khả năng thanh toán và được tái cơ cấu. Điều này sẽ hạn chế nguy cơ TCBHTG phải bổ sung thêm vốn nếu phải tự mình thực hiện nghĩa vụ đó.

- Việc dùng quỹ BHTG cho quá trình xử lý chỉ được giới hạn ở mức không vượt quá số tiền mà TCBHTG lẽ ra phải dùng để chi trả trừ đi phần giá trị tài sản được thu hồi trong trường hợp áp dụng phương án thanh lý thay vì xử lý ngân hàng.

- Quỹ BHTG không được sử dụng vào việc tái cấp vốn cho tổ chức được xử lý trừ khi lãi của cổ đông giảm xuống 0; và những chủ nợ không được đảm bảo, không được BH sẽ phải chịu những tổn thất tương tự theo thứ tự yêu cầu bồi thường của Luật.

- Việc sử dụng quỹ BHTG phải được Kiểm toán độc lập và kết quả phải được thông báo cho TCBHTG; và

- Việc xử lý và quyết định sử dụng vốn của TCBHTG phải được đánh giá lại sau khi đã hoàn tất.

k. Nếu thu nhập/ doanh thu của TCBHTG (ví dụ từ thu phí, khoản thu hồi từ ngân hàng bị đổ vỡ, lãi thu từ các khoản đầu tư) phải chịu thuế bởi CP, mức thuế sẽ không quá cao và không bất cân đối so với các thuế công ty, đồng thời mức thuế cũng sẽ không gây cản trở một cách phi lý tới quá trình tích lũy quỹ BHTG. Việc hoàn trả vốn từ TCBHTG cho CP chỉ giới hạn ở việc hoàn trả vốn ban đầu mà CP cung cấp và phân cấp vốn thanh khoản của CP.

Nếu TCBHTG áp dụng hệ thống phí phân biệt:

- Hệ thống tính phí phải minh bạch với tất cả các ngân hàng thành viên;
- Các mức điểm/mức phí phải có sự khác biệt rõ rệt; và
- Cơ chế tính điểm và xếp hạng của hệ thống phí đối với từng ngân hàng phải được bảo mật.

1.1.4. Nội dung hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi

Đầu tư là việc mua tài sản hoặc hàng hóa với hy vọng nó sẽ tạo thu nhập tương lai. Theo định nghĩa kinh tế học, hoạt động đầu tư là việc mua hàng hóa hôm nay để sử dụng cho tương lai nhằm tạo ra nguồn thu nhập. Về mặt tài chính, đầu tư là tài sản bằng tiền được mua với ý tưởng tài sản đó sẽ tạo thêm thu nhập hoặc sau này được bán với giá cao hơn. Có hai hình thức đầu tư là đầu tư cho thu nhập cố định (mua trái phiếu, tiền gửi cố định, cổ phiếu ưu đãi...) và đầu tư cho thu nhập khác nhau (sở hữu doanh nghiệp, vốn chủ sở hữu hoặc tài sản). Như vậy, đầu tư là tạo lập vốn có khả năng sản sinh vốn. Doanh thu (lợi nhuận) từ đầu tư là thước đo hiệu quả đầu tư.

1.1.4.1. Mục tiêu của hoạt động đầu tư

Mục tiêu của hoạt động đầu tư đối với TCBHTG là hỗ trợ nhiệm vụ trọng tâm

thực hiện chính sách công, do vậy mục tiêu đầu tư phải bắt nguồn từ việc i) thực hiện và hoàn thành nghĩa vụ pháp lý gắn với đầu tư theo quy định cụ thể của mỗi nước: loại tiền tệ, diễn biến kỳ vọng (tăng trưởng kỳ vọng của cơ sở tiền gửi được BH và liên hệ với lạm phát tiềm ẩn)... Nghĩa vụ này chuyển thành khuyến nghị đầu tư; ii) đảm bảo dòng tiền cần cho hoạt động nghiệp vụ. TCBHTG tìm kiếm dòng tiền hằng năm cho đầu tư ở mức nhất định, nhưng không nhất thiết phải có tỷ trọng lợi nhuận hằng năm/giá trị đầu tư được xác định trước. Vì ý tưởng chung là phải đảm bảo tối đa vốn khi có đổ vỡ, hai mục tiêu là bảo toàn vốn và đảm bảo thanh khoản phải được ưu tiên lớn nhất.

- Bảo toàn vốn: Trong ngắn hạn, tìm kiếm lợi nhuận trên danh nghĩa; tính toán chi phí để không thâm hụt vào vốn. Trong dài hạn, lạm phát có khả năng làm giảm giá trị thực đầu tư những năm sau, nên mục tiêu bảo toàn vốn rất có ý nghĩa.

- Đảm bảo thanh khoản: Các khoản đầu tư là tài sản có thể được bán bất kỳ lúc nào, chẳng hạn trong giai đoạn khó khăn phải đảm bảo rủi ro ít hoặc bảo toàn nguyên giá trị. Trên thực tế, thanh khoản không phải là khái niệm tuyệt đối vì hầu hết công cụ đầu tư ít nhất có thể mất thanh khoản vài lần.

TCBHTG nhất thiết phải cân bằng mục tiêu đầu tư, thanh khoản và lợi nhuận. Chiến lược đầu tư phụ thuộc nhiều vào khả năng thanh khoản sẽ không đem đến lợi nhuận; ngược lại hướng nhiều vào lợi nhuận sẽ tạo rủi ro thiếu vốn sẵn có khi cần, dẫn đến mất mát nếu tài sản buộc phải bán vào thời điểm phù hợp – xói mòn niềm tin công chúng. Chiến lược đầu tư của TCBHTG phải cân bằng tỷ lệ lợi nhuận và phải bảo toàn vốn. Lợi nhuận không phải là mục tiêu đối với TCBHTG trên cơ sở đứng độc lập, nhưng lại có ý nghĩa trong quản trị rủi ro. Cần định hình cách tiếp cận thay thế dựa trên nền tảng là thực hiện nghĩa vụ pháp lý. Tốt nhất là thiết lập mục tiêu lợi nhuận theo hướng: trong ngắn hạn, lợi nhuận danh nghĩa dương; trong dài hạn, lợi nhuận thực dương. Chính sách đầu tư của TCBHTG chú trọng bảo toàn vốn (rủi ro thấp) và đảm bảo thanh khoản (thanh khoản cao).

1.1.4.2. Các công cụ, tài sản đầu tư của tổ chức Bảo hiểm tiền gửi

(i) Tiền mặt (thị trường tiền tệ, tiền gửi): Tính thanh khoản cao đi kèm với chi phí cơ hội cao – là tài sản ngắn hạn, giúp bảo toàn vốn ở thời kỳ khó khăn nhưng không hiệu quả như trái phiếu dài hạn trong thời kỳ khủng hoảng. TCBHTG không nên chỉ gửi tiền ở NHTW do lãi suất NHTW thường rất thấp.

(ii) Trái phiếu Chính phủ: Là tài sản hấp dẫn có khả năng phòng vệ dựa trên sự tín nhiệm. Khi khủng hoảng, TPCP đặc biệt tin cậy và có thanh khoản cao, là kênh trú ẩn an toàn và nhà đầu tư có thể đẩy giá lên. Khủng hoảng có thể làm giảm lãi suất nhưng tăng thêm giá trị cho TPCP – có ý nghĩa đối với TCBHTG. TPCP cũng là tài sản thế chấp quan trọng. Việc nắm giữ trái phiếu dài hạn (TPDH) mang lại lợi nhuận lớn hơn so với công cụ ngắn hạn. Trong 20 năm qua, rủi ro lãi suất cao góp phần tạo lợi nhuận trung bình cao hơn cho trái chủ. Trái phiếu tổ chức và ngân hàng quốc tế phát hành, trái phiếu chính quyền địa phương đều phù hợp với TCBHTG.

(iii) Trái phiếu gắn với lạm phát: Là TPCP có tiền gốc/lãi coupon gắn mã theo lạm phát. Một mặt phải tránh sự không tương xứng trong đo lường lạm phát khi đầu tư, mặt khác lạm phát thể hiện trong nghĩa vụ pháp lý BHTG. Cần phân bổ hợp lý trái phiếu loại này trong tổng thể danh mục đầu tư.

(iv) Trái phiếu có bảo đảm: Là tài sản khá ổn định, được quản lý chặt và hỗ trợ bằng tài sản thế chấp, phù hợp với nhiều TCBHTG khi phân bổ trong đầu tư tổng thể. Trái phiếu được bảo đảm thường do TCTC phát hành, được điều chỉnh bởi luật pháp quốc gia nên có thể không hấp dẫn nhà đầu tư khi khủng hoảng.

(v) Trái phiếu doanh nghiệp: Gắn với cơ hội rủi ro tín dụng, vỡ nợ hoặc bị giảm xếp hạng, nên nhà đầu tư cần chuyển sang TPCP để bù đắp thua lỗ. Khi thuận lợi, công cụ này có lợi tức cao hơn TPCP. Gần đây, mức chênh tín dụng của doanh nghiệp được khuyến nghị đầu tư vào TPCP đạt trung bình hơn 100 điểm. Khi khủng hoảng, nó gắn với nguy cơ mất thanh khoản và tình trạng này nghiêm trọng hơn từ khi có quy định mới về giám sát ngân hàng. Do khó xác định thời điểm thua lỗ (từ danh mục có duy nhất TPCP), trái phiếu doanh nghiệp là giải pháp thay thế. Rất ít TCBHTG đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp.

(vi) Cổ phiếu (Cổ phần): Rất ít TCBHTG sở hữu cổ phiếu. Để đối chứng, một số NHTW đưa vào giỏ đầu tư tỷ lệ nắm giữ khiêm tốn. Khi mua cổ phiếu trong danh mục đầu tư đa dạng, TCBHTG nên chọn kiểu chiến lược ít rủi ro.

(vii) Các loại tài sản thay thế: Các khoản đầu tư khác (được xếp vào nhóm tài sản thay thế) – không phù hợp với TCBHTG do thanh khoản kém, kể cả khi cơ hội rủi ro cao từ tính thanh khoản thấp có thể tạo lợi nhuận hấp dẫn.

Bộ nguyên tắc cơ bản của IADI nhấn mạnh: TCBHTG có trách nhiệm đầu tư và quản lý an toàn quỹ và TCBHTG nên độc lập trong hoạt động, được quản trị tốt,

minh bạch, giải trình và tránh can thiệp bên ngoài. Thành viên HĐQT cần phản ánh đa dạng khía cạnh nghiệp vụ BHTG, trong đó một số thành viên cần có kiến thức cơ bản về đầu tư, quản trị rủi ro và tài chính. Nên thành lập Ban đầu tư để tham vấn chiến lược và đề xuất HĐQT. HĐQT có thể ủy quyền cho Ban đầu tư dự thảo quyết định quan trọng trong mức độ rủi ro cho phép. Cần phân chia trách nhiệm giữa HĐQT, Ban Điều hành và Ban đầu tư: HĐQT xây dựng chiến lược đầu tư, giám sát và theo dõi; Ban Điều hành và Ban đầu tư có trách nhiệm thực hiện. Hằng năm, chiến lược đầu tư được định kỳ rà soát. Khi có thay đổi về pháp lý và môi trường hoạt động của TCBHTG, chiến lược đầu tư phải được điều chỉnh linh hoạt. Việc HĐQT chịu trách nhiệm về chiến lược đầu tư là cách đánh giá mức độ sâu sát của HĐQT. Hoạt động đầu tư được giải trình thông qua BCTC, báo cáo thường niên và được kiểm toán định kỳ (nội bộ và độc lập).

Chiến lược đầu tư của TCBHTG phải bao gồm: mục tiêu đầu tư; kỳ hạn đầu tư (ngắn hạn, dài hạn); mức độ rủi ro tối đa (nguồn vốn rủi ro hoặc tiêu chuẩn riêng tùy chỉnh); loại hình đầu tư được phép (tài sản, yếu tố rủi ro, kiểu chiến lược); khó khăn cụ thể (loại trừ hoặc hạn chế đầu tư lĩnh vực ngân hàng); các giới hạn (rủi ro tín dụng, lãi suất, tiền tệ, thanh khoản); phân bổ tài sản hoặc phạm vi của tài sản; nguyên tắc lựa chọn, giám sát và quản lý tài sản; và cơ chế tuân thủ và kiểm toán. Bên cạnh đó phải tính đến việc điều chỉnh chiến lược khi bối cảnh hoặc mục tiêu bị buộc phải thay đổi (chẳng hạn, do chính sách thay đổi...).

1.1.5. Hiệu quả đầu tư và nâng cao nghiệp vụ đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi

1.1.5.1. Hiệu quả đầu tư

Hiệu quả đầu tư là phạm trù kinh tế biểu hiện quan hệ giữa kết quả đầu tư và chi phí bỏ ra để có kết quả đó (hiệu quả trên chi phí bỏ ra) xét trong một thời kỳ nhất định. Có ba cách phân loại hiệu quả đầu tư: 1. Theo phạm vi lợi ích có hiệu quả tài chính và kinh tế - xã hội; 2. Theo mức độ phát sinh trực tiếp hay gián tiếp có hiệu quả trực tiếp, gián tiếp; 3. Theo cách tính toán, có hiệu quả tuyệt đối (hiệu số kết quả - chi phí) và tương đối (tỷ số kết quả - chi phí). Trong khuôn khổ Đề tài này, hiệu quả đầu tư của TCBHTG được hiểu là thực hiện tốt hoạt động đầu tư, đạt kết quả so với mục tiêu đề ra, trong đó đầu tư hiệu quả là đảm bảo an toàn vốn, khả năng thanh khoản và phát triển vốn. Đầu tư hiệu quả tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển TCBHTG, đem lại lợi nhuận để bổ sung vốn, tăng cường năng lực tài

chính và nâng cao vị thế và thực hiện các nhiệm vụ được giao...

1.1.5.2. Nâng cao hiệu quả đầu tư

Lĩnh vực bảo hiểm nói chung và BHTG nói riêng hoạt động theo nguyên tắc thu phí để chi trả khi có nghĩa vụ. NVTTNR đem đầu tư là nguồn thu phí BHTG và nguồn thu khác sau khi để lại mức vốn đảm bảo cho chi hoạt động của TCBHTG và tạm thời chưa dùng để chi trả BHTG và xử lý đồ vỡ được đem đầu tư để sinh lời và tăng quy mô quỹ BHTG. Nâng cao hiệu quả đầu tư đòi hỏi vốn đem đầu tư phải ổn định và tăng trưởng đều, trong đó:

- Đối với kế hoạch thu phí, hiệu quả thu phí ảnh hưởng tới hiệu quả đầu tư. Về lý thuyết, số tiền thu phí tỷ lệ thuận với hiệu quả đầu tư: nguồn thu phí nhỏ, số tiền đem đầu tư nhỏ và tiền lãi thu ít và ngược lại. Nộp phí đúng hạn theo định kỳ giúp dòng tiền ổn định và không ảnh hưởng tới NVTTNR đem đầu tư. Nếu thời gian và số tiền phí dự kiến thu khác với thực tế, TCBHTG sẽ bỏ lỡ cơ hội đầu tư. Do vậy, kế hoạch thu phí càng chính xác, hiệu quả đầu tư của TCBHTG càng cao và ngược lại.

- Đối với chính sách Nhà nước trong tương quan nguồn thu phí và cơ hội đầu tư, - trường hợp của Việt Nam là ví dụ - việc quy định TCTD được kiểm soát đặc biệt được miễn nộp phí BHTG (theo Điều 2 Luật các TCTD sửa đổi), về lý thuyết có thể ảnh hưởng nhất định đối với nguồn thu phí của BHTGVN, ít nhiều tác động đến tính sẵn có của NVTTNR đem đầu tư ở từng thời điểm.

- Đối với kế hoạch chi, phải dự kiến và xây dựng kế hoạch chi tiết đảm bảo sát thực tế, đồng thời quản lý chi phí hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí và bỏ lỡ cơ hội đầu tư. Kế hoạch chi chính xác đem lại hiệu quả đầu tư cao cho TCBHTG và ngược lại.

- Các khoản lãi từ hoạt động đầu tư góp phần không nhỏ cho tăng trưởng nguồn vốn đầu tư, đòi hỏi hoạt động đầu tư phải lựa chọn cơ hội đầu tư tốt và đạt hiệu quả cao nhất. Nâng cao hiệu quả đầu tư của TCBHTG đòi hỏi việc đầu tư phải bảo toàn và phát triển vốn và thực hiện nhiệm vụ chính trị như bảo vệ hiệu quả quyền lợi hợp pháp của người gửi tiền...

- Việc theo dõi và quản lý vốn sau đầu tư phải được thực hiện sát sao, đảm bảo thu hồi đầy đủ, đúng hạn gốc và lãi vốn đầu tư – một nguồn quan trọng bổ sung vào NVTTNR sẵn có để duy trì và thúc đẩy tái đầu tư (quay vòng vốn).

- Các nguồn vốn hỗ trợ và/hoặc tiếp nhận hay đi vay góp phần bổ sung cho

nguồn vốn của TCBHTG. Khi kinh tế kém ổn định và rủi ro ngành ngân hàng tác động tiêu cực đối với nghĩa vụ pháp lý và trách nhiệm chi trả của TCBHTG, việc bổ sung nguồn vốn từ các nguồn trên sẽ đảm bảo hạn chế ảnh hưởng đến tính sẵn có của NVTTNR cho hoạt động đầu tư hoặc ít nhất đảm bảo có nguồn vốn dự phòng để thực hiện chính sách BHTG trong khi vẫn duy trì được nghiệp vụ đầu tư.

Như vậy, nâng cao hiệu quả đầu tư góp phần tăng cường năng lực tài chính của TCBHTG, tạo tích lũy – góp phần cải thiện uy tín của TCBHTG, nền kinh tế phải ổn định và phải có cơ chế chính sách phù hợp, sự phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả giữa CP, NHTW... nhằm tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư.

1.1.5.3. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả đầu tư NVTTNR

Căn cứ Bộ nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống BHTG hiệu quả năm 2014, để đánh giá hiệu quả đầu tư NVTTNR của TCBHTG có thể thông qua các nhóm chỉ tiêu sau:

(1) Nhóm chỉ tiêu định lượng

i) Quy mô và tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư của TCBHTG phản ánh vai trò của TCBHTG trong tích lũy, tập trung vốn cho kinh tế. Tốc độ tăng trưởng trên 100% thể hiện Vốn đầu tư tăng; ngược lại tốc độ tăng trưởng dưới 100% cho thấy vốn đầu tư giảm. Chỉ số này phản ánh nguồn lực cho đầu tư: nguồn lực đầu tư mạnh hay yếu góp phần tăng lợi nhuận, để bổ sung vốn, tăng cường năng lực tài chính. Qua đó ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển vốn của hoạt động đầu tư.

$$\text{Tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư năm } i (\%) = \frac{\text{Vốn đầu tư năm } i}{\text{Vốn đầu tư năm } i-1} \times 100$$

ii) Tỷ lệ vốn dành cho hoạt động đầu tư so với tổng nguồn vốn của TCBHTG (K) – chỉ tiêu cơ bản phản ánh mức độ đầu tư của TCBHTG. Chỉ số này phản ánh nguồn lực cho đầu tư: nguồn lực đầu tư mạnh hay yếu góp phần tăng lợi nhuận, để bổ sung vốn, tăng cường năng lực tài chính. Qua đó ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển vốn của hoạt động đầu tư.

$$K (\%) = \frac{\text{Lượng vốn dành cho hoạt động đầu tư}}{\text{Tổng nguồn vốn}} \times 100$$

Tỷ lệ vốn cho đầu tư cho biết mức độ quan tâm đến hoạt động đầu tư của

TCBHTG. Trước đây, TCBHTG không được khuyến khích đầu tư vì đầu tư thường gắn với rủi ro của bản thân hoạt động đầu tư trong khi TCBHTG ra đời vì những mục đích nhất định khác đã trình bày ở trên (bảo hiểm). Trên thị trường, thị phần vốn đầu tư lớn cho thấy TCBHTG có điều kiện thuận lợi để tăng lợi nhuận, giúp tăng nguồn vốn, tăng năng lực tài chính từ đó tăng cường vị thế và uy tín.

iii) Chỉ tiêu về cơ cấu tài sản đầu tư nắm giữ cho biết trong tỷ trọng vốn đầu tư (%) tại từng loại công cụ đầu tư riêng biệt. Chỉ số này cho thấy tỷ trọng đầu tư vào từng công cụ có mức rủi ro và lợi nhuận khác nhau. Do rủi ro đi kèm với mức lợi nhuận và tính thanh khoản của từng loại nên chỉ số này cho biết được tính thanh khoản và phát triển vốn của hoạt động đầu tư. Ví dụ: với tỷ trọng trái phiếu chính phủ cao, tính thanh khoản cao, nhưng khả năng phát triển vốn thấp.

$$\text{Cơ cấu từng công cụ đầu tư (\%)} = \frac{\text{Quy mô từng công cụ đầu tư}}{\text{Quy mô tổng vốn đầu tư}} \times 100$$

iv) Tốc độ tăng trưởng doanh thu từ hoạt động đầu tư vốn phản ánh sự tăng/giảm của doanh thu (nhiều/ít) từ hoạt động đầu tư vốn của TCBHTG tại các thời điểm khác nhau. Tốc độ tăng trưởng này trên 100% thể hiện doanh thu từ hoạt động đầu tư tăng; ngược lại nếu tốc độ tăng trưởng nhỏ hơn 100% cho thấy doanh thu đầu tư giảm. Chỉ số này phản ánh hiệu quả đầu tư trong mục tiêu phát triển vốn.

$$\text{Tốc độ tăng trưởng doanh thu năm } i \text{ (\%)} = \frac{\text{Doanh thu hoạt động đầu tư vốn năm } i}{\text{Doanh thu hoạt động đầu tư vốn năm } i-1} \times 100$$

v) Khả năng sinh lời vốn đầu tư cho biết một đồng vốn TCBHTG đầu tư sẽ tạo ra bao nhiêu đồng thu nhập. Chỉ số này phản ánh hiệu quả đầu tư trong mục tiêu phát triển vốn.

$$\text{Khả năng sinh lời (\%)} = \frac{\text{Doanh thu từ hoạt động đầu tư}}{\text{Lượng vốn dành cho hoạt động đầu tư}} \times 100$$

vi) Chỉ tiêu về doanh thu cho biết một đồng doanh thu của TCBHTG sẽ có bao nhiêu % từ hoạt động đầu tư. Chỉ số này phản ánh hiệu quả đầu tư trong mục tiêu phát triển vốn. Thêm vào đó là vai trò của hoạt động đầu tư trong hoạt động của TCBHTG.

$$\text{Tỷ trọng về doanh thu (\%)} = \frac{\text{Doanh thu từ hoạt động đầu tư}}{\text{Tổng doanh thu từ hoạt động của tổ chức BHTG}} \times 100$$

vii) Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) cho biết lợi nhuận thu được của TCBHTG khi bỏ ra một đồng vốn đầu tư. Về cơ bản, ROE càng cao càng tốt, tức là hoạt động đầu tư mang lại hiệu quả cao. Chỉ số này phản ánh hiệu quả đầu tư trong mục tiêu phát triển vốn, bảo toàn vốn. VD: Nếu doanh thu sau thuế âm, ROE âm, không đáp ứng được mục tiêu bảo toàn vốn. Nếu ROE cao chứng tỏ mục tiêu phát triển vốn tốt.

$$\text{RoE (\%)} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} \times 100$$

viii) Lợi nhuận sau thuế phản ánh kết quả tài chính hoạt động kinh doanh của TCBHTG. Là chỉ tiêu đánh giá hiệu quả đầu tư và là nguồn tài chính để nâng cao cho người lao động. Chỉ số này phản ánh hiệu quả đầu tư trong mục tiêu bảo toàn vốn. VD: Nếu doanh thu sau thuế âm, không đáp ứng được mục tiêu bảo toàn vốn

$$\text{Lợi nhuận sau thuế} = \text{Tổng thu nhập} - \text{Tổng chi phí}$$

ix) Năng suất lao động bình quân phản ánh NSLĐ của một người trong kỳ nhất định. NSLĐ cao thể hiện lợi nhuận tạo ra cao hơn với cùng các yếu tố đầu vào, tạo mức tiền lương cao hơn và điều kiện làm việc tốt hơn. Chỉ số này thể hiện hiệu quả làm việc của người lao động trong tổ chức, trong đó có cán bộ đầu tư. Năng suất lao động cao giúp việc thực hiện mục tiêu bảo toàn vốn, phát triển vốn.

$$\text{Năng suất lao động bình quân} = \frac{\text{Tổng doanh thu} - \text{Tổng chi phí chưa lương}}{\text{Lao động bình quân}}$$

x) Tỷ lệ nợ quá hạn đánh giá khả năng mất vốn trong đầu tư. Tỷ lệ càng thấp hoặc tốc độ tăng nợ quá hạn/năm có xu hướng giảm, chất lượng đầu tư càng cao và ngược lại. Chỉ số này đánh giá khả năng mất vốn trong đầu tư, qua đó ảnh hưởng đến mục tiêu bảo toàn vốn.

$$\text{Tỷ lệ nợ quá hạn (\%)} = \frac{\text{Số dư đầu tư không được thanh toán đúng hạn}}{\text{Quy mô vốn đầu tư}} \times 100$$

(2) Nhóm chỉ tiêu định tính

Trong nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, đánh giá hiệu quả đầu tư của TCBHTG phải được nhìn nhận ở hai góc độ: ở góc độ vĩ mô, cần xem

xét lợi ích đầu tư đem lại cho xã hội (chênh lệch giữa lợi ích thu được và đóng góp cho đầu tư); ở tầm vi mô, TCBHTG cần tính đến chi phí trực tiếp, gián tiếp gắn với đầu tư cũng như lợi ích trực tiếp và gián tiếp. Nhóm chỉ tiêu phản ánh:

- Tính thanh khoản cho thị trường qua dòng vốn huy động cho nền kinh tế;
- Tăng nguồn thu cho ngân sách thông qua hiệu quả đầu tư từ TPCP;
- Tạo điều kiện tiếp cận và ứng dụng kỹ thuật để nâng cao năng lực sản xuất, khả năng cạnh tranh của sản phẩm trong nước;
- Tạo thị trường mới và chiếm lĩnh thị trường do tiến hành đầu tư; và
- Góp phần hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ.

Nhìn chung, nhóm chỉ tiêu này cho thấy vai trò của TCBHTG đối với nền kinh tế và thị trường tài chính. Tuy mục tiêu chính là bảo toàn vốn, tính thanh khoản và phát triển vốn, nhưng TCBHTG còn có mục tiêu khác được Chính phủ giao phó: đó là mất xích củng cố nền kinh tế nói chung và thị trường tài chính nói riêng.

1.2. KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VỀ NGUỒN VỐN VÀ ĐẦU TƯ

1.2.1. Kinh nghiệm thực tiễn của các tổ chức Bảo hiểm tiền gửi về nguồn vốn và đầu tư

Trong tổng số 136 TCBHTG công khai, việc ra đời TCBHTG mỗi nước gắn với pháp luật BHTG. Đối với 16 TCBHTG thành viên APRC thuộc IADI, cơ sở pháp lý và thực trạng nguồn vốn và đầu tư được phản ánh trong các nghiên cứu quốc tế năm 2016: Kế hoạch hành động và chiến lược ưu tiên đối với khu vực Châu á Thái Bình Dương và Khảo sát của IADI về hoạt động của các tổ chức BHTG của IADI. Cụ thể như sau:

a) Nguồn vốn, cơ chế cấp vốn, quản lý quỹ BHTG

- Mục đích sử dụng quỹ BHTG: Quỹ BHTG của 16 tổ chức APRC được sử dụng cho 2 mục đích đó là (1) trả tiền bảo hiểm và cấp thanh khoản hỗ trợ chi trả; và (2) hỗ trợ tài chính cho tổ chức gặp vấn đề qua thương vụ mua lại và tiếp nhận (P&A), sáp nhập và mua lại (M&A), thành lập và cấp vốn cho ngân hàng bắc cầu tạm thời tiếp quản TCTC đổ vỡ. Mô hình chi trả với quyền hạn mở rộng và giảm thiểu rủi ro (chiếm hơn một nửa trong tổng số 16 tổ chức) có các công cụ xử lý sẵn có linh hoạt.

**Bảng 1.1. Mục đích, hình thức sử dụng quỹ BHTG
ở một số tổ chức thành viên APRC**

Quốc gia	Nghĩa vụ BHTG			Hỗ trợ tài chính củng cố năng lực tổ chức có vấn đề	Trả trước tiền bảo hiểm
	Chi trả	Hỗ trợ tài chính để P&A, M&A	Thành lập ngân hàng bắc cầu		
<i>Đài Loan</i>	✓	✓	✓	✓	✓
<i>Malaysia</i>	✓	✓		✓	✓
<i>Hàn Quốc</i>	✓	✓	✓	✓	✓
<i>Nhật bản</i>	✓	✓	✓	✓	✓
<i>Việt Nam</i>	✓				

Nguồn: IADI, BHTGVN tổng hợp

- Nguồn vốn và cơ chế cấp vốn: 16 TCBHTG thuộc APRC đều quy định rõ nguồn vốn quỹ BHTG (vốn cấp ban đầu, thu phí, thu từ đầu tư, thanh lý và thu khác). TCBHTG huy động và phát hành trái phiếu để tăng vốn.

Bảng 1.2. Vốn ban đầu và bổ sung của tổ chức BHTG thành viên APRC

Quốc gia	Nguồn vốn ban đầu	Nguồn hỗ trợ	Ghi chú
<i>Đài Loan</i>	10 tỷ Đài tệ (313 triệu USD)	Chính phủ, NHTW	1985: 2 tỷ Đài tệ; 1992: 5 tỷ; 1995: 10 tỷ
<i>Malaysia</i>	Không có	-	-
<i>Hàn Quốc</i>	Luật không quy định	-	10 tỷ won khi mới thành lập BHTG
<i>Nhật bản</i>	455 triệu yên (5 triệu USD)	BTC, NHTW, TCTC tư nhân	Khi thành lập năm 1971: 450 triệu Yên
<i>Việt Nam</i>	1.000 tỷ VND (100 triệu USD)	Chính phủ (NSNN cấp)	4.000 tỷ VND cấp bổ sung 2015 (từ nguồn tích lũy của BHTGVN)

Nguồn: IADI, BHTGVN tổng hợp

- Quỹ mục tiêu, quản trị quỹ BHTG: Hơn một nửa số TCBHTG thành viên APRC thiết lập ngưỡng giá trị trần quỹ BHTG (gọi là quỹ mục tiêu) làm cơ sở tích lũy, bảo tồn, tăng cường năng lực tài chính của TCBHTG.

Bảng 1.3. Thiết lập và quản trị quỹ mục tiêu tại một tổ chức BHTG thành viên APRC

Quốc gia	Tỷ lệ quỹ mục tiêu		Quản trị
<i>Đài Loan</i>	✓	2% tổng số dư tiền gửi được bảo hiểm	-
<i>Malaysia</i>	-	Năm 2016, PIDM tập trung xây dựng quỹ mục tiêu	-
<i>Hàn Quốc</i>	✓	Ngân hàng, công ty đầu tư tài chính, bảo hiểm phi nhân thọ (0,825%~1,1%); bảo hiểm nhân thọ (0,66%~0,935%); MSBs (1,65%~1,925%)	Mức sàn: <i>Giảm tỷ lệ đóng phí</i> ; Mức trần: <i>Miễn/hoàn phí</i>
<i>Nhật Bản</i>	-	-	-
<i>Việt Nam</i>	-	-	-

Nguồn: IADI, BHTGVN tổng hợp

Phương thức bổ sung vốn thiếu hụt tại 16 tổ chức thành viên APRC gồm: Chính phủ bơm vốn hoặc cho vay từ ngân sách; tăng phí BHTG tức thời hoặc tương lai; và áp phí bổ sung đặc biệt. Quá nửa TCBHTG thành viên APRC được phép gây quỹ qua phát hành nợ. Trái phiếu do các TCBHTG phát hành không phải xếp hạng tín dụng.

b) Đầu tư nguồn vốn và thu nhập

Để đảm bảo an toàn và thanh khoản, hầu hết các TCBHTG APRC đầu tư vào công cụ an toàn như TPCP, trái phiếu ngân hàng, tín phiếu ngắn hạn hoặc gửi tiền NHTW hay TCTC lành mạnh. Ít tổ chức được phép mua tài sản rủi ro cao:

- 10/16 TCBHTG gửi tiền NHTW; 15/16 tổ chức BHTG (trừ Ấn Độ) mua TPCP – là hình thức đầu tư an toàn nhất theo khuyến nghị.

- TCBHTG tại Hàn Quốc và Nhật Bản được gửi tiền tại các TCTC lành mạnh; BHTG Philippines được gửi tiền tại ngân hàng hay trung gian tài chính huy động tiền gửi của CP. Quỹ BHTG Azerbaijan gửi tiền tại TCTC lành mạnh, mua trái phiếu

TCTC nước ngoài và trái phiếu quỹ thể chấp. BHTG Hồng Kông gửi tiền tại TCTC, mua TPCP Mỹ và sản phẩm phái sinh. NHTW Kazakhstan xây dựng danh mục tài sản để TCBHTG tham chiếu đầu tư vốn.

Bảng 1.4. Công cụ đầu tư quỹ BHTG của một số tổ chức thành viên APRC

Quốc gia	Trái phiếu					Tiền gửi	
	Chính phủ*	Ngân hàng	Doanh nghiệp	Chính phủ Mỹ	TCTC nước ngoài	Tại NHTW	TCTC lành mạnh
Đài Loan	✓	-	-	-	-	✓	-
Malaysia	✓	-	-	-	-	✓	✓
Hàn Quốc	✓	✓**	-	-	-	-	✓
Nhật Bản	✓	-	-	-	-	-	✓****
Việt Nam	✓	-	-	-	-	✓	-***

* Bao gồm TPCP, trái phiếu kho bạc, trái phiếu hoặc tín phiếu NHTW; ** có xếp hạng cụ thể; *** BHTGVN từ năm 2012 về trước được gửi tiền tại NHTM Nhà nước và NHTMCP được xếp loại A; **** Gửi tiền tại tổ chức lành mạnh do Thủ tướng và Bộ trưởng Tài chính chỉ định.

(Nguồn: IADI, BHTGVN tổng hợp)

Theo báo cáo thường niên giai đoạn 2013-2016 của KDIC, KDIC đầu tư vào công cụ an toàn đảm bảo vốn gốc và thanh khoản gồm: TPCP, trái phiếu kho bạc, trái phiếu/tín phiếu NHTW; trái phiếu ngân hàng; gửi tiền tại TCTD lành mạnh do Thủ tướng và Bộ trưởng Tài chính chỉ định; mua cổ phiếu của TCTC; và hình thức khác. KDIC ưu tiên gửi tại TCTD lành mạnh. Đây là kênh đầu tư đã được sử dụng trước đây với lãi suất cao hơn gửi tiền NHTW. Đối với TPCP, về cơ bản, KDIC mua và nắm giữ đến ngày đáo hạn Công cụ đầu tư thành công khác là trái phiếu ngân hàng. Trong đầu tư vốn nhàn rỗi, KDIC xác định trước tỷ lệ để phân bổ đầu tư vào từng danh mục và điều chỉnh linh hoạt tỷ lệ sử dụng vốn trước biến động thị trường.

Theo báo cáo thường niên giai đoạn 2013-2016 của DICJ, các công cụ đầu tư của Nhật Bản gồm TPCP; gửi tiền tại TCTC lành mạnh; công cụ khác được chỉ định đầu tư; mua cổ phiếu TCTC để tham gia góp vốn, bơm vốn và xử lý tổ chức yếu kém, đổ vỡ và tái cơ cấu. Khác với Việt Nam, DICJ không gửi tiền tại NHTW mà gửi tại các TCTD lành mạnh theo danh sách chỉ định. Danh mục tiền gửi mang rủi ro cao hơn nhưng được nhà nước đảm bảo an toàn, hiệu quả đầu tư tốt hơn nhờ lãi suất cao hơn. DICJ cũng đầu tư vào TPCP; mua các loại trái phiếu và cổ phiếu của các TCTC để hỗ trợ tài chính cho tổ chức yếu kém thông qua bơm vốn, cấp vốn.

1.2.2. Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam

Cơ chế cấp vốn và đầu tư hiệu quả là nội dung quan trọng đảm bảo sự phát triển của TCBHTG. Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008-2010 khẳng định hệ thống BHTG thiếu các yếu tố cơ bản về vốn sẽ gặp thách thức trong duy trì niềm tin công chúng. Đầu tư hiệu quả giúp bảo toàn và duy trì giá trị thực của vốn, nâng cao năng lực tài chính để duy trì thanh khoản chi trả và xử lý đổ vỡ.

TCBHTG được khuyến nghị không nên lệ thuộc vào vốn ngân sách mà cần tăng cường năng lực tài chính qua hoạt động đầu tư. Đầu tư hiệu quả giúp giảm hỗ trợ khẩn cấp từ Chính phủ cho TCBHTG. Tùy quy định mỗi nước mà có sự nhìn nhận khác nhau về vai trò của hoạt động đầu tư. Dù sự chấp nhận khẩu vị rủi ro khác nhau, xây dựng chiến lược và quyết định đầu tư phải đảm bảo tương lai có sẵn nguồn vốn chi trả và xử lý đổ vỡ - chú trọng bảo toàn vốn và duy trì thanh khoản để thực hiện nghĩa vụ pháp lý và cân đối dòng tiền cho hoạt động nghiệp vụ.

IADI khuyến nghị TCBHTG duy trì nắm giữ tài sản rủi ro thấp và thanh khoản cao. Việc xác định loại rủi ro và tương quan đầu tư – rủi ro giúp thực thi nghĩa vụ pháp lý BHTG (vốn phụ thuộc nhiều vào sức khỏe ngân hàng, đặc biệt trong thời kỳ khó khăn). Rủi ro ngành làm gia tăng lớn nhất tổng mức rủi ro cho đầu tư, khiến TCBHTG có thể mất quyền tiếp cận vốn khi xảy ra đổ vỡ. Hạn chế đầu tư hay gửi lượng tiền nhàn rỗi lớn vào ngân hàng, kể cả ngân hàng không phải thành viên cũng như thay đổi tư duy về rủi ro lĩnh vực – tránh bỏ trứng một giỏ. Cơ chế đảm bảo tiền gửi Châu Âu khuyến nghị đầu tư phải đảm bảo thanh khoản chi trả trong tối đa 7 ngày làm việc. EU thiết lập các công cụ đầu tư ưu tiên tiền mặt và tiền gửi; TPCP và tín phiếu kho bạc... Để đảm bảo an toàn và thanh khoản, hầu hết 16 TCBHTG thành viên APRC chỉ đầu tư

vào công cụ đảm bảo vốn gốc và thanh khoản cao như TPCP, tín phiếu ngắn hạn, gửi tiền tại NHTW hoặc TCTC lành mạnh.

Cơ cấu đầu tư được phép của Việt Nam hiện tập trung vào tài sản nợ quốc gia là TPCP và gửi tiền tại NHNN. Việc trước đây BHTGVN gửi tiền tại các NHTM, về mặt lý thuyết, có tiềm ẩn rủi ro, trong đó có rủi ro giảm phát và lạm phát, tín dụng, thanh khoản, và đạo đức. Hình thức đầu tư sắp tới vào trái phiếu do ngân hàng phát hành theo quy định của Luật các TCTD 2017 nên được thực hiện thận trọng dựa trên điều kiện thực tế về pháp lý, thị trường... Tỷ lệ 21% số tổ chức BHTG Châu Âu đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp trong khảo sát của EFDI 2013 cho thấy các tổ chức BHTG Châu Âu quan ngại về thanh khoản hơn khả năng sinh lời. Ở Châu Á, Nhật Bản và Hàn Quốc nắm giữ trái phiếu của TCTC để xử lý đổ vỡ và tái cơ cấu nợ. BHTGVN cần cân nhắc hợp lý tỷ lệ nhỏ nắm giữ trái phiếu ngân hàng. Khó khăn lớn nhất là BHTGVN hiện chỉ được mua và nắm giữ đến ngày đáo hạn, làm hạn chế cơ hội tiếp cận và quay vòng vốn tái đầu tư. Đây là nội dung BHTGVN cần sớm đề xuất thay đổi luật trong thời gian tới nhằm phù hợp với Lộ trình phát triển thị trường trái phiếu Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Vấn đề nguồn vốn, cơ chế cấp vốn và hoạt động đầu tư là những nội dung quan trọng đảm bảo sự phát triển của TCBHTG. Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008-2010 khẳng định hệ thống BHTG thiếu các yếu tố cơ bản về vốn sẽ gặp phải những thách thức trong việc duy trì niềm tin công chúng.

Hoạt động đầu tư, tái đầu tư để quay vòng vốn không chỉ giúp bảo toàn và duy trì giá trị thực của nguồn vốn để thực hiện kịp thời và thành công các nhiệm vụ chính sách và nghĩa vụ pháp lý về BHTG, mà còn góp phần nâng cao năng lực tài chính, vị thế của TCBHTG.

Trong Chương 1, tác giả đã làm rõ một số vấn đề lý luận cơ bản về BHTG nói chung và hoạt động đầu tư NVTTNR nói riêng trên các phương diện: khái niệm, sự cần thiết của hoạt động đầu tư NVTTNR, các nguyên tắc trong đầu tư và các chỉ tiêu đánh giá hoạt động đầu tư NVTTNR; kinh nghiệm về nguồn vốn và quản trị đầu tư ở một số quốc gia APRC thuộc tổ chức IADI, qua đó rút ra một số bài học với Việt Nam.

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG VỀ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN TẠM THỜI NHÀN RỒI CỦA BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM

2.1. KHÁI QUÁT VỀ BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam

2.1.1.1. Bối cảnh ra đời của BHTGVN

Pháp lệnh ngân hàng ban hành năm 1990 đã chuyển hoạt động hệ thống ngân hàng từ một cấp sang hai cấp, theo đó NHNNVN thực hiện chung việc quản lý Nhà nước; hoạt động kinh doanh do các TCTD thực hiện. Sự phát triển nhanh về quy mô, loại hình và hình thức sở hữu của TCTD một mặt tạo thêm lựa chọn cho người tiêu dùng, nhưng mặt khác lại gia tăng rủi ro. Việc hàng loạt hợp tác xã tín dụng đổ vỡ đã ảnh hưởng tiêu cực tới lòng tin của người dân đối với hệ thống ngân hàng. Cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á năm 1997 cũng là hồi chuông cảnh báo cho hệ thống ngân hàng nước ta, đòi hỏi phải chú trọng hơn nữa đến vấn đề BHTG. Luật các TCTD năm 1997 đã tạo nền tảng pháp lý quan trọng cho việc thành lập TCBHTG và xây dựng các văn bản pháp lý điều chỉnh hoạt động BHTGVN, trong đó Khoản 1 Điều 17 nhấn mạnh: “TCTD có trách nhiệm tham gia tổ chức bảo toàn hoặc bảo hiểm tiền gửi”. Ngày 09/11/1999, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định 218/1999/QĐ-TTg thành lập BHTGVN để triển khai các chính sách BHTG theo Nghị định 89.

2.1.1.2. Các cột mốc quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam

Quá trình xây dựng và trưởng thành hệ thống BHTGVN trải qua 3 cột mốc:

Giai đoạn 1999-2004 là thời kỳ BHTGVN xây dựng nền tảng phát triển hệ thống; Giai đoạn 2005-2012, đây là thời kỳ đẩy mạnh nghiên cứu đề xuất xây dựng cơ sở pháp lý và hội nhập; và Giai đoạn 2013-nay, BHTGVN củng cố bộ máy, tăng cường năng lực và mở rộng hợp tác cùng phát triển trên cơ sở có khung pháp lý cao là Luật BHTG.

Chính sách BHTG có sự thay đổi rõ nét: Nghị định 89/1999/NĐ-CP ngày 01/9/1999 về BHTG là văn bản pháp lý đầu tiên về lĩnh vực BHTG. Năm 2005 là

năm bản lề cho sự phát triển với việc ban hành Nghị định 109/2005/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 89/1999/NĐ-CP về BHTG giúp xác định rõ hơn vị thế của BHTGVN. Luật BHTG có hiệu lực từ ngày 01/01/2013 – văn bản pháp lý cao nhất điều chỉnh hoạt động BHTG giúp bảo vệ tốt hơn quyền lợi người gửi tiền.

(1) Giai đoạn 1999-2004: giai đoạn xây dựng nền tảng phát triển hệ thống

BHTGVN đã được thành lập theo Quyết định số 218/1999/QĐ-TTg ngày 09/11/1999 của Thủ tướng Chính phủ, và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 07/07/2000 theo khung pháp lý và Nghị định 89/1999/NĐ-CP về BHTG, Nghị định 109/2005/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 89), Quyết định 75/2000/QĐ-TTg phê duyệt điều lệ về tổ chức và hoạt động của BHTGVN. Theo các văn bản pháp lý này, BHTGVN là tổ chức duy nhất tại Việt Nam thực hiện chính sách BHTG nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, góp phần duy trì sự ổn định của các TCTD, bảo đảm sự phát triển an toàn lành mạnh hoạt động ngân hàng.

Trong giai đoạn này, hệ thống BHTGVN gồm có Trụ sở chính và 6 Chi nhánh khu vực. Tổ chức bộ máy của BHTGVN bao gồm HĐQT, Ban điều hành cùng các Phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ. Các chi nhánh cũng hình thành các phòng chức năng về BHTG.

Năm 2003, BHTGVN trở thành thành viên của Hiệp hội Bảo hiểm tiền gửi quốc tế, BHTGVN đã ký kết Biên bản hợp tác với các TCBHTG Nhật Bản, Hàn Quốc, Lào... tạo cơ hội học hỏi, chia sẻ những thành công riêng của từng nước để vận dụng phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

(2) Giai đoạn 2005-2012: thời kỳ đẩy mạnh nghiên cứu đề xuất xây dựng cơ sở pháp lý và hội nhập.

Năm 2007, Chính phủ đã giao cho NHNNVN chủ trì, phối hợp với các Bộ, Ngành có liên quan xây dựng Luật BHTG. Trên cơ sở đó, BHTGVN đã chủ động nghiên cứu, đề xuất, tham mưu với NHNNVN về các nội dung của Luật. Trong quá trình xây dựng Luật, BHTGVN cũng nhận được sự hỗ trợ tích cực của các tổ chức quốc tế như World bank (Ngân hàng Thế giới), ADB (Ngân hàng Phát triển Châu Á). Luật BHTG chính thức được thông qua ngày 18/06/2012 và có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2013, hoạt động BHTG đã được điều chỉnh bởi cơ sở pháp lý cao nhất.

Đáng chú ý trong năm 2007, BHTGVN đã đăng cai thành công Hội nghị thường niên lần thứ 5 của Ủy ban khu vực Châu Á thuộc Hiệp hội Bảo hiểm tiền gửi quốc tế, qua đó, khẳng định vị thế của mình.

(3) Giai đoạn 2013- nay: củng cố bộ máy, tăng cường năng lực, mở rộng hợp tác triển khai đồng bộ các chính sách BHTG và thực hiện nhiệm vụ của BHTGVN theo Luật BHTG.

Nghị định 68/2013/NĐ-CP về hướng dẫn thi hành Luật BHTG, Quyết định 1394/QĐ-TTg ngày 13/08/2013 về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của BHTGVN, ngày 01/4/2016 Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 527/QĐ-TTg về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ về tổ chức và hoạt động BHTGVN ban hành kèm theo Quyết định số 1395/QĐ-TTg ngày 13/8/2013. Tại Quyết định này, mô hình tổ chức và hoạt động của BHTGVN đã được xác định rõ: là tổ chức tài chính Nhà nước, hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% Vốn điều lệ. Việc xác định rõ mô hình hoạt động đã tạo ra địa vị pháp lý rõ ràng, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của BHTGVN.

Ngày 24/3/2016, BHTGVN được Thống đốc NHNNVN chấp thuận cho mở thêm 02 chi nhánh mới theo Quyết định số 405/QĐ-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 3090/QĐ-NHNN ngày 31/12/2013 về cơ cấu, tổ chức của BHTGVN, bao gồm: Chi nhánh khu vực Tây Bắc Bộ có trụ sở tại Việt Trì, Phú Thọ và Chi nhánh Đà Nẵng tại Thành phố Đà Nẵng, chính thức đưa số chi nhánh trực thuộc BHTGVN lên 08 chi nhánh. Song song với việc thành lập thêm 02 chi nhánh mới, BHTGVN được thành lập thêm 2 phòng mới: Phòng Tham gia kiểm soát đặc biệt và Thu hồi tài sản và Phòng Đào tạo.

Đến năm 2017, trong bối cảnh tái cơ cấu ngân hàng đang trở nên hết sức cấp bách trên nguyên tắc thận trọng, bảo đảm quyền lợi của người gửi tiền và giữ vững sự ổn định, an toàn hệ thống, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD (Luật số 17/2017/QH14) được Quốc hội thông qua vào ngày 20/11/2017 và bắt đầu có hiệu lực từ ngày 15/1/2018 đã tạo ra cơ sở pháp lý nhằm củng cố, lành mạnh hóa hệ thống các TCTD trong giai đoạn tới. Theo đó, BHTGVN được trao thêm một số chức năng, nhiệm vụ theo hướng tham gia sâu hơn vào quá trình cơ cấu lại các TCTD một cách phù hợp với nguồn lực, quy mô, hoạt động của tổ chức.

Năm 2018, BHTGVN đã đăng cai và tổ chức thành công Hội nghị thường niên lần thứ 16 và Hội thảo quốc tế của Ủy ban Châu Á Thái Bình Dương (APRC) thuộc Hiệp hội Bảo hiểm tiền gửi quốc tế (IADI). Cũng trong năm 2018, BHTGVN đã tiếp tục phối hợp với IADI thực hiện Chương trình Hỗ trợ kỹ thuật tự đánh giá Bộ nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống BHTG hiệu quả (SATAP) nhằm đánh giá hoạt động của TCBHTG so với thông lệ quốc tế và từ đó đưa ra các khuyến nghị nhằm củng cố, phát triển hoạt động của TCBHTG.

Năm 2019, BHTGVN phối hợp với Tổng công ty BHTG Indonesia (IDIC) tổ chức thành công “Hội thảo về cải cách tổ chức BHTG - kinh nghiệm của IDIC” tại TP. Hà Nội và Đà Nẵng nhằm chia sẻ kinh nghiệm và nâng cao hiệu quả của hệ thống BHTG tại Việt Nam.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam

2.1.2.1. Chức năng

- BHTGVN là tổ chức tài chính Nhà nước hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, thực hiện chính sách BHTG góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống các tổ chức tín dụng, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng.

- BHTGVN hoạt động bảo đảm an toàn vốn và tự bù đắp chi phí. BHTGVN có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.

- BHTGVN được miễn nộp các loại thuế theo quy định của pháp luật. Chế độ tài chính của BHTGVN do BTC chủ trì, phối hợp với NHNNVN quy định.

2.1.2.2. Nhiệm vụ

Với chức năng là tổ chức tài chính Nhà nước hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, thực hiện chính sách BHTG góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống các TCTD, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng, BHTGVN thực hiện các nhiệm vụ chính sau:

- BHTGVN thực hiện cấp chứng nhận BHTG cho các tổ chức tham gia BHTG; cấp bổ sung đủ số lượng cần thiết và kịp thời theo yêu cầu của các tổ chức để niêm yết công khai trước công chúng; thu hồi chứng nhận BHTG đối với các tổ

chức bị NHNN thu hồi giấy phép.

- Tính và thu phí BHTG đối với tổ chức tham gia BHTG theo quy định của pháp luật.

- Nghiệp vụ Giám sát từ xa, bao gồm các hoạt động: Kiểm soát các hồ sơ pháp lý tham gia BHTG; thu nhận và kiểm tra thông tin báo cáo trực tiếp từ tổ chức tham gia BHTG; đánh giá tình hình hoạt động các tổ chức tham gia BHTG theo định kỳ tháng, quý. Đồng thời giám sát việc chấp hành các quy định về BHTG; tuân thủ quy định về đảm bảo các chỉ tiêu an toàn trong hoạt động ngân hàng; cảnh báo các rủi ro tiềm tàng và những sai phạm, yếu kém cần khắc phục.

- Kiểm tra trực tiếp định kỳ hàng năm trên diện rộng theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất theo kết quả cảnh báo của giám sát từ xa.

- Hoạt động đầu tư và quản lý nguồn vốn: Theo quy định tại Thông tư số 20/2020/TT-BTC ngày 01/04/2020 của Bộ Tài chính, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được sử dụng vốn hoạt động để mua trái phiếu Chính phủ, mua trái phiếu dài hạn của tổ chức tín dụng hỗ trợ theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, mua tín phiếu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và gửi tiền tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Hỗ trợ các tổ chức tham gia BHTG khi cần thiết: Từ tháng 8/2005, BHTGVN đã triển khai thí điểm nghiệp vụ hỗ trợ tài chính cho các QTDND cơ sở có nguy cơ mất khả năng chi trả. Đặc biệt theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung Luật các TCTD được Quốc hội thông qua năm 2017 và có hiệu lực từ 15/01/2018 và Thông tư số 20/2020/TT-BTC ngày 01/04/2020 của Bộ Tài chính thì BHTGVN mua trái phiếu dài hạn của TCTD hỗ trợ và cho vay đặc biệt đối với TCTD được KSDB trong các trường hợp sau:

- + Cho vay đặc biệt để hỗ trợ thanh khoản đối với TCTD khi TCTD có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả, đe dọa sự ổn định của hệ thống trong thời gian TCTD được KSDB, bao gồm cả trường hợp TCTD đang thực hiện phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt;

- + Cho vay đặc biệt theo quyết định của NHNN với lãi suất ưu đãi đến mức 0% để hỗ trợ thanh khoản đối với công ty tài chính, QTDND, tổ chức tài chính vi mô từ Quỹ dự phòng nghiệp vụ khi công ty tài chính, QTDND, tổ chức tài chính vi mô có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả, đe dọa

sự ổn định của hệ thống trước khi phương án cơ cấu lại được phê duyệt;

+ Cho vay đặc biệt với lãi suất ưu đãi đến mức 0% để hỗ trợ phục hồi đối với công ty tài chính, QTDND, tổ chức tài chính vi mô từ Quỹ dự phòng nghiệp vụ theo phương án phục hồi đã được phê duyệt.

- Tham gia vào quá trình KSDB đối với tổ chức tham gia BHTG theo quy định của NHNN; tham gia quản lý, thanh lý tài sản và thu hồi số tiền bảo hiểm phải trả của tổ chức tham gia BHTG theo quy định của pháp luật.

- Chi trả các khoản tiền gửi được bảo hiểm cho người gửi tiền khi phát sinh nghĩa vụ chi trả BHTG theo quy định pháp luật.

- Tổ chức tuyên truyền chính sách, pháp luật về BHTG; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về BHTG, nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ và phương thức quản lý phù hợp với yêu cầu phát triển của TCBHTG.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác khi được Thủ tướng Chính phủ hoặc Thống đốc NHNN giao.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam

Theo Quyết định 218/1999/QĐ-TTg ngày 09/11/1999, Quyết định 1394/QĐ-TTg ngày 13/08/2013, Quyết định 1395/QĐ-TTg ngày 13/08/2013 và Quyết định 527/QĐ-TTg ngày 01/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam là tổ chức tài chính Nhà nước, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo đảm an toàn vốn và tự bù đắp chi phí.

Trải qua 20 năm hoạt động, BHTGVN đã xây dựng mạng lưới hoạt động gồm Trụ sở chính tại Hà Nội và 08 Chi nhánh khu vực. Mô hình tổ chức của BHTGVN gồm HĐQT và bộ máy giúp việc (Ban thư ký và Ban Kiểm toán nội bộ); Bộ máy điều hành gồm Tổng giám đốc, các Phó TGD và bộ phận giúp việc (các phòng ban, chi nhánh khu vực), phù hợp với thông lệ quốc tế và đảm bảo tính độc lập tương đối của TCBHTG theo hướng:

+ Về tổ chức, Thủ tướng thành lập và bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT, Thống đốc NHNN bổ nhiệm Tổng giám đốc, các Thành viên HĐQT và các Phó Tổng giám đốc;

+ Về tài chính, được cấp vốn điều lệ, hạch toán, bảo đảm an toàn vốn và tự bù đắp chi phí.

2.1.4. Một số kết quả hoạt động của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam

Căn cứ Báo cáo tổng kết hoạt động của BHTGVN năm 2019, những kết quả BHTGVN đạt được trong 20 năm thành lập nói chung và năm 2019 nói riêng được tổng kết lại trong các nghiệp vụ chính dưới đây:

2.1.4.1. Cấp và thu hồi giấy chứng nhận bảo hiểm tiền gửi

Theo quy định của Luật BHTG, chậm nhất 15 ngày trước ngày khai trương hoạt động, TCTD phải nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng nhận tham gia BHTG. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận tham gia BHTG, BHTGVN có trách nhiệm cấp Chứng nhận tham gia BHTG. Trường hợp NHNN có văn bản tạm thời đình chỉ hoạt động nhận tiền gửi theo quy định, tổ chức tham gia BHTG sẽ bị tạm thu hồi chứng nhận tham gia BHTG.

Tính đến hết ngày 31/12/2019, tại Việt Nam có 1.282 tổ chức tham gia BHTG, bao gồm 95 Ngân hàng và Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, 01 Ngân hàng hợp tác; 1.182 QTDND và 04 tổ chức tài chính vi mô. Đặc biệt trong năm 2019, BHTGVN đã hoàn thành cấp mới 01 Chứng nhận tham gia BHTG, cấp lại 03 Chứng nhận và 576 bản sao Chứng nhận tham gia BHTG cho các TCTD; thu hồi 01 Chứng nhận tham gia BHTG.

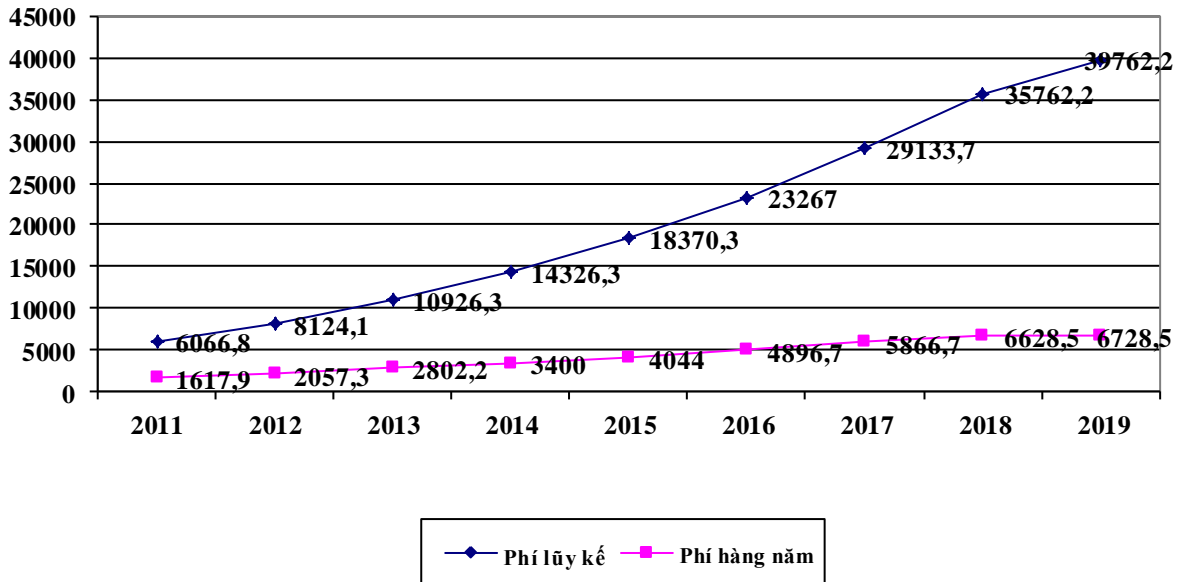
Công tác cấp và thu hồi Chứng nhận tham gia BHTG luôn được BHTGVN thực hiện kịp thời, đúng quy định, đáp ứng nhu cầu của các tổ chức tín dụng, góp phần nâng cao vị thế của BHTGVN và niềm tin của công chúng vào hệ thống ngân hàng.

2.1.4.2. Tính và thu phí bảo hiểm tiền gửi

Hiện nay, mức phí BHTG là 0,15%/năm trên tổng số dư tiền gửi bình quân được bảo hiểm, áp dụng đồng hạng đối với tất cả các tổ chức tham gia BHTG.

BHTGVN đã thực hiện tốt công tác quản lý thu phí bảo hiểm tiền gửi, tích cực đôn đốc, hướng dẫn, giải đáp các vướng mắc và xử lý kịp thời các vi phạm trong việc tính và nộp phí BHTG. Trong năm 2019, BHTGVN gửi tại các tổ chức tham gia BHTG tổng số phí thực thu là 6,7 tỷ đồng, đạt 104% kế hoạch, tăng 13% so với năm 2018; ngoài ra đã thực hiện miễn nộp phí BHTG đối với các tổ chức tham gia BHTG được kiểm soát đặc biệt với tổng số tiền 131,3 tỷ đồng theo quy định.

Số liệu thu phí BHTG giai đoạn 2011 - 2019



Đơn vị tính: tỷ đồng

Hình 2.1. Số liệu thu phí BHTG giai đoạn 2011 – 2019

Nguồn: BHTGVN tổng hợp

2.1.4.3. Giám sát từ xa

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, BHTGVN thực hiện giám sát thường xuyên, liên tục đối với 100% các tổ chức tham gia BHTG, thực hiện Báo cáo giám sát các tổ chức tham gia BHTG theo định kỳ tháng, quý, năm và đột xuất khi cần thiết; đồng thời thực hiện giám sát chuyên sâu đối với các QTDND được phân loại ở mức 4 và mức 5.

Từ khi Luật BHTG có hiệu lực (ngày 01/1/2003) BHTGVN tiếp tục tăng cường hoạt động giám sát các tổ chức tham gia BHTG, phối hợp triển khai hiệu quả việc cung cấp thông tin giữa NHNN và BHTGVN trong công tác giám sát từ xa theo quy định tại Thông tư số 34/2016/TT-NHNN ngày 28/12/2016 của NHNN; Ban hành và sửa đổi các quy chế và văn bản hướng dẫn thực hiện phù hợp với yêu cầu và chỉ đạo của NHNNVN. Theo kết quả giám sát trong những năm gần đây, tình hình QTDND yếu kém có xu hướng gia tăng và diễn biến phức tạp, BHTGVN đã tập trung theo dõi tăng cường giám sát chuyên sâu, phối hợp các nghiệp vụ, xử lý đối với các QTDND có vấn đề, đặc biệt đối với 25 QTDND có vi phạm nghiêm trọng, đang được NHNN đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt.

2.1.4.4. Kiểm tra tại chỗ

Hiện nay, theo quy định của Luật BHTG, BHTGVN thực hiện theo dõi, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về BHTG đối với các tổ chức tham gia BHTG, trọng tâm là kiểm tra chuyên sâu về tiền gửi được bảo hiểm nhằm kịp thời phát hiện các vi phạm và đề xuất biện pháp xử lý, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người gửi tiền cũng như phòng ngừa các hiện tượng gian lận, trục lợi BHTG.

Tính từ năm 2013, BHTGVN đã tổ chức kiểm tra tại chỗ đối với 2.388 lượt tổ chức tham gia BHTG gồm 321 lượt NHTM, 2.147 lượt QTDND. Kết quả kiểm tra phát hiện 2.041 lượt vi phạm sai sót trong việc chấp hành các quy định về BHTG như xác định chưa chính xác số dư tiền gửi được BH theo quy định, sai sót trong việc hạch toán, quản lý tài khoản tiền gửi được BH và hồ sơ, tài liệu, sổ sách, chứng từ liên quan đến tiền gửi được BH. Bên cạnh đó, BHTGVN thường xuyên kiểm tra, rà soát quy định nội bộ liên quan đến quy trình nhận tiền gửi đối với tổ chức tham gia BHTG; tổng hợp tình hình hoạt động của hệ thống QTDND, đề xuất, kiến nghị một số ý kiến nhằm củng cố, chấn chỉnh, phát triển bền vững hệ thống QTDND báo cáo NHNN.

**Bảng 2.1. Số tổ chức tham gia BHTG được kiểm tra tại chỗ
giai đoạn 2011 – 2019**

Loại hình tổ chức	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Ngân hàng thương mại Nhà nước	3	2	2	4	2	1	2	2	2
Ngân hàng Hợp tác xã	1	0	0	1	0	1	0	0	0
Ngân hàng thương mại cổ phần	14	14	15	20	15	17	15	19	40
Chi nhánh ngân hàng nước ngoài	10	22	13	22	24	19	26	4	2
Ngân hàng liên doanh	2	2	2	2	0	0	3	0	0

Loại hình tổ chức	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Ngân hàng 100% vốn nước ngoài	1	1	2	0	0	4	1	2	2
Tổ chức tài chính vi mô	0	0	0	0	0	2	1	0	2
Công ty tài chính	3	1	0	0	0	0	0	0	0
Quỹ tín dụng nhân dân	264	252	307	350	356	419	386	329	400
Tổng số	298	294	341	399	397	463	434	356	446

Nguồn: BHTGVN tổng hợp

2.1.4.5. Quản lý và sử dụng nguồn vốn

Công tác quản lý và đầu tư NVTTNR được thực hiện đúng quy định, an toàn, hiệu quả, góp phần phát triển nguồn vốn, đem lại nguồn thu bổ sung cho quỹ dự phòng nghiệp vụ, nâng cao năng lực tài chính của BHTGVN. Tính đến ngày 31/12/2019, tổng NVTTNR được đầu tư của BHTGVN là 56.736,5 tỷ đồng; hầu hết lượng vốn TTNR đã được đầu tư vào TPCP. Hoạt động đầu tư TPCP được BHTGVN thực hiện linh hoạt trên cả thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp theo hướng tăng dần tỷ lệ mua TPCP trên thị trường thứ cấp, góp phần thực hiện các mục tiêu và yêu cầu của Lộ trình phát triển thị trường trái phiếu giai đoạn 2017 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Ngoài 04 NHTM có vốn Nhà nước chi phối, BHTGVN cũng đã ký kết thỏa thuận hợp tác với các Ngân hàng thương mại cổ phần (NHTMCP) lớn như: NHTMCP Kỹ thương Việt Nam, NHTMCP Quân đội, NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng...; phối hợp tổ chức các buổi tọa đàm và trao đổi nghiệp vụ với các tổ chức trong nước và quốc tế nhằm tăng cường mối quan hệ hợp tác, nắm bắt thông tin, chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm đầu tư vốn hiệu quả. Đồng thời, BHTGVN hiện đang tập trung nghiên cứu phương án mua TPDH của các TCTD hỗ trợ theo quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các TCTD vừa được Quốc hội thông qua.

2.1.4.6. Chi trả tiền gửi được bảo hiểm

Tính từ khi thành lập đến cuối năm 2013, BHTGVN đã thực hiện chi trả bảo hiểm cho người gửi tiền tại 39 QTDND (các ngân hàng chưa phát sinh chi trả BHTG) với tổng số tiền hơn 26,8 tỷ đồng cho 1.793 người gửi tiền. Kể từ năm 2014 đến 31/12/2019, BHTGVN không phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền tại các tổ chức tham gia BHTG nhưng vẫn có một số QTDND yếu kém và có khả năng lâm vào tình trạng phá sản. BHTGVN đã chủ động giám sát, kiểm tra chuyên sâu, phối hợp với Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng – Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh các tỉnh, thành phố để có giải pháp xử lý đối với từng QTDND có vấn đề, chủ động chuẩn bị và xây dựng các phương án chi trả bảo hiểm đối với các QTDND yếu kém có khả năng bị xử lý pháp nhân.

2.1.4.7. Tham gia kiểm soát đặc biệt và thu hồi tài sản

Tình hình hoạt động của các TCTD, đặc biệt là các QTDND có nhiều diễn biến phức tạp, nhiều QTDND hoạt động yếu kém, có dấu hiệu vi phạm pháp luật về quản lý, huy động vốn, cho vay, gây rủi ro đối với người gửi tiền và ảnh hưởng an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn đơn vị hoạt động. Thực hiện vai trò, chức năng và nhiệm vụ được giao, BHTGVN đã tích cực kiểm tra, giám sát và tham gia quá trình kiểm soát đặc biệt, chủ động theo dõi, tổng hợp và cập nhật kịp thời diễn biến tình hình hoạt động của các QTDND có vấn đề. Tính đến thời điểm 31/12/2019, có 30 tổ chức tham gia BHTG đang được kiểm soát đặc biệt, bao gồm 04 ngân hàng và 26 QTDND. Đối với công tác thu hồi tài sản, BHTGVN theo dõi, đôn đốc bám sát kết quả hoạt động thanh lý 07 QTDND để tận thu số tiền bảo hiểm đã chi trả.

2.1.4.8. Thông tin tuyên truyền

Hoạt động thông tin tuyên truyền được BHTGVN tích cực triển khai theo hướng đa dạng về nội dung, hình thức và mở rộng kênh truyền thông đến các vùng sâu, vùng xa, trực tiếp tại các địa bàn đối với người gửi tiền để chính sách BHTG lan tỏa rộng khắp trong công chúng. Bên cạnh việc đẩy mạnh các kênh truyền thông chính thức của BHTGVN (bao gồm trang thông tin điện tử, Bản tin BHTG, tuyên truyền chính sách BHTG trên các báo tạp chí trong và ngoài ngành Ngân hàng, các kênh phát thanh truyền hình có uy tín), BHTGVN chú trọng khai thác các hình thức, kênh truyền thông mới thu hút sự quan tâm của đông đảo công chúng như: các kênh truyền thông độc quyền của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam; tổ chức giao lưu với sinh viên các trường đại học, cao đẳng tìm hiểu về chính sách BHTG.

2.2. THỰC TRẠNG VỀ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN TẠM THỜI NHÀN RỒI CỦA BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM

2.2.1. Cơ sở pháp lý về hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam

Có ba hệ thống văn bản pháp lý về hoạt động đầu tư NVTNTR của BHTGVN: (1) hệ thống văn bản trực tiếp liên quan và điều chỉnh hoạt động đầu tư của BHTGVN; (2) hệ thống văn bản về điều kiện đầu tư trên thị trường tài chính; và (3) hệ thống văn bản quản trị điều hành nội bộ đối với hoạt động đầu tư.

Bảng 2.2. Danh mục đầu tư của BHTGVN theo quy định pháp luật ở từng thời kỳ

TT	Trước Luật BHTG		Sau Luật BHTG
	1999-2004	2005-2012	2013-2020
1	Mua TPCP		
2	Mua trái phiếu, tín phiếu NHNN		Mua tín phiếu NHNN, Mua trái phiếu của tổ chức tín dụng hỗ trợ
	Mua trái phiếu, tín phiếu TCTD Nhà nước	Mua trái phiếu, tín phiếu của NHTM Nhà nước; Mua trái phiếu của NHTMCP được NHNN xếp loại A	
3	Gửi tiền tại Kho bạc Nhà nước (KBNN), NHNN		Gửi tiền tại NHNN
	Gửi tiền tại TCTD Nhà nước	Gửi tiền tại các NHTM Nhà nước, các NHTM Cổ phần được NHNN xếp loại A	

Nguồn: BHTGVN tổng hợp

Ở hai giai đoạn trước và sau khi Luật BHTG có hiệu lực, các hệ thống văn bản pháp lý đều có mặt tích cực, hạn chế; nhưng là các điều kiện tiên quyết xác định công cụ, tài sản và thị trường đầu tư được phép ở từng thời kỳ.

2.2.1.1. Giai đoạn trước năm 2012

Trong giai đoạn này, nội dung về quản lý và sử dụng nguồn vốn của BHTGVN được quy định tại Nghị định 89 và các văn bản hướng dẫn ban hành ở thời kỳ 1999-2004 và Nghị định 109 và các văn bản hướng dẫn ban hành ở thời kỳ

2005-2012. Quy định ban hành ở thời kỳ 2005-2012 cụ thể hơn, đặc biệt là loại hình tổ chức BHTGVN có hoạt động đầu tư. Sự khác biệt được thể hiện như sau:

(1) Hình thức gửi tiền được xác định rõ gồm gửi tiền tại KBNN, NHNN hoặc các NHTM Nhà nước, các NHTMCP được NHNN xếp loại A (quy định cũ là gửi tiền tại KBNN, NHNN hoặc các TCTD Nhà nước). Hình thức đầu tư mua TPCP và tín phiếu gồm mua TPCP, trái phiếu và tín phiếu của NHNN, trái phiếu và tín phiếu của các NHTM Nhà nước hoặc các NHTMCP được NHNN xếp loại A (thay vì chỉ quy định mua TPCP, trái phiếu, tín phiếu của NHNN hoặc TCTD Nhà nước phát hành). Việc quy định rõ hai hình thức đầu tư trên là cơ sở đảm bảo việc BHTGVN chỉ được phép gửi tiền vào TCTD được NHNN xếp hạng an toàn;

(2) Nếu Nghị định 89 và văn bản hướng dẫn chỉ quy định hình thức và mức đầu tư NVTTNR theo Phương án phê chuẩn của HĐQT, nội dung Nghị định 109 và văn bản hướng dẫn lần đầu tiên đề cập đến Quy chế đầu tư, theo đó đầu tư NVTTNR thực hiện theo Quy chế đầu tư do HĐQT quyết định – điều này cho thấy trách nhiệm của Ban lãnh đạo BHTGVN trong xây dựng và ban hành các điều kiện về đầu tư, tính chuyên nghiệp trong đầu tư dài hạn. Các văn bản ban hành trước năm 2005 chỉ đề cập đến Phương án đầu tư mang tính chất từng lần (ngắn hạn).

(3) Mặc dù hệ thống văn bản pháp lý liên quan trực tiếp ban hành trước năm 2013 đã cho phép BHTGVN được ủy thác đấu thầu cho đối tác là thành viên tham gia đấu thầu TPCP tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), chưa có quy định cho phép BHTGVN được mua các loại trái phiếu do Chính phủ bảo lãnh; trong khi các đợt phát hành TPCP giai đoạn 1999-2012 rất ít và không ổn định, khối lượng phát hành chưa nhiều, số lượng tổ chức tham gia đấu thầu lớn và cạnh tranh cao, và mức lãi suất TPCP thường thấp hơn nhiều so với lãi suất tiền gửi cùng kỳ hạn.

2.2.1.2. Giai đoạn từ năm 2013 đến nay

Luật BHTG và văn bản dưới luật quy định BHTGVN có nhiệm vụ quản lý, sử dụng và bảo toàn nguồn vốn quỹ BHTG. BHTGVN được sử dụng NVTTNR để (1) mua TPCP, (2) mua tín phiếu NHNN và (3) gửi tiền tại NHNN. Đặc biệt, hai văn bản quy định điều kiện mở đối với BHTGVN khi gửi tiền tại NHNN và bán TPCP khi cần chi trả ở giai đoạn này là cơ sở pháp lý quan trọng giúp BHTGVN thực hiện hoạt động đầu tư dễ dàng hơn, gỡ bỏ khó khăn khi Luật đã có hiệu lực:

- Thông tư 24/2014/TT-NHNN của NHNN ban hành ngày 6/9/2014 cho phép

BHTGVN được mở tài khoản tại NHNN và mua tín phiếu NHNN; gửi tiền tại NHNN với lãi suất theo quy định của Thống đốc NHNN;

- Thông tư 312/2016/TT-BTC ngày 24/11/2016 của Bộ tài chính quy định chế độ tài chính của BHTGVN cho phép BHTGVN bán TPCP khi cần chi trả.

Như vậy, các hình thức đầu tư được phép của BHTGVN theo Luật BHTG là những hình thức sử dụng vốn có độ an toàn và thanh khoản cao, phù hợp với khuyến nghị quốc tế về lựa chọn sản phẩm đầu tư và công cụ tài chính an toàn nhất là TPCP và gửi tiền tại NHTW; thiết lập và tuân thủ nguyên tắc không/hạn chế đầu tư quy mô lớn vào ngân hàng; xác định mục tiêu đầu tư phù hợp nhằm bảo toàn vốn và đảm bảo nguồn vốn có sẵn để đáp ứng các nghĩa vụ pháp lý tương lai khi xảy ra đổ vỡ. Trong suốt 5 năm triển khai, BHTGVN luôn tuân thủ Luật BHTG về đầu tư nguồn vốn TTNR – chỉ tập trung mua TPCP và gửi tiền tại NHNN – đảm bảo nguyên tắc an toàn và phát triển vốn, góp phần thúc đẩy nguồn vốn tăng trưởng ổn định, hiệu quả. Đây là khác biệt cơ bản trong thực tiễn hoạt động đầu tư của BHTGVN so với trước.

Mặc dù đã kế thừa các điểm tích cực của Nghị định 89 và Nghị định 109 (và là cơ sở để BHTGVN sớm hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị điều hành nội bộ về hoạt động đầu tư, góp phần củng cố bộ máy tổ chức ở thời kỳ đầu khi Luật vừa có hiệu lực thi hành), Luật BHTG cũng tạo ra một số thách thức và bất lợi cho hoạt động đầu tư của BHTGVN:

- Lãi suất TPCP thấp hơn nhiều lãi suất tiền gửi tại các NHTM Nhà nước, khả năng tiếp cận vốn hạn chế, BHTGVN không được huy động vốn theo hình thức phát hành trái phiếu, và việc sử dụng vốn thu hẹp hơn do danh mục đầu tư được phép bị giới hạn – làm giảm khả năng tích lũy của BHTGVN;

- Trong khi Luật BHTG không quy định việc BHTGVN được bán TPCP trong trường hợp cần chi trả nhưng Thông tư 312/2016/TT-BTC ban hành ngày 24/11/2016 quy định Chế độ tài chính đối với BHTGVN cho phép BHTGVN được bán TPCP khi cần chi trả tiền bảo hiểm là quy định phù hợp với hoạt động của BHTGVN. Tuy nhiên vẫn chưa thực sự thống nhất về sở pháp lý, ít nhiều ảnh hưởng đến đầu tư của BHTGVN hơn 05 năm qua: lãi suất không cao phải mua để tránh ứ đọng vốn, lãi suất cao không được bán theo cơ chế thị trường;

- Việc BHTGVN vẫn chưa được phép linh hoạt bán theo nguyên tắc thị trường

làm hạn chế tính chủ động của BHTGVN trong cân đối vốn đầu tư. Mặc dù việc mua và nắm giữ TPCP đến ngày đáo hạn tạo ra thu nhập ổn định.

2.2.2. Tổ chức bộ máy

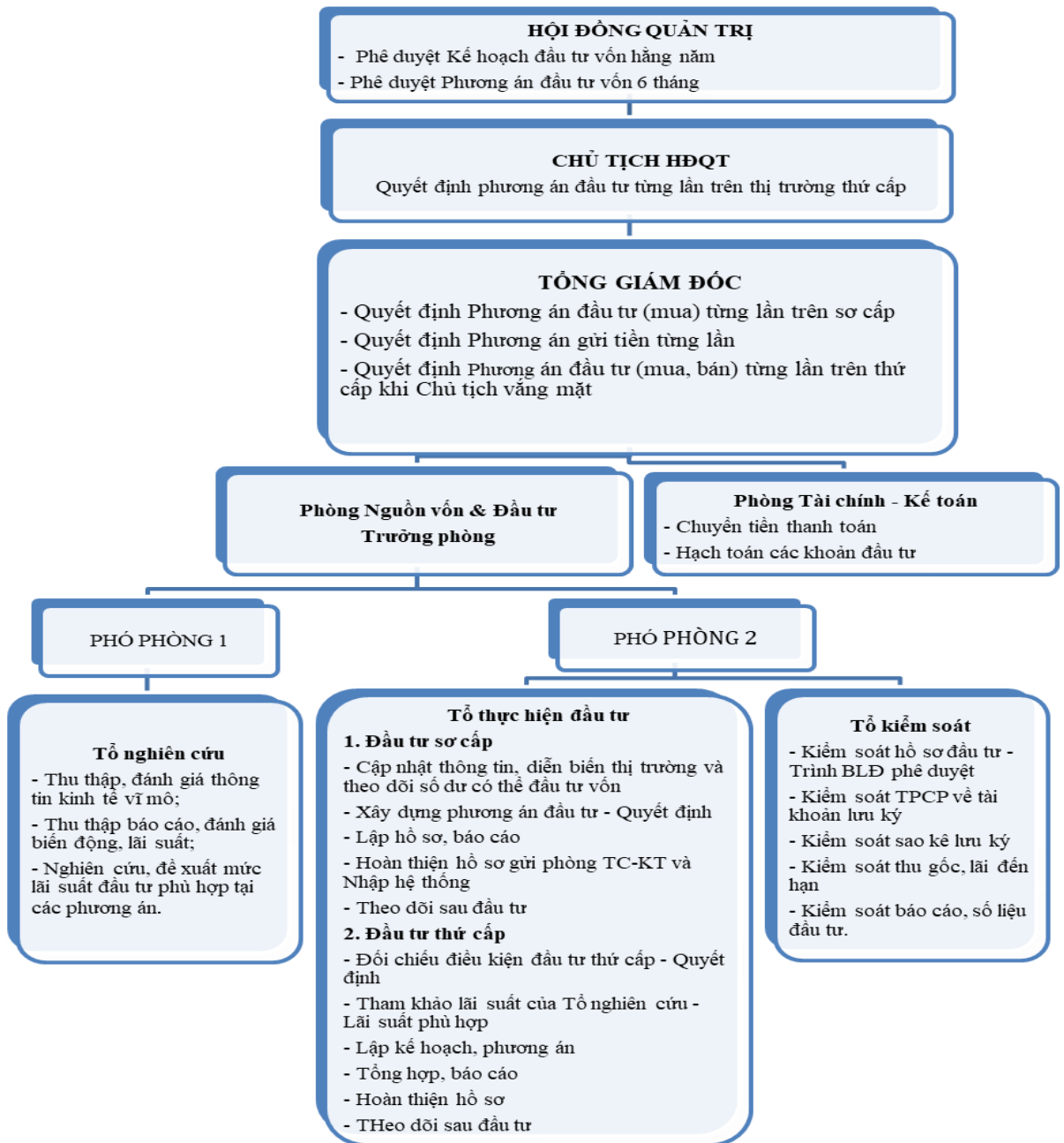
Hoạt động đầu tư vốn của BHTGVN được thực hiện tại Trụ sở chính bởi Phòng NVĐT. Phòng NVĐT chịu trách nhiệm tất cả các bước, các khâu trong chu trình đầu tư, từ nghiên cứu thị trường, phân tích và đánh giá rủi ro, ra quyết định đầu tư đến kiểm soát, theo dõi sau đầu tư và hoàn thiện hồ sơ. Hiện tại, hoạt động đầu tư tại BHTGVN chưa có ban hay bộ phận kiểm soát rủi ro riêng để giám sát hoạt động đầu tư và quy trình thực hiện các giao dịch trong đầu tư. Việc kiểm soát rủi ro được lồng ghép vào các bước ở khâu thực hiện đầu tư (trong khi đầu tư) và theo dõi sau đầu tư do các tổ/nhóm của Phòng NVĐT đảm trách.

Về mặt lý thuyết, BHTGVN chưa thiết lập cơ chế kiểm soát rủi ro hoạt động đầu tư theo mô hình một đơn vị hay ban, bộ phận hoạt động độc lập có vai trò chuyên trách kiểm soát và quản trị rủi ro (Back Office). Về thực tiễn, khi hoạt động theo dõi sau đầu tư được ngầm hiểu và gán cho chức năng kiểm soát rủi ro và được thực hiện bởi cùng một đơn vị, mô hình chung chưa thể đảm bảo tính khách quan của các yêu cầu về quản trị rủi ro.

Hiện nay, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng NVĐT được quy định tại Quyết định 788/QĐ-BHTG-HĐQT của HĐQT ngày 28/12/2015. Tính đến thời điểm hiện tại, Phòng NVĐT có 22 cán bộ gồm 03 Lãnh đạo phòng (1 Trưởng phòng và 2 Phó trưởng phòng) và 19 cán bộ. Công việc của Phòng phân theo theo 03 mảng nghiệp vụ chính gắn với tổ thực hiện gồm (1) Tổ Nghiên cứu thị trường; (2) Tổ thực hiện đầu tư; và (3) Tổ theo dõi sau đầu tư, trong đó:

- Trưởng phòng chỉ đạo điều hành chung mọi công tác của Phòng và chịu trách nhiệm trước HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc về việc tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Phòng;

- 02 Phó trưởng Phòng chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng về công việc đã được phân công, 01 Phó trưởng phòng phụ trách Tổ Nghiên cứu thị trường; 01 Phó trưởng Phòng phụ trách Tổ thực hiện đầu tư và Tổ theo dõi sau đầu tư; đồng thời giúp Trưởng phòng thực hiện giải quyết các công việc khác khi được ủy quyền.



Hình 2.2. Mô hình tổ chức, thực hiện hoạt động đầu tư của BHTGVN

2.2.3. Nội dung hoạt động

Về cơ bản, NVTNTR là nguồn vốn bằng tiền thực có của BHTGVN tạm thời chưa sử dụng để trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền và thực hiện các khoản chi theo quy định. Trên thực tế, sau khi để lại hạn mức dự phòng chi trả tiền bảo hiểm và mức vốn đảm bảo cho chi hoạt động, toàn bộ NVTNTR đã được BHTGVN đem

đầu tư để sinh lời và tăng quy mô quỹ BHTG. Trong khi đó, NVTTNR của BHTGVN được xác định tại từng thời điểm cụ thể dựa trên cơ sở: khoản thu từ phí BHTG trong kỳ; các khoản thu gốc và lãi của vốn đầu tư sắp đến hạn thanh toán; số tiền trên tài khoản tiền gửi thanh toán tại các NHTM; và các khoản sắp thu khác.

2.2.3.1. Danh mục đầu tư

**Bảng 2.3. Phân loại danh mục đầu tư theo từng thời kỳ
trong giai đoạn 2000-Nay**

Danh mục đầu tư	2000-2004		2005-2012		2013-2020	
	Quy định	Thực hiện	Quy định	Thực hiện	Quy định	Thực hiện
Mua TPCP	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Trái phiếu, tín phiếu NHNN	✓		✓	✓	✓	
Trái phiếu, tín phiếu TCTD/NHTM Nhà nước	✓	✓	✓	✓		
Trái phiếu, tín phiếu NHTM cổ phần loại A			✓			
Gửi tiền tại KBNN	✓		✓			
Gửi tiền tại NHNN	✓		✓		✓	✓
Gửi tiền tại TCTD/ NHTM Nhà nước	✓	✓	✓	✓		

Trước năm 2013, theo Quyết định 13/2008/QĐ-TTg ngày 18/01/2008 về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với BHTGVN, danh mục công cụ và tài sản đầu tư bao gồm: TPCP, tín phiếu Kho bạc; tín phiếu NHNN; gửi tiền tại KBNN và NHNN; gửi tiền, mua trái phiếu, tín phiếu của các NHTM Nhà nước và các NHTMCP được xếp loại A. Từ năm 2013, theo Luật BHTG, danh mục các công cụ, tài sản đầu tư thu hẹp hơn (đảm bảo nguyên tắc an toàn và phòng ngừa rủi ro theo khuyến nghị của IADI): TPCP; tín phiếu NHNN; tiền gửi tại NHNN. Tùy từng thời điểm và điều kiện thị trường, BHTGVN lựa chọn danh mục đầu tư để đảm bảo hiệu quả. Phân loại theo hình thức đầu tư có các công cụ đầu tư như: TPCP, tín phiếu NHNN và gửi tiền tại các loại hình tổ chức khác nhau tùy theo quy định từng thời kỳ.

a) Mua TPCP

Ngay từ Quyết định 75/2000/QĐ-TTg ngày 28/6/2000 của Thủ tướng chính phủ, BHTGVN thuộc diện được mua TPCP; trái phiếu, tín phiếu NHNN hoặc TCTD Nhà nước; gửi tiền tại KBNN, NHNN hoặc TCTD Nhà nước nhằm bảo đảm an toàn, bảo toàn vốn và bù đắp chi phí. Tuy nhiên, mãi đến năm 2003, BHTGVN mới thực hiện đầu tư vào TPCP với tỷ lệ đầu tư chỉ rất khiêm tốn là 0,73% trên tổng số tiền đầu tư. Lý do chính khiến số tiền nhàn rỗi được sử dụng mua TPCP ở mức rất nhỏ tại thời kỳ này là mức lãi suất TPCP thấp hơn so với gửi tiền ngân hàng. Sau 15 năm, tỷ trọng đầu tư vào TPCP trên tổng số vốn đầu tư đã có sự tăng trưởng rõ rệt với tỷ lệ - tính đến hết năm 2019 – đạt trên 90%. Trên thực tế, chiến lược đầu tư của BHTGVN ở góc độ công cụ đầu tư mỗi thời kỳ phụ thuộc chủ yếu vào cơ sở pháp lý quy định tài sản đầu tư được phép. Ở cùng thời điểm có đa dạng sản phẩm đầu tư được pháp luật cho phép, chiến lược đầu tư của BHTGVN ưu tiên danh mục đem lại lợi nhuận cao hơn nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn.

b) Đầu tư tín phiếu NHNN

Mặc dù Luật BHTG quy định BHTGVN được sử dụng NVTTNR để mua tín phiếu NHNN, kể từ khi NHNN ban hành Thông tư 24/2014/TT-NHNN ngày 6/9/2014 hướng dẫn việc mua tín phiếu NHNN của BHTGVN được thực hiện như đối với TCTD và BHTGVN được thanh toán tín phiếu NHNN khi đến hạn, được mua, bán tín phiếu NHNN với NHTM, công ty tài chính, BHTGVN vẫn chưa thực hiện bất kỳ giao dịch nào liên quan mua tín phiếu NHNN vì các lý do sau:

- Đầu tư mua bán tín phiếu NHNN không phù hợp với đầu tư của tổ chức BHTG, chỉ phù hợp với các TCTD giải quyết vốn trên thị trường mở.

- Lịch phát hành tín phiếu NHNN thường không có kế hoạch cụ thể, thời gian phát hành tín phiếu NHNN thường chỉ được thông báo 01 giờ trước thời gian phát hành cho các thành viên. Cụ thể khi có nhu cầu phát hành tín phiếu NHNN, NHNNVN sẽ thông báo mở thầu cho các thành viên tham gia đấu thầu lúc 13 giờ 30 phút. Như vậy khi BHTGVN muốn thực hiện đầu tư mua tín phiếu NHNN thường xảy ra tình trạng khi BHTGVN có NVTTNR để đầu tư nhưng NHNN không phát hành tín phiếu NHNN hoặc khi NHNN thông báo phát hành tín phiếu NHNN thì BHTGVN lại không có nguồn tiền để đầu tư.

- Lãi suất phát hành tín phiếu NHNN thường thấp hơn lãi suất của TPCP, theo quy chế quản lý tài chính của BHTGVN, BHTGVN phải đảm bảo an toàn vốn, tự bù đắp chi phí, doanh thu hoạt động hằng năm của BHTGVN khi NHNN vào Bộ tài chính giao, nếu đầu tư vào tín phiếu NHNN khó có thể đạt được kế hoạch doanh thu mà NHNN và BTC giao phó.

c) Gửi tiền

Hình thức gửi tiền của BHTGVN tuân thủ quy định pháp luật trong đó mỗi giai đoạn và thời kỳ đều có cơ sở pháp lý không giống nhau, trong đó trước năm 2005, BHTGVN được gửi tiền tại KBNN, NHNN hoặc TCTD Nhà nước; từ năm 2005 đến hết năm 2012 BHTGVN được gửi tiền tại KBNN, NHNN, các NHTM Nhà nước, các NHTM Cổ phần được NHNN xếp loại A; khi Luật BHTG có hiệu lực, BHTGVN chỉ được gửi tiền tại NHNN.

Trên thực tế, thời kỳ trước năm 2005: BHTGVN ưu tiên tập trung gửi tiền tại các TCTD Nhà nước (chiếm trên 99% tổng số tiền đầu tư). Ở thời kỳ 2005-2012: BHTGVN lựa chọn cả loại hình NHTM Nhà nước và NHTM cổ phần được NHNN xếp loại A để gửi tiền nhàn rỗi (với tổng NVTTNR đầu tư vào tiền gửi tại NHTM Nhà nước và NHTM cổ phần xếp loại A đạt tỷ lệ trên 95%, trong đó tỷ lệ vốn nhàn rỗi cho tiền gửi NHTM Nhà nước chiếm chủ yếu với tỷ lệ 90% tổng số tiền nhàn rỗi) do lãi suất tiết kiệm ngân hàng thời điểm này cao hơn lãi suất TPCP. Trong cả hai giai đoạn, mặc dù pháp luật cho phép đa dạng hình thức đầu tư, BHTGVN chỉ tập trung nguồn vốn đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn tại NHTM.

Đối với giai đoạn từ năm 2013 đến nay khi Luật BHTG có hiệu lực thi hành: Do cơ sở pháp lý trong lĩnh vực đầu tư NVTTNR bị thu hẹp chỉ còn là mua TPCP, tín phiếu NHNN, và gửi tiền tại NHNN, tỷ trọng vốn nhàn rỗi đầu tư cho tiền gửi của BHTGVN sụt giảm đáng kể xuống còn khoảng 16% (tương đương giá trị hơn 2,5 nghìn tỷ đồng đầu năm 2013) - chủ yếu là số dư vốn nhàn rỗi đầu tư vào tiền gửi NHTM chờ ngày đáo hạn theo hợp đồng đã ký. Ngoài cơ sở pháp lý, một nguyên nhân khác khiến lượng tiền nhàn rỗi được sử dụng để gửi tiền giảm mạnh là do BHTGVN chưa xin được cơ chế lãi suất đối với tiền gửi tại NHNN và cho đến ngày 17/7/2015, NHNN mới ban hành quyết định cho BHTGVN được hưởng mức lãi suất 1,2%/năm. Mức lãi suất này thấp hơn nhiều lãi suất TPCP giai đoạn này.

2.2.3.2. Thị trường đầu tư

a) Đầu tư TPCP trên thị trường sơ cấp

BHTGVN thực hiện mua TPCP trên thị trường sơ cấp từ năm 2003 với tỷ lệ ban đầu chỉ chiếm 0,73% tổng số vốn đầu tư. Đến hết 31/12/2019 là gần 89,25% (gần 38,2 nghìn tỷ đồng/42,8 nghìn tỷ đồng). Như vậy TTSC là thị trường đầu tư chính đối với việc đầu tư mua TPCP của BHTGVN, góp phần đáng kể vào việc hoàn thành Kế hoạch tài chính của BHTGVN.

Tỷ lệ mua TPCP trên sơ cấp tăng lên trước hết phù hợp với quy định về cơ sở pháp lý cho phép các hình thức và thị trường đầu tư được phép ở mỗi giai đoạn, tiếp đến phù hợp với diễn biến lãi suất TPCP có xu hướng tăng lên so với các hình thức đầu tư khác ở từng thời điểm.

b) Đầu tư TPCP trên thị trường thứ cấp

Đối với BHTGVN, hoạt động mua TPCP trên TTTC có một vai trò nhất định trong chiến lược đầu tư NVTTNR. Năm 2013 – thời điểm đầu tiên BHTGVN bắt đầu xúc tiến đầu tư TPCP trên TTTC – cũng là năm BHTGVN có số tiền nhàn rỗi lớn lên đến trên 13 nghìn tỷ đồng (vốn đã sử dụng để gửi tiền tại các TCTD và nay đến ngày đáo hạn). Năm 2013, khi Luật BHTG có hiệu lực thi hành, BHTGVN không được gửi tiền tại NHTM nên lượng vốn đáo hạn lớn. Trong bối cảnh lịch đấu thầu TPCP sơ cấp chưa có định (có thời điểm KBNN tổ chức 1 tuần 2 phiên, có khi 1 tuần 1 phiên; trong khi khối lượng phát hành không ổn định), BHTGVN thực hiện đầu tư phần lớn số tiền nhàn rỗi mua TPCP thứ cấp với tổng giá trị đầu tư đạt trên 9,77 nghìn tỷ đồng (chiếm gần 62,35% số tiền nhàn rỗi đầu tư trong năm) nhằm tránh tiền ứ đọng và nâng cao hiệu quả đầu tư.

Tỷ lệ phân bổ vốn đầu tư thứ cấp những năm sau (2014-2020) được điều chỉnh theo hướng ưu tiên mua TPCP sơ cấp nhằm đảm bảo an toàn và phát triển vốn ổn định. Như vậy, trong giai đoạn từ năm 2013 đến nay, BHTGVN đã có quyết định phù hợp nhằm hài hòa tỷ lệ đầu tư TPCP cho TTSC và TTTC, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và của BHTGVN.

2.2.3.3. Kỳ hạn đầu tư

Phân loại theo kỳ hạn (thời gian đáo hạn kể từ khi phát hành hoặc đầu tư) có các hình thức đầu tư vào các tài sản và công cụ kỳ hạn ngắn - trung - dài. Về mặt lý

thuyết, trong danh mục đầu tư, BHTGVN phân bổ hài hòa vào cả ba kỳ hạn ngắn – trung – dài, trong đó kỳ hạn ngắn là dưới 12 tháng; kỳ hạn trung là từ 12 đến 36 tháng; và kỳ hạn dài là trên 36 tháng. Tuy nhiên, trong thực tiễn:

- Trước năm 2013, NVTTNR của BHTGVN được đầu tư chủ yếu vào các kỳ hạn ngắn và trung, tập trung vào tiền gửi có kỳ hạn tại các NHTM Nhà nước; tỷ trọng đầu tư vốn nhân rồi vào kỳ hạn dài hạn chiếm tỷ trọng nhỏ hơn;

- Năm 2013 - nay, cơ cấu tài sản trong danh mục đầu tư chuyển từ tiền gửi sang TPCP tạo ra sự chuyển hướng chiến lược đầu tư tập trung phần lớn vào kỳ hạn trung và dài; kỳ hạn ngắn giai đoạn này chiếm tỷ trọng tương đối nhỏ. Tính đến hết năm 2019, lượng vốn nhân rồi đem đầu tư tập trung đáng kể vào hai kỳ hạn trung và dài hạn chiếm tỷ lệ gần 90% tổng nguồn vốn đầu tư của BHTGVN. Đây là sự thay đổi phù hợp theo quy định mới về hoạt động đầu tư của TCBHTG tại Việt Nam và nhằm hài hòa và cân đối tỷ lệ vốn nhân rồi đem đầu tư và cơ cấu vốn đầu tư phân bổ theo tài sản và công cụ đầu tư dựa trên kỳ hạn một cách hợp lý ở từng thời kỳ và trong từng giai đoạn, góp phần tuân thủ đúng, đủ quy định pháp luật, đảm bảo nguyên tắc quản lý và sử dụng nguồn vốn quỹ BHTG theo hướng bảo toàn, phát triển, không để đọng vốn, không vốn nhân rồi.

2.2.3.4. Quản lý vốn đầu tư

Thẩm quyền quyết định trong hoạt động đầu tư:

a) Đối với việc mua, bán TPCP, tín phiếu NHNN

- HĐQT của BHTGVN có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch đầu tư vốn năm và Phương án đầu tư vốn 6 tháng.

- Chủ tịch HĐQT quyết định Phương án đầu tư (mua, bán) từng lần trên thị trường thứ cấp căn cứ vào mức vốn TTNR thực tế để đầu tư hoặc mức thu hồi theo quyết định của HĐQT. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt, HĐQT giao Tổng giám đốc quyết định phương án đầu tư từng lần trên thị trường thứ cấp.

- Tổng giám đốc quyết định và tổ chức thực hiện Phương án đầu tư (mua) từng lần trên thị trường sơ cấp căn cứ vào mức vốn TTNR thực tế để đầu tư; tổ chức thực hiện phương án đầu tư từng lần trên thị trường thứ cấp.

b) Đối với hình thức gửi tiền tại NHNN

- HĐQT phê duyệt Kế hoạch đầu tư năm và Phương án đầu tư 6 tháng.

- Tổng giám đốc quyết định và tổ chức thực hiện Phương án đầu tư (gửi tiền) từng lần căn cứ vào mức vốn TTNR thực tế để đầu tư.

2.2.3.5. Quy trình chi tiết các bước thực hiện hoạt động đầu tư

Trước khi thực hiện chi tiết các bước trong chu trình đầu tư, hoạt động đầu tư của BHTGVN phải căn cứ trên Kế hoạch đầu tư vốn hằng năm và Phương án đầu tư vốn 6 tháng được Phòng NVĐT xây dựng và trình HĐQT phê duyệt. Trong giai đoạn này, những nội dung quan trọng được xác định và đưa vào Kế hoạch đầu tư vốn hằng năm và Phương án vốn 6 tháng bao gồm thiết lập mục tiêu; loại hình đầu tư; danh mục đầu tư; và tiêu chí/ cơ sở để đánh giá kết quả đầu tư (đầu ra). Căn cứ Kế hoạch đầu tư vốn hằng năm được HĐQT phê duyệt và Phương án đầu tư vốn 6 tháng, Tổng giám đốc tổ chức thực hiện thực hiện phương án đầu tư từng lần do.



Hình 2.3. Quy trình thực hiện đầu tư của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam

❖ Bước 1. Thiết lập mục tiêu do Ban lãnh đạo của BHTGVN thực hiện: Tại từng thời điểm, mục tiêu thực hiện có thể tập trung vào dự trữ thanh khoản để thực hiện chính sách BHTG, hoặc tăng lợi nhuận để hoàn thành Kế hoạch tài chính, hoặc đảm bảo năng suất lao động và chỉ tiêu xếp loại của BHTGVN và/hoặc kết hợp các mục tiêu này. Do đó, tổ thực hiện đầu tư phải nắm bắt được mục tiêu từng giai đoạn, từ đó đưa ra giới hạn đầu tư, thời gian thực hiện cũng như tính toán hiệu quả và lường trước rủi ro có thể xảy ra theo hướng mức độ rủi ro được tính đến dựa trên việc chấp nhận khẩu vị rủi ro tại thời điểm quyết định đầu tư.

❖ Bước 2. Lựa chọn loại hình đầu tư do Phòng Nguồn vốn đầu tư thực hiện: Trên cơ sở mục tiêu đã được thiết lập, BHTGVN sẽ lựa chọn loại hình đầu tư phù hợp để phân bổ NVTTNR sẵn có có thể đầu tư vào các loại danh mục khác nhau để đáp ứng được các mục tiêu lựa chọn. Với mục tiêu là dự trữ thanh khoản để thực hiện nghĩa vụ pháp lý BHTG mà không chú trọng nhiều đến biến động lãi suất,

loại hình đầu tư thích hợp là đầu tư vào các công cụ và tài sản ngắn hạn. Nếu mục tiêu là tăng lợi nhuận cần quan tâm đến biến động lãi suất, lựa chọn loại hình đầu tư ưu tiên kỳ hạn dài hoặc từ trung hạn; lãi suất cao và phải đảm bảo an toàn, phát triển vốn.

❖ Bước 3. Lựa chọn danh mục đầu tư (đa dạng và hài hòa...) do Phòng Nguồn vốn đầu tư thực hiện: Trên cơ sở việc lựa chọn mục tiêu và loại hình đầu tư, BHTGVN sẽ hiện thực hóa hoạt động đầu tư với các danh mục đầu tư cụ thể (TPCP, tín phiếu NHNN và gửi tiền tại NHNN) và lựa chọn thị trường đầu tư phù hợp (sơ cấp, thứ cấp).

❖ Bước 4. Đánh giá kết quả Do Phòng Nguồn vốn đầu tư thực hiện, trình lãnh đạo: Trên cơ sở thực hiện đầu tư, BHTGVN thực hiện tính toán kết quả thu được từ hoạt động đầu tư (doanh thu từ hoạt động đầu tư), đánh giá hiệu quả hoạt động đầu tư của mình. Đồng thời, trên cơ sở kiểm soát liên tục điều kiện thị trường, sự biến động của nền kinh tế và thực trạng hoạt động của BHTGVN, bộ phận đầu tư cập nhật và bổ sung loại hình đầu tư sao cho phù hợp nhất với mục tiêu đã định. Vì bước số 4 chưa có bộ phận độc lập thực hiện nên chưa có khả năng kiểm soát rủi ro hiệu quả.

2.2.4. Kết quả hoạt động đầu tư theo một số chỉ tiêu cơ bản

a) Quy mô và tốc độ tăng trưởng nguồn vốn đầu tư

Bảng số liệu dưới đây cho thấy, tổng nguồn vốn đầu tư của BHTGVN tăng trưởng ổn định qua các năm từ năm 2014 đến năm 2019, theo đó tổng nguồn vốn đầu tư gần 7,75 nghìn tỷ đồng trong năm 2014 đã tăng lên hơn 9,7 nghìn tỷ đồng năm 2015 (tăng xấp xỉ 25%), 10,2 nghìn tỷ đồng năm 2016 (tăng 5%) và đạt mức khoảng 11,8 nghìn tỷ đồng năm 2017 (tăng 15%). Năm 2018, tổng nguồn vốn đầu tư đã đạt mức hơn 12,4 nghìn tỷ đồng (tăng 5,1%). Năm 2019, tổng nguồn vốn đầu tư đã đạt mức hơn 13,5 nghìn tỷ đồng (tăng 8,9%). Quy mô nguồn vốn đầu tư ngày càng mở rộng: riêng năm 2013, tổng lượng vốn đầu tư đạt xấp xỉ 13,1 tỷ đồng; quy mô nguồn vốn nhân rồi có sẵn để đầu tư năm 2013 tăng mạnh là do lượng vốn lớn từ (1) các khoản đầu tư tiền gửi kỳ hạn ngắn (3 tháng, 6 tháng) tại các NHTM đáo hạn cuối năm 2012 và năm 2013 và (2) các khoản đầu tư khác hằng năm sẽ đáo hạn trong năm 2013. Từ 01/1/2013 theo Luật BHTG thì BHTGVN không được đầu tư gửi tiền tại NHTM, chỉ được đầu tư vào TPCP, tín phiếu NHNN và gửi tiền ở

NHNN, nên trước đó các kỳ hạn đầu tư gửi tiền tại NHTM chuyển đến 30/12/2012 sang năm 2013 đáo hạn.

Bảng 2.4. Tổng nguồn vốn đầu tư của BHTGVN thời kỳ 2013-2019

Đơn vị: tỷ đồng, %

<i>Năm</i>	<i>Tổng nguồn vốn đầu tư (tỷ đồng)</i>	<i>Tăng trưởng so với năm trước (%)</i>
2013	13.100	-
2014	7.750	- 40,4%
2015	9.700	25%
2016	10.200	5%
2017	11.807	15%
2018	12.400	5%
2019	13.500	8,9%

Nguồn: BHTGVN tổng hợp

b) Cơ cấu tài sản đầu tư nắm giữ

Trong giai đoạn 2013-nay, loại hình công cụ và tài sản đầu tư là TPCP chiếm tỷ trọng đặc biệt cao trong tổng nguồn vốn đầu tư trong năm (luôn chiếm tỷ trọng trên 99% tổng nguồn vốn đầu tư) vì đây là kênh duy nhất mang lại nguồn thu cao cho BHTGVN so với hai hình thức đầu tư theo quy định của Luật BHTG là mua tín phiếu NHNN và gửi tiền tại NHNN. Như đã phân tích ở các phần trên, BHTGVN chỉ bắt đầu thực hiện đầu tư vào tiền gửi tại NHNN từ tháng 7/2015 và được hưởng mức lãi suất theo Quyết định 1370/QĐ-NHNN của NHNN ngày 17/7/2015. Mức lãi suất tiền gửi theo Quyết định 1370 ở mức 1,2%/năm, trên thực tế, chỉ cao hơn lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của NHTM. Do vậy, BHTGVN sẽ chỉ lựa chọn gửi tiền tại NHNN khi (1) có NVTNTR mà chưa có lịch đấu thầu TPCP trên thị trường sơ cấp hoặc (2) chưa mua được TPCP trên thị trường thứ cấp. BHTGVN chỉ duy trì tỷ lệ nhỏ trên tài khoản tiền gửi.

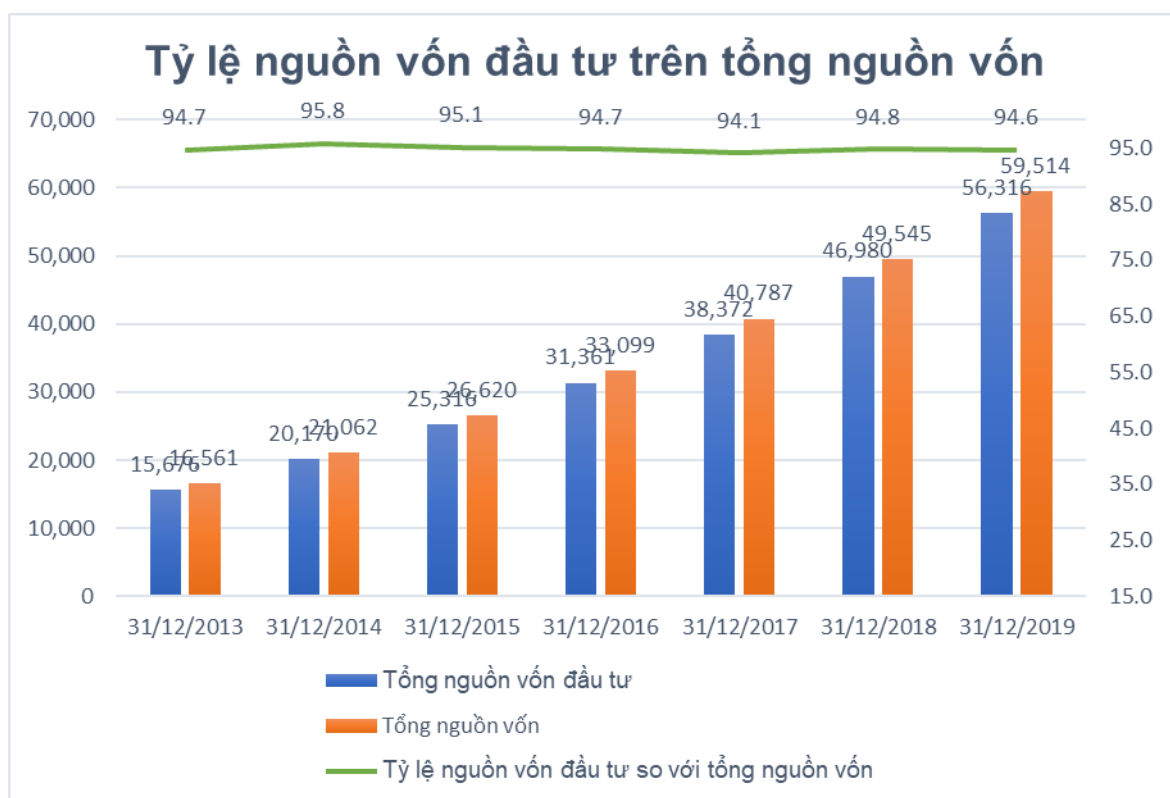
Bảng 2.5. Cơ cấu đầu tư giai đoạn 2013-2019*Đơn vị: tỷ đồng, %*

CHỈ TIÊU	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Tổng số tiền đầu tư trong năm	13.100	7.750	9.700	10.200	11.800	12.400	13.537
% trái phiếu CP	100%	100%	99,98%	99,98%	99,59%	99,98%	99,91%
% tiền gửi NHNN	0%	0%	0,02%	0,02%	0,41%	0,02%	0,09%
% tín phiếu NHNN	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%

Ghi chú: Tiền gửi tại NHNN là loại tiền gửi không kỳ hạn nên chỉ tính cơ cấu tại thời điểm 31/12 hằng năm

Nguồn: BHTGVN tổng hợp

c) Tỷ lệ vốn dành cho đầu tư so với tổng nguồn vốn của BHTGVN



Đơn vị: tỷ đồng

Hình 2.4. Tỷ lệ nguồn vốn đầu tư trên tổng nguồn vốn

Nguồn: BHTGVN tổng hợp

Số liệu trong biểu đồ cho thấy, giá trị tổng nguồn vốn đầu tư lũy kế qua các năm luôn tăng cùng chiều với giá trị tổng nguồn vốn của BHTGVN. Điều này cho thấy tỷ lệ nguồn vốn dành cho hoạt động đầu tư so với tổng nguồn vốn của BHTGVN luôn chiếm một tỷ trọng rất cao: trong giai đoạn 2013-2019, tỷ lệ này luôn dao động quanh ngưỡng 94-96%; tỷ lệ nguồn vốn đầu tư/tổng nguồn vốn lần lượt ở mức 94,7%, 95,8%, 95,1%, 94,7%, 94,1%, 94,8% và 94,6% tương ứng cho các năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018 và 2019; và tỷ lệ trung bình nguồn vốn đầu tư/tổng nguồn vốn cả giai đoạn đạt 94,8%. Có thể khẳng định, phần lớn NVTNTR của BHTGVN, sau khi để lại mức vốn đảm bảo khả năng thanh khoản và tạm thời chưa sử dụng để chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền, đều được sử dụng cho mục đích đầu tư để tăng trưởng và quay vòng nguồn vốn liên tục.

d) Tốc độ tăng trưởng doanh thu từ đầu tư vốn; khả năng sinh lời vốn đầu tư

Nhìn chung, doanh thu (lãi dự thu) từ hoạt động đầu tư tăng trưởng cao qua các năm với tốc độ tăng trung bình giai đoạn 2013-2019 đạt 6,1%/ năm (tương ứng giá trị tăng trung bình năm gần 166 tỷ đồng). Tốc độ tăng trưởng doanh thu hằng năm của từng năm lần lượt ở mức 7,33% (năm 2014), 4,17% (2015), 12,24% (2016), 9,82% (2017), 8,80% (2018) và 5,3% (2019) tương ứng mức tăng về giá trị lần lượt là 108 tỷ đồng, 66 tỷ đồng, 256 tỷ đồng, 233 tỷ đồng, 166 tỷ đồng và 156 tỷ đồng. Như vậy, năm tăng ít nhất cũng đem về giá trị 66 tỷ đồng và năm tăng nhiều nhất đã đem về giá trị lên đến 256 tỷ đồng, góp phần vào việc thực hiện thắng lợi Kế hoạch doanh thu (Kế hoạch tài chính); đồng thời nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động trong toàn hệ thống BHTGVN.

Khả năng sinh lời của đồng vốn đầu tư (doanh thu hoạt động đầu tư/tổng nguồn vốn đầu tư) cũng ghi nhận mức tăng trưởng tương đối ổn định hằng năm trong giai đoạn 2013-2019, với tỷ lệ tăng trung bình ở mức 7,08%. Tuy nhiên, tỷ lệ sinh lời xét ở giá trị tuyệt đối có xu hướng giảm nhẹ hằng năm - giảm từ 9,40% năm 2013 xuống 5,3% năm 2019. Nguyên nhân lý giải xu hướng sụt giảm này như sau:

- Trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2019, hoạt động đầu tư của BHTGVN tập trung chủ yếu vào TPCP (chiếm khoảng hơn 99% tổng nguồn vốn đầu tư); TPCP là kênh duy nhất mang lại hiệu quả đầu tư cho BHTGVN trong bối cảnh quy định pháp luật không cho phép BHTGVN đầu tư vào các hình thức gửi tiền tại các NHTM (ngoại trừ các tài khoản sẽ đáo hạn năm 2013, chủ yếu là các kỳ hạn ngắn được thực hiện đầu tư từ những tháng cuối năm 2012 như đã phân tích và đánh giá

ở trên). Đây là lý do quan trọng nhất khiến đường biểu thị tỷ lệ sinh lời đang theo xu hướng giảm dần và nhiều khả năng sẽ khó tăng trở lại.

- Lãi suất trúng thầu TPCP trên TTSC giảm dần qua các năm, đặc biệt từ năm 2015-2019 (đầu năm 2015, lãi suất trúng thầu kỳ hạn 5 năm là 6,01%/năm và đến cuối năm 2019 LSTT là 4,52%/năm; tương tự như vậy tại kỳ hạn 10 năm, lãi suất trúng thầu giảm từ 6,5%/năm xuống 5,15%/năm; kỳ hạn 15 năm, lãi suất trúng thầu giảm từ 7,6%/năm xuống 5,71%/năm v.v...). So với lãi suất gửi tiền tại NHTM, lãi suất trúng thầu TPCP trên thị trường sơ cấp thấp hơn nhiều. Điều này phản ánh tỷ lệ sinh lời cao của năm 2013 khi lượng vốn nhàn rỗi có thể đầu tư lớn và khoản thu từ lãi tiền gửi sẽ đáo hạn trong năm góp phần đem lại doanh thu cao hơn các năm sau.

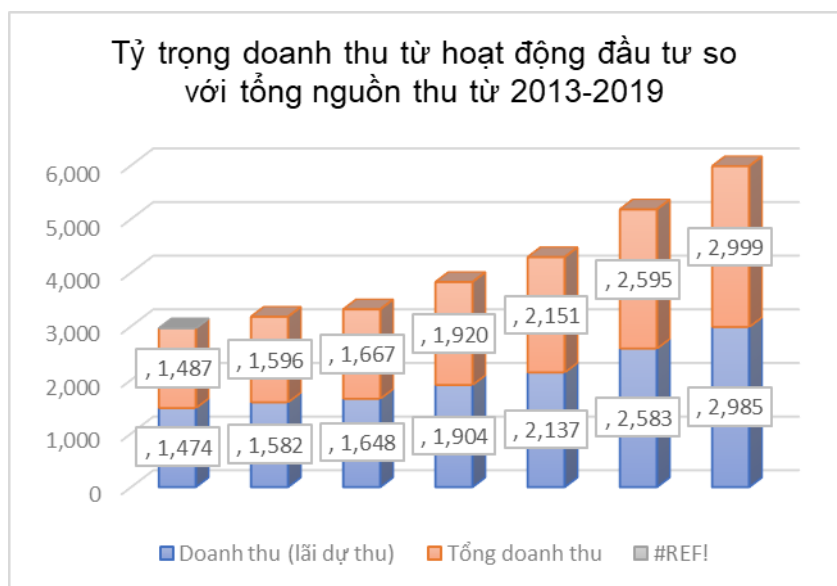


Đơn vị: tỷ đồng

Hình 2.5. Khả năng sinh lời của đồng vốn đầu tư

Nguồn: BHTGVN tổng hợp

e) Tỷ trọng doanh thu từ đầu tư so với tổng doanh thu của BHTGVN



Đơn vị: tỷ đồng

Hình 2.6. Tỷ trọng doanh thu từ hoạt động đầu tư so với tổng nguồn thu từ 2013-2019

Nguồn: BHTGVN tổng hợp

Doanh thu từ hoạt động đầu tư vốn chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng doanh thu của BHTGVN. Ở giai đoạn 2015-2019 luôn ở mức trên 98%. Tỷ trọng trung bình doanh thu từ đầu tư/tổng doanh thu thậm chí đạt mức 99,35%, trong đó năm 2019 là 99,53%, năm 2018 là 99,54%, 2017 là 99,34%, 2016 là 99,16% và 2015 là 98,86%. Điều này chứng tỏ hoạt động đầu tư NVTTNR là hoạt động mang lại nguồn doanh thu chủ yếu cho BHTGVN, góp phần bù đắp chi phí, tạo NSLĐ khả quan; đồng thời góp phần hoàn thành các chỉ tiêu xếp loại doanh nghiệp hằng năm của BHTGVN.

i) Tỷ lệ nợ quá hạn trên tổng nguồn vốn đầu tư

Hoạt động đầu tư của BHTGVN trong hơn chục năm qua không ghi nhận phát sinh nợ quá hạn. Toàn bộ các khoản vốn đầu tư đến hạn trong năm (gồm các khoản thu gốc, thu lãi TPCP và các khoản thu lãi tiền gửi NHNN...) đều được các Đơn vị thanh toán đầy đủ, đúng hạn. Đối với các khoản gốc, lãi TPCP đến hạn; các khoản trả lãi tiền gửi tại NHNN... rơi vào Thứ bảy, Chủ nhật hoặc ngày lễ, Tết được các Đơn vị thanh toán đầy đủ, đúng hạn theo quy định vào ngày làm việc kế tiếp.

Điều này góp phần đảm bảo nguồn thu gốc, lãi từ các khoản đã đầu tư tăng trưởng ổn định, dòng tiền về đúng ngày để bổ sung kịp thời vốn nhân rồi phục vụ tái

đầu tư và quay vòng vốn cũng như hỗ trợ tốt nhất cho việc xây dựng Kế hoạch đầu tư vốn hằng năm và các phương án đầu tư nguồn vốn nhân rồi, từ đó duy trì tăng trưởng doanh thu ổn định với tốc độ tăng trưởng năm sau luôn cao hơn năm trước.

g) Lợi nhuận sau thuế; tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu; năng suất lao động

Hoạt động đầu tư vốn là hoạt động tạo ra nguồn doanh thu chủ yếu cho BHTGVN. Hằng năm, trên cơ sở nguồn thu từ hoạt động đầu tư NVTTNR, BHTGVN được trích theo tỷ lệ quy định của Bộ Tài chính để hạch toán vào thu nhập, bù đắp chi phí hoạt động. Doanh thu đầu tư vốn là chỉ tiêu quan trọng để tính NSLĐ bình quân, tiền lương và các chỉ tiêu xếp loại hằng năm.

Số liệu trên cho thấy các chỉ tiêu về lợi nhuận sau thuế, tỷ suất lợi nhuận trên VCSH và năng suất lao động bình quân hàng năm của BHTGVN luôn đảm bảo thực hiện cao hơn so với kế hoạch và thực hiện năm sau luôn cao hơn năm trước, cụ thể: lợi nhuận sau thuế năm 2017 tăng 41,2% so với năm 2016, tuy nhiên giảm nhẹ vào năm 2018, tới năm 2019 lại tăng 22,8 % so với năm 2018. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu năm 2017 tăng 40,1% so với năm 2016 và năng suất lao động bình quân năm 2017 tăng 2,3% so với năm 2016. Tới năm 2019, Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu lại tăng 20,5 % so với năm 2018 và năng suất lao động bình quân lại tăng 13,3 % so với năm 2018. Điều này giúp BHTGVN luôn hoàn thành các chỉ tiêu xếp loại hàng năm.

Bảng 2.6. Giá trị thực hiện của các chỉ số về lợi nhuận và năng suất

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	89,5	126,4	121,7	149,4
2	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu (%)	1,6	2,2	2,1	2,53
3	Năng suất lao động bình quân (tỷ đồng/năm)	2,5	2,6	3,0	3,4

2.3. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN TẠM THỜI NHÀN RỒI CỦA BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM

2.3.1. Những kết quả đạt được

a) Kết quả nổi bật là hoạt động đầu tư vốn của BHTGVN đảm bảo đúng quy định pháp luật, an toàn, hiệu quả và đảm bảo tính thanh khoản cao. Trong suốt hơn 18 năm triển khai thực hiện hoạt động đầu tư vốn, NVTTNR đã được BHTGVN quản lý và sử dụng theo đúng quy định của Luật BHTG và các quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt là các văn bản chỉ đạo điều hành nội bộ của Ban lãnh đạo BHTGVN. Đánh giá một cách khách quan, NVTTNR đã được BHTGVN đầu tư nghiêm túc, luôn đảm bảo mục tiêu bảo toàn và phát triển; hoạt động đầu tư đã có những quyết định hợp lý, tăng nguồn thu, tăng năng lực tài chính cho BHTGVN để thực hiện tốt chính sách về BHTG; thực hiện thành công các mục tiêu của BHTGVN và các yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước; thực hiện tốt các nhiệm vụ được Nhà nước giao phó, nâng cao vị thế của BHTGVN.

Từ khi Luật BHTG có hiệu lực thi hành (từ ngày 01/01/2013), danh mục đầu tư của BHTGVN có sự thay đổi căn bản, theo đó BHTGVN không được gửi tiền tại các NHTM. NVTTNR của BHTGVN lúc này được tập trung chính và chủ yếu vào mua TPCP (chiếm trên 98% tổng số tiền đầu tư). Đầu tư vào TPCP là kênh đầu tư tương đối an toàn, ít rủi ro và được coi là lựa chọn tối ưu của BHTGVN. Việc đầu tư vốn vào TPCP được thực hiện linh hoạt trên TTSC và/hoặc TTTC theo đúng định hướng, Nghị quyết, Quyết định, Quy chế được HĐQT phê duyệt từng thời kỳ.

b) Đầu tư NVTTNR có hiệu quả đã tạo nguồn thu để đảm bảo các khoản chi cho hoạt động của BHTGVN mà không phải dùng đến nguồn từ NSNN. Việc lựa chọn các danh mục đầu tư hiệu quả và lựa chọn thị trường đầu tư linh hoạt đã góp phần mang lại nguồn thu lãi ổn định, tạo nguồn doanh thu khá cao cho BHTGVN và đây cũng là nguồn thu chủ yếu của BHTGVN (chiếm trên 98% doanh thu của BHTGVN). Trên cơ sở nguồn thu từ hoạt động đầu tư NVTTNR, BHTGVN được trích theo tỷ lệ quy định của Bộ Tài chính để hạch toán vào thu nhập nhằm trang trải chi phí hoạt động của BHTGVN. Doanh thu hoạt động đầu tư vốn cao và không ngừng tăng trưởng qua các năm góp phần nâng cao thu nhập và đời sống cho người lao động trong toàn hệ thống.

c) Đầu tư NVTTNR của BHTGVN đã mang lại lợi ích, tạo thêm nguồn vốn

TPCP góp phần đầu tư phát triển kinh tế đất nước những năm gần đây mỗi năm hơn 10.000 tỷ đồng, đến nay số dư đạt hơn 50.000 tỷ đồng.

Về cơ bản, phân tích các chỉ số trên cho thấy:

Với mục tiêu bảo toàn vốn: Các chỉ tiêu về Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE), Lợi nhuận sau thuế, Năng suất lao động bình quân đều năm sau cao hơn năm trước, tỷ lệ nợ quá hạn = 0 cho thấy mục tiêu bảo toàn vốn rất tốt.

Với mục tiêu tính thanh khoản: cơ cấu công cụ đầu tư TPCP chiếm tỷ trọng đặc biệt cao trong tổng nguồn vốn đầu tư trong năm (luôn chiếm tỷ trọng trên 99% tổng nguồn vốn đầu tư) cho thấy tính thanh khoản cao của công cụ tài chính nắm giữ.

Với mục tiêu phát triển vốn: Các chỉ tiêu về Tốc độ tăng trưởng vốn cho đầu tư, Tốc độ tăng trưởng doanh thu từ hoạt động đầu tư của BHTGVN đều tăng trưởng khá. Tỷ lệ vốn cho đầu tư, Tỷ lệ vốn dành cho đầu tư so với tổng nguồn vốn và Tỷ trọng doanh thu từ đầu tư so với tổng doanh thu của BHTGVN đều ở mức cao. Tuy nhiên Khả năng sinh lời của đồng vốn đầu tư ngày càng giảm dần theo thời gian. Điều này cho thấy khả năng phát triển vốn chưa thực hiệu quả, cần khắc phục trong thời gian tới.

2.3.2. Một số tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động đầu tư NVTTNR của BHTGVN cũng còn một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục như sau:

Thứ nhất, về cơ chế, chính sách. Luật BHTG quy định BHTGVN được mua TPCP, tín phiếu NHNN và gửi tiền tại NHNN, tuy nhiên chưa nêu BHTGVN được bán TPCP, tín phiếu NHNN khi cần phải chi trả tiền BHTG, trong trường hợp BHTGVN phải bán trước hạn để chi trả tiền BHTG thì BHTGVN chưa có cơ chế cụ thể.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD quy định BHTGVN được phép thực hiện mua trái phiếu dài hạn của TCTD hỗ trợ, việc rủi ro về mất vốn là hoàn toàn có thể xảy ra trong trường hợp TCTD mất khả năng thanh khoản. Bên cạnh đó, hiện nay BHTGVN chưa triển khai được nghiệp vụ này, do các cơ quan có thẩm quyền chưa có hướng dẫn cụ thể về nghiệp vụ cho BHTGVN như: Nguồn vốn để mua trái phiếu dài hạn, cơ chế xử lý tổn thất khi có rủi ro xảy ra....

Thứ hai, về thiếu hụt nguồn vốn để đầu tư. Theo Quy chế quản lý tài chính của BHTGVN ban hành kèm theo Quyết định 92/QĐ-BHTG-HĐQT ngày 24/3/2017 thì

việc cân đối nguồn vốn để thực hiện đầu tư thuộc chức năng, nhiệm vụ của Phòng TCKT nên việc thực hiện hoạt động đầu tư vốn của phòng hoàn toàn bị động số tiền để đầu tư và thời gian đầu tư vì sau khi nhận được thông báo của Phòng TCKT về NVTNTR có thể đầu tư, phòng NVĐT mới có cơ sở để lập, trình và hoàn tất các thủ tục, hồ sơ đầu tư vốn. Trong khi đó, việc mua TPCP lại phụ thuộc vào lịch phát hành của KBNN (đối với thị trường sơ cấp) hoặc thời điểm đặt lệnh giao dịch mua tại HNX với các đối tác bán TPCP trên thị trường thứ cấp nên tình trạng ứ đọng vốn trên tài khoản tiền gửi thanh toán tại các NHTMNN là điều khó tránh khỏi và làm giảm hiệu quả của hoạt động đầu tư vốn.

Thứ ba, về chiến lược đầu tư. Khi đầu tư TPCP trên thị trường thứ cấp, các điều kiện đầu tư TPCP theo Quy chế đầu tư NVTNTR ban hành kèm theo Quyết định 441/QĐ-BHTG-HĐQT của HĐQT tiếp tục được nói rộng thông qua việc HĐQT sửa đổi, bổ sung Điểm a, Khoản 4 Điều 10 Quy chế (Quyết định 320/QĐ-BHTG điều chỉnh điều kiện để mua TPCP và tín phiếu NHNN từ 3 lên 4 điều kiện và các điều kiện mới có độ mở cao hơn và giới hạn giá trị đầu tư giảm xuống), tạo nhiều cơ hội lựa chọn đầu tư cho BHTGVN, đặc biệt trong bối cảnh thị trường có diễn biến lãi suất bất thường. Qua hai lần sửa đổi bổ sung, các điều kiện đầu tư mua TPCP thứ cấp đang hướng tới sự chuyên môn hóa cao, hỗ trợ hiệu quả công tác chỉ đạo đầu tư linh hoạt theo đề xuất của người trực tiếp tham gia đầu tư.

Tuy nhiên, việc đầu tư TPCP thứ cấp vẫn tồn tại những hạn chế sau đây:

- Thời điểm số dư tiền gửi tại NHNN lớn nhưng BHTGVN không thể mua TPCP thứ cấp do điều kiện để đầu tư vẫn còn chặt chẽ hơn so với thị trường sơ cấp.

- Quy định của văn bản nội bộ về tham chiếu lãi suất của các đơn vị và chỉ mua của đơn vị chào giá tốt nhất đang ảnh hưởng đến cơ hội mua do khối lượng chào bán của đơn vị được chọn có thể khác với khối lượng mua kỳ vọng của BHTGVN.

- Việc BHTGVN quy định phải lấy báo giá của hai đơn vị khác trên thị trường ngoài đơn vị BHTGVN mua, trong trường hợp khối lượng và đơn vị chào bán khan hiếm khi lãi suất trên thị trường có biến động bất thường sẽ hạn chế cơ hội giao dịch thành công của BHTGVN. Kể cả khi lãi suất chào bán cao hơn lãi suất sơ cấp, việc không hội đủ 03 đơn vị chào bán sẽ làm mất cơ hội giao dịch thành công.

- Việc quy định chốt giá và hoàn thiện thủ tục đầu tư trên thị trường thứ cấp

trước 3-5 ngày làm việc, nếu xảy ra biến động lãi suất tăng lên sẽ làm giảm hiệu quả đầu tư có thể có rủi ro cho BHTGVN khi không thực hiện chuyển tiền đúng ngày.

- Quy trình thực hiện đầu tư TPCP trên thứ cấp đòi hỏi chuẩn bị các thủ tục, hồ sơ trước ít nhất 2 ngày làm việc để tìm kiếm nguồn hàng, lựa chọn sản phẩm đầu tư và đối tác đầu tư phù hợp, ký Hợp đồng mua bán... Việc phối hợp giữa các phòng, ban liên quan cũng ảnh hưởng tới kết quả đầu tư: Nếu Phòng TCKT thông báo số tiền có thể đầu tư quá muộn, Phòng NVĐT chỉ có thể lựa chọn phương án gửi tiền tại NHNN và/hoặc chờ tới phiên đấu thầu trên thị trường sơ cấp.

Thứ tư, về danh mục đầu tư. Tại thời điểm hiện nay, theo quy định của pháp luật hiện hành, NVTTNR của BHTGVN khi chưa đầu tư mua TPCP sẽ được gửi tiền tại NHNN và hưởng lãi suất cố định. Ưu điểm của hình thức đầu tư vào công cụ tiền gửi tại NHNN là kỳ hạn linh hoạt và có thể rút ra bất cứ lúc nào để mua TPCP. Tuy nhiên, lãi suất gửi tiền tại NHNN được ấn định ở mức 1,2%/năm – rất thấp so với lãi suất TPCP nên hiệu quả đầu tư không cao. Đây được xem là hạn chế đối với BHTGVN khi sản phẩm đầu tư đem lại hiệu quả cao nhất chỉ có duy nhất hình thức đầu tư mua TPCP. Theo Luật BHTG thì mua tín phiếu NHNN và gửi tiền tại NHNNVN là một khoản đầu tư do vậy NHNNVN cần xem xét để có chính sách phù hợp nhằm tạo điều kiện cho BHTGVN có sản phẩm đầu tư tốt, đồng thời NHNN cũng thu hút được nguồn vốn từ BHTGVN để thực hiện chính sách tiền tệ.

Thứ năm, quản trị rủi ro khi đầu tư chưa thực sự hiệu quả. Hiện nay, hoạt động đầu tư của BHTGVN được thực hiện tại Trụ sở chính và do Phòng NVĐT làm đầu mối phối hợp với các phòng ban triển khai. Phòng NVĐT chịu trách nhiệm các bước trong quy trình đầu tư, từ nghiên cứu thị trường, phân tích và đánh giá rủi ro, ra quyết định đến kiểm soát, theo dõi sau đầu tư và hoàn thiện hồ sơ. Việc kiểm soát rủi ro được lồng ghép chung cả ở khâu thực hiện đầu tư và theo dõi sau đầu tư do các tổ/nhóm của phòng NVĐT đảm trách và mới chỉ được thực hiện ở mức độ sơ khai. Hiện BHTGVN chưa thiết lập cơ chế kiểm soát rủi ro đầu tư theo mô hình một đơn vị hay phòng, ban, bộ phận độc lập và có vai trò chuyên trách kiểm soát và quản trị; hoạt động theo dõi sau đầu tư được gán cho chức năng kiểm soát rủi ro nên chưa thể đảm bảo khách quan. Để việc quản trị rủi ro đạt hiệu quả, BHTGVN cần xây dựng bộ phận kiểm soát rủi ro độc lập để tránh việc cán bộ kiêm nhiệm nhiều vị trí, dẫn đến khó kiểm soát rủi ro, đặc biệt rủi ro đạo đức.

Thứ sáu, về hạ tầng thông tin phục vụ đầu tư hoạt động còn chưa ổn định.

Theo Điều 9 Thông tư 111/2015/TT-BTC, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được công nhận là thành viên đấu thầu: được dự thầu trực tiếp không cạnh tranh lãi suất và dự thầu cạnh tranh lãi suất qua thành viên đấu thầu. BHTGVN cơ bản đã đáp ứng các điều kiện thiết yếu về hệ thống giao dịch trực tuyến, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, công nghệ thông tin và mạng internet, đặc biệt BHTGVN đã tuân thủ quy định chỉ thiết lập duy nhất 01 kết nối giao dịch trực tuyến với HNX từ 01 địa điểm kết nối trực tuyến đã đăng ký theo quy định của Quyết định 70/QĐ-SGDCKHN. Tuy nhiên, thực tế hoạt động đấu thầu cho thấy khó khăn khách quan tồn tại liên quan đến tốc độ đường truyền Internet chậm, sự cố ngắt kết nối trong phiên thầu sơ cấp và ngày thực hiện mua TPCP thứ cấp; hệ thống email nội bộ để giao dịch với các đối tác thường xuyên quá tải; phần mềm hỗ trợ, cài đặt và cập nhật luôn đòi hỏi quyền quản trị mạng... Tất cả các sự cố trên đều gây chậm chễ hoạt động đầu tư vốn cần phải nhanh-chuẩn-chính xác để có được kết quả đấu thầu tốt nhất.

Thứ bảy, về nguồn nhân lực thực hiện hoạt động đầu tư còn chông chéo. Mặc dù hoạt động đầu tư hiện nay được thực hiện đúng pháp luật và quy định của BHTGVN, nhưng chưa có bộ phận kiểm soát rủi ro và quản lý sau đầu tư độc lập. Kể từ khi nguồn tiền nhàn rỗi được thông báo, các khâu trong quy trình đầu tư từ nghiên cứu, chuẩn bị hồ sơ thủ tục đầu tư, giám sát và quản lý rủi ro và hoạt động sau đầu tư, về cơ bản, vẫn chỉ do Phòng NVĐT thực hiện. Các bước trước – trong và sau đầu tư tại BHTGVN được thực hiện bởi các tổ/nhóm của các phòng ban liên quan, nhưng chưa có sự phân tách rõ vai trò của bộ phận trước, trong và sau đầu tư. Điều này cho thấy hoạt động đầu tư đang được thực hiện theo hình thức “vừa đá bóng vừa thổi còi”.

Thứ tám, về tiếp cận nguồn vốn bên ngoài thông qua mở rộng hợp tác và đa dạng hóa quan hệ đối tác. Quy định hiện hành đã có nội dung về tiếp cận nguồn hỗ trợ bên ngoài trong trường hợp nguồn vốn của BHTGVN không đủ để chi trả và tăng cường năng lực hoạt động, trong đó có quy định mới về yêu cầu hoàn thiện hồ sơ xin hỗ trợ tài chính, kế hoạch chi trả từ nguồn ngân sách hỗ trợ, phương án, kế hoạch hoàn trả vốn vay và hỗ trợ, Tuy nhiên, theo quy định hiện hành chưa có hướng dẫn chi tiết về hạn mức tín dụng hỗ trợ, lãi suất, niên hạn tài chính, cách thức và lộ trình hoàn trả... Đây là những hạn chế về thủ tục hành chính trong việc tiếp cận nguồn vốn hỗ trợ, ảnh hưởng đến niềm tin của người gửi tiền và sự ổn định của hệ thống ngân hàng.

Ngoài ra, các điều kiện tham gia dự thầu, lưu ký khi đầu tư còn phức tạp, tốn kém. Một số văn bản pháp luật hiện hành về phát hành TPCP được Bộ Tài chính ban hành trước Luật BHTG, BHTGVN không thuộc đối tượng đủ điều kiện để trở thành thành viên đấu thầu TPCP và thành viên thị trường TPCP chuyên biệt tại HNX. Khi thực hiện mua TPCP, BHTGVN phải thực hiện thông qua thành viên HNX và gặp phải một số hạn chế sau:

- BHTGVN không thể cập nhật trực tiếp và kịp thời thông tin về chương trình, kế hoạch phát hành TPCP của KBNN cũng như các thông tin về giao dịch TPCP của HNX; việc tiếp nhận thông tin gián tiếp có thể làm chậm và ảnh hưởng đến đầu tư;

- Khi mua TPCP qua các thành viên HNX, BHTGVN phải chấp nhận các điều kiện của các thành viên này; đồng thời phải chịu các chi phí dịch vụ đấu thầu, dịch vụ đặt lệnh và các khoản phí khác (nếu có), gây tốn kém và tiềm ẩn rủi ro khi lượng tiền mua TPCP của BHTGVN là khá lớn. Mặc dù hiện tại BHTGVN được miễn phí dịch vụ đặt lệnh, dự thầu, lưu ký; trong tương lai, khi các đơn vị được ủy thác đấu thầu thay đổi chính sách về phí, BHTGVN sẽ có thể phải chịu chi phí kép (phí dịch vụ của các đơn vị và phí theo quy định của cơ quan quản lý). Việc đấu thầu TPCP trên thị trường sơ cấp và mua TPCP trên thị trường thứ cấp thông qua các thành viên có thể làm giảm tính bảo mật thông tin của BHTGVN, tạo ra rủi ro an toàn đối với hoạt động đầu tư và các rủi ro về đạo đức khác.

2.3.3. Nguyên nhân của các hạn chế

2.3.3.1. Nguyên nhân khách quan

- Luật BHTG và các luật liên quan còn nhiều bất cập đối với hoạt động đầu tư vốn nhân rồi của BHTGVN.

- Việc đầu tư chịu ảnh hưởng rất lớn bởi diễn biến và xu hướng lãi suất trên thị trường. Trong thực tế, rủi ro về lãi suất là một trong những rủi ro thường thấy nhất và những ảnh hưởng của rủi ro lãi suất mang tính trực tiếp, trực diện dễ dàng nhìn thấy trong các khâu và các bước của quy trình trước, trong và sau hoạt động đầu tư. Khoản đầu tư hôm nay hoàn toàn có thể bị giảm giá trị khi lãi suất luôn thay đổi và biến động.

- Sự mâu thuẫn trong các văn bản pháp lý đã và mới ban hành cũng đặt ra thách thức không nhỏ đối với trường hợp BHTGVN được phép bán TPCP khi cần.

Cụ thể, Lộ trình phát triển trái phiếu Việt Nam yêu cầu hoàn thiện cơ chế chính sách pháp luật cho phép BHTGVN được bán từ năm 2021; trong khi nội dung của bản Lộ trình lại khuyến khích BHTGVN tăng tỷ trọng mua, bán trái phiếu trên cả thị trường sơ cấp và thứ cấp để tăng tính thanh khoản ngay từ năm 2017. Đây là mâu thuẫn cơ bản trong lộ trình thực hiện quy định liên quan đến hoạt động đầu tư của BHTGVN.

- Lịch phát hành tín phiếu NHNN không ổn định, phụ thuộc vào việc NHNN thực hiện chính sách tiền tệ và thường không trùng với thời điểm BHTGVN có nguồn tiền nhàn rỗi để đầu tư, ngoài ra khi tổ chức các phiên đấu thầu NHNN thường thông báo lịch phát hành vào cuối buổi sáng và tổ chức đấu thầu ngay trong ngày thông báo nên BHTGVN rất khó tham gia các phiên đấu thầu.

2.3.3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Năng lực tài chính của BHTGVN chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của hệ thống tài chính ngân hàng.

- Nguồn nhân lực còn hạn chế so với yêu cầu phát triển các hoạt động nghiệp vụ trong giai đoạn mới.

- Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin chưa được nâng cấp, bảo trì thường xuyên dẫn đến một số thiết bị đã hỏng hóc và hoạt động không ổn định. Các phần mềm chưa được nâng cấp để đáp ứng kịp thời theo Thông tư, Nghị định mới ban hành.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Từ những nét cơ bản về cơ sở pháp lý, thực trạng triển khai chính sách BHTG cũng như triển khai hoạt động đầu tư NVTTNR theo từng giai đoạn cụ thể, các kết quả đạt được và đánh giá được đưa ra một cách cụ thể. Từ đó, rút ra những tồn tại, hạn chế; các nguyên nhân khách quan (liên quan tới các quy định pháp luật, chính sách BHTG) và nguyên nhân chủ quan (liên quan tới kinh nghiệm thực tế của các bộ đầu tư cũng như trang thiết bị phục vụ hoạt động đầu tư). Những tồn tại, hạn chế trong hoạt động đầu tư NVTTNR của BHTGVN cần giải quyết ở Chương III như sau:

- Khó khăn về cơ chế, chính sách: Luật BHTG quy định BHTGVN được mua TPCP, tín phiếu NHNN và gửi tiền tại NHNN, tuy nhiên chưa nêu BHTGVN

được bán TPCP, tín phiếu NHNN khi cần phải chi trả tiền BHTG, trong trường hợp BHTGVN phải bán trước hạn để chi trả tiền BHTG thì BHTGVN chưa có cơ chế cụ thể

- Khó khăn trong tăng cường nguồn vốn: tình trạng ứ đọng vốn trên tài khoản tiền gửi thanh toán tại các NHTMNN là điều khó tránh khỏi và làm giảm hiệu quả của hoạt động đầu tư vốn

- Khó khăn trong Chiến lược đầu tư: Chiến lược đầu tư thụ động thuần túy, không tuân theo quy luật mua vào bán ra của thị trường và bị hạn chế khi đầu tư TPCP trên thị trường thứ cấp do BHTGVN bị áp những quy định khắt khe khi đầu tư trên thị trường này.

- Khó khăn về Danh mục đầu tư: Chưa đa dạng và còn nhiều bó buộc.

- Khó khăn trong Quản trị rủi ro: Đơn vị thực hiện quản trị rủi ro và quy trình kiểm soát rủi ro chưa chuyên nghiệp, bài bản.

- Khó khăn về hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ đầu tư chưa được nâng cấp, bảo trì thường xuyên dẫn đến một số thiết bị đã hỏng hóc và hoạt động không ổn định.

- Khó khăn trong chất lượng nhân sự cho đầu tư lực còn hạn chế so với yêu cầu phát triển các hoạt động nghiệp vụ trong giai đoạn mới.

CHƯƠNG 3:

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN TẠM THỜI NHÀN RỖI CỦA BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM

3.1. ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU ĐẦU TƯ VỐN NHÀN RỖI CỦA BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

3.1.1. Định hướng phát triển Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030

Tài liệu Chiến lược phát triển Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 nhấn mạnh sự phát triển của BHTGVN gắn liền với hệ thống ngân hàng. Theo đó, mục tiêu thống nhất của hệ thống BHTG là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống các TCTD và đảm bảo sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng. Mọi hoạt động của BHTGVN đều nhằm thực hiện tốt mục tiêu này.

(1) Đến năm 2025

Thứ nhất, phát triển BHTGVN trở thành tổ chức BHTG hiệu quả, hiện đại cơ bản phù hợp với thông lệ quốc tế, tăng cường năng lực và nâng cao hiệu quả hoạt động nhằm đảm bảo phối hợp xử lý tổ chức tham gia BHTG có quy mô trung bình.

Thứ hai, đảm bảo duy trì hạn mức bảo hiểm tiền gửi phù hợp với mục tiêu chính sách công là bảo vệ cho phần lớn người gửi tiền. Thiết lập cơ chế bảo vệ pháp lý cho tổ chức và cá nhân làm việc cho BHTGVN trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. Xây dựng và đề xuất hệ thống phí bảo hiểm tiền gửi phân biệt.

Thứ ba, cải cách hệ thống chi trả bảo hiểm, đảm bảo việc chi trả trong thời gian sớm nhất, tránh ảnh hưởng đến sự ổn định tài chính của cả hệ thống.

(2) Định hướng đến năm 2030

Thứ nhất, phát triển BHTGVN thành một tổ chức BHTG tiên tiến, hiệu quả, trong đó nghiệp vụ ứng dụng CNTT hiện đại.

Thứ hai, duy trì mục tiêu chính sách công của tổ chức với hạn mức BHTG phù hợp, đưa hệ thống phí bảo hiểm tiền gửi phân biệt vào hoạt động, các nghiệp vụ được thực hiện hiệu quả.

Thứ ba, nâng cao năng lực hoạt động, năng lực tài chính của BHTGVN và vai trò của BHTGVN trong quá trình tham gia xử lý các TCTD quy mô lớn.

3.1.2. Định hướng hoạt động đầu tư của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam

Theo quy định của Luật BHTG, BHTGVN được sử dụng NVTTNR để mua TPCP, tín phiếu NHNN và gửi tiền tại NHNN. Để triển khai hoạt động đầu tư NVTTNR theo quy định của Luật BHTG, BHTGVN ban hành các văn bản quản trị điều hành về hoạt động đầu tư vốn. Đây là cơ sở pháp lý nội bộ đảm bảo nghiệp vụ đầu tư của BHTGVN theo nguyên tắc đúng quy định pháp luật và của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, đảm bảo an toàn, phát triển vốn và khả năng thanh khoản; đồng thời đảm bảo đúng định hướng của Chiến lược phát triển BHTGVN.

3.1.2.1. Về việc đảm bảo các nguyên tắc trong đầu tư

BHTGVN có trách nhiệm đảm bảo nguyên tắc an toàn và phát triển vốn, tự bù đắp chi phí, có nghĩa vụ quản lý, sử dụng hiệu quả và bảo toàn nguồn vốn. Hoạt động đầu tư NVTTNR theo hướng bảo toàn và phát triển vốn ràng buộc trách nhiệm bắt buộc của BHTGVN về việc phải đảm bảo quản lý và sử dụng nguồn vốn và nguồn lực tài chính an toàn và hiệu quả. Việc quản lý và sử dụng an toàn và hiệu quả nguồn vốn giúp BHTGVN duy trì tốt khả năng sinh lời, góp phần tăng cường năng lực tài chính và đảm bảo khả năng thanh khoản nhằm thực hiện tốt các nghĩa vụ pháp lý về BHTG khi có phát sinh chi trả, đồng thời đáp ứng yêu cầu của thông lệ tốt nhất về quản lý và sử dụng nguồn vốn BHTG theo khuyến nghị của IADI.

3.1.2.2. Về việc tham gia thực hiện các nhiệm vụ mới được giao

Hoạt động đầu tư NVTTNR của BHTGVN phải đáp ứng được các yêu cầu về năng lực tài chính để thực hiện các nhiệm vụ chính trị mới được giao, trong đó có việc tham gia vào quá trình tái cơ cấu các TCTD yếu kém theo quy định của Luật các TCTD sửa đổi. Khi NHNN quyết định việc BHTGVN mua trái phiếu dài hạn của TCTD hỗ trợ, việc đảm bảo khả năng thanh khoản đối với khoản tiền đầu tư đòi hỏi BHTGVN phải dự phòng tình huống ứng phó thực tế khi cần nguồn lực cho chi trả. Coi việc mua Trái phiếu dài hạn TCTD hỗ trợ cũng là khoản đầu tư kết hợp hỗ trợ tái cơ cấu TCTD yếu kém.

3.1.2.3. Về việc bán TPCP khi Luật cho phép

Lộ trình phát triển thị trường trái phiếu giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1191/QĐ-TTg ngày

14/8/2017 bước đầu đã tháo gỡ vướng mắc hiện nay của BHTGVN về việc sẽ được bán TPCP trong trường hợp cần chi trả, đồng thời mở ra hướng đi linh hoạt việc mua, bán TPCP trên TTSC và TTTC. BHTGVN đang tích cực phối hợp với các bên để sớm hiện thực hóa nội dung quy định cho phép BHTGVN được bán TPCP theo lộ trình thời gian phù hợp và không tạo thêm áp lực.

3.1.2.4. Về quản lý vốn sau đầu tư

Việc Phòng NVĐT chuyển Hồ sơ đầu tư¹ sang Phòng TCKT để hoàn tất thanh toán cơ bản đã kết thúc quy trình đầu tư. Tuy nhiên, việc quản lý và theo dõi sau đầu tư không chỉ cần thiết nhằm đảm bảo tài sản đầu tư, chẳng hạn TPCP về tài khoản lưu ký, mà còn có ý nghĩa phục vụ việc theo dõi và quản lý gốc, lãi đến hạn. Khi các khoản gốc, lãi đến hạn được đơn vị lưu ký thanh toán đầy đủ cho BHTGVN sẽ giúp bổ sung và tăng cường nguồn vốn nhàn rỗi sẵn có để quay vòng vốn và tái đầu tư. Ở khía cạnh quản trị, việc quản lý và theo dõi sau đầu tư giúp sàng lọc và xử lý tốt nhất vấn đề có thể phát sinh liên quan đến chứng khoán về tài khoản lưu ký bị chậm, thanh toán chậm khoản gốc lãi hoặc báo sai số dư gốc lãi đến hạn.

- Lưu ký TPCP: Do BHTGVN chưa đăng ký là thành viên mở tài khoản trực tiếp tại VSD, BHTGVN sử dụng dịch vụ lưu ký của các NHTM là thành viên lưu ký của VSD. Việc lưu ký TPCP của BHTGVN đến nay luôn đảm bảo an toàn;

- Việc quản lý và theo dõi sau đầu tư là cơ sở quan trọng để BHTGVN theo dõi các khoản vốn đã đầu tư; thực hiện sao kê, đối chiếu số dư đầu tư với NHNN, đơn vị lưu ký hoặc VSD sau giao dịch phát sinh theo định kỳ tháng-quý-năm; và giúp đơn đốc thu hồi gốc, lãi khoản đầu tư đến hạn theo quy định và thẩm quyền.

3.2. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN TẠM THỜI NHÀN RỒI CỦA BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện cơ sở pháp lý và văn bản quản trị điều hành

(1) Hoàn thiện cơ sở pháp lý liên quan đến hoạt động đầu tư vốn

Trong bối cảnh gần như toàn bộ NVTNTR của BHTGVN được sử dụng để mua TPCP, để đảm bảo doanh thu và đáp ứng kịp thời khả năng chi trả, BHTGVN phải được phép bán TPCP một cách kịp thời nhằm bảo vệ tốt nhất quyền lợi hợp pháp của người gửi tiền. Văn bản pháp lý cao nhất là Luật BHTG chưa có nội dung

¹ Hồ sơ đầu tư: *Mua TPCP trên sơ cấp* gồm... *Mua TPCP trên thứ cấp* gồm...; Gửi tiền tại NHNN gồm ...

quy định BHTGVN được bán TPCP khi cần thiết, trong khi Thông tư 20/2020/TT-BTC ngày 01/04/2020 của Bộ Tài chính đề cập việc BHTGVN được bán TPCP, tín phiếu NHNN để trả tiền bảo hiểm. Như vậy, BHTGVN sẽ có thể bán TPCP, tín phiếu NHNN. Do vậy BHTGVN cần chủ động phối hợp đề xuất các cơ quan liên quan để bổ sung, chỉnh sửa Luật BHTG cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thực tế hoạt động của BHTGVN. Trước mắt BHTGVN cần đề xuất NHNN, BTC ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện phù hợp với thực tế. Đây là giải pháp giải quyết khó khăn thanh khoản khi phát sinh nghĩa vụ chi trả mà BHTGVN có thể sẽ phải đối mặt.

Việc BHTGVN được tham gia đầy đủ các hoạt động của thị trường như được giao dịch 2 chiều mua (sơ cấp và thứ cấp) và bán (thứ cấp) là hết sức cần thiết – góp phần thúc đẩy thị trường phát triển theo quy luật cung cầu, giảm thiểu bất lợi của việc chỉ đơn thuần nắm giữ trái phiếu đến ngày đáo hạn, đảm bảo thanh khoản, tận dụng tốt nhất các cơ hội thông qua việc bán TPCP trên thị trường khi lãi suất có xu hướng biến động lớn. Ngoài ra, khi được linh hoạt bán, BHTGVN sẽ có thể đảm bảo có sẵn đủ nguồn lực để mua trái phiếu dài hạn của TCTD hỗ trợ theo chỉ định của NHNN trong quá trình tham gia tái cơ cấu TCTD.

Như vậy, việc hoàn thiện đồng bộ cơ sở pháp lý để cho phép bán TPCP khi cần thiết và linh hoạt mua bán không chỉ hỗ trợ BHTGVN thực hiện tốt chính sách BHTG mà còn giúp thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao và trách nhiệm của một thành viên thị trường theo yêu cầu của Lộ trình phát triển thị trường trái phiếu. Điều này đòi hỏi phải có sự thống nhất giữa các văn bản pháp lý điều chỉnh hoạt động BHTG và các cơ quan liên quan phải có quá trình rà soát, sửa đổi, bổ sung Luật BHTG đồng bộ hóa với các văn bản pháp lý điều hành.

(2) Hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị điều hành nội bộ về đầu tư vốn

Để tạo hành lang pháp lý cho hoạt động đầu tư, BHTGVN đã ban hành Quy chế đầu tư NVTTNR và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Qua thực tiễn triển khai, BHTGVN đã hai lần sửa đổi, bổ sung Quy chế đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư. Trong quá trình thực hiện đầu tư thứ cấp, BHTGVN vẫn gặp phải những vướng mắc về điều kiện cần đầu tư, tham chiếu lãi suất đầu tư, chốt giá và hoàn thiện thủ tục như đã trình bày ở Chương 2. Để giải quyết những khó khăn này, BHTGVN cần sửa đổi bổ sung Quy chế đầu tư và các văn bản hướng dẫn. Cụ thể:

- Bổ sung thêm các nội dung sau vào quy chế hiện hành (Quyết định 320/QĐ-BHTG):

+ Được phép mua của 03 đơn vị có chào giá tốt nhất trong số các đơn vị chào bán cùng thời điểm, lãi suất của 3 đơn vị có thể chênh lệch nhau từ 1-5 điểm và cao hơn lãi suất trên thị trường sơ cấp phiên đấu thầu gần nhất tối thiểu 5 điểm.

+ Nếu đơn vị chào giá có lãi suất chào bán cao hơn lãi suất trúng thầu sơ cấp (cùng mã TPCP ở phiên đấu thầu gần nhất) là đảm bảo được đủ điều kiện mua.

+ Thông thường, khi có NVTTNR sẵn có, BHTGVN sẽ xem xét mua TPCP thứ cấp thỏa mãn các điều kiện theo quy định của HĐQT. Để đảm bảo tính chủ động và thuận lợi cho hoạt động đầu tư, cần bổ sung thêm điều kiện BHTGVN có thể chốt giá trước với các đơn vị chào bán khi đảm bảo chắc chắn sẽ có sẵn tiền nhàn rỗi và điều kiện về thời điểm thiết lập mức giá chốt tốt nhất.

- Bổ sung thêm vào Điểm 4, Mục II phần II của Hướng dẫn 01a/HD-BHTG quy định việc thực hiện Quy chế đầu tư NVTTNR, cụ thể:

+ Trường hợp đơn vị bán TPCP (có trụ sở ở rất xa trung tâm Hà Nội) không thể gửi ngay Hợp đồng mua TPCP có chữ ký tươi và dấu đỏ cho BHTGVN trong ngày chốt lãi suất, đơn vị đó có thể tạm thời gửi trước 01 bản sao Hợp đồng đã có chữ ký con dấu đầy đủ để phòng TCKT kịp làm thủ tục chuyển tiền theo đúng thời hạn quy định, tránh trường hợp chậm trễ dẫn đến bị phạt. Điều này sẽ thuận lợi cho cả đơn vị bán và BHTGVN, phù hợp xu hướng giao dịch mua bán chung hiện nay.

- Như đã đề cập, BHTGVN được mua trái phiếu dài hạn của các TCTD hỗ trợ theo chỉ định của NHNN. Đây là một hình thức đầu tư hoàn toàn mới. Việc BHTGVN được mua trái phiếu dài hạn của TCTD hỗ trợ sẽ giúp bổ sung và đa dạng hóa hình thức đầu tư nói chung (bên cạnh TPCP, tiền gửi tại NHNN và tín phiếu NHNN); đa dạng loại hình trái phiếu đầu tư nói riêng và góp phần thực hiện tốt hơn các nhiệm vụ mới được giao. Do Luật các TCTD sửa đổi đã có hiệu lực từ ngày 15/01/2018, BHTGVN cũng cần khẩn trương xin chủ trương và có định hướng cụ thể đối với loại hình đầu tư mới này và sớm ban hành bổ sung văn bản quản trị điều hành để triển khai nghiệp vụ này trong thời gian tới. Điều này phải được hiện thực hóa càng sớm càng tốt nhằm giải quyết những khó khăn trong trường hợp ứ đọng nguồn vốn nhàn rỗi sẵn có và chưa có các văn bản sửa đổi bổ sung mới cho phép nói lỏng và nói rộng hơn nữa các điều kiện đầu tư thứ cấp.

3.2.2. Giải pháp về tăng cường nguồn vốn

NVTTNR được sử dụng để đầu tư là nguồn thu phí BHTG và thu khác gồm các khoản đầu tư đáo hạn, thu lãi từ hoạt động đầu tư... sau khi để lại mức vốn đảm bảo cho chi hoạt động của tổ chức BHTG được đem đầu tư để sinh lời và tăng quy mô quỹ BHTG. Để tăng cường vốn kịp thời nhất sẵn sàng cho đầu tư đòi hỏi nguồn vốn đem đầu tư phải ổn định và tăng trưởng đều, làm cơ sở để tái đầu tư; việc quản lý trước-trong-sau đầu tư và quản lý chi tiêu phải đúng pháp luật và các bước trong quy trình thực hiện, trong đó:

(1) Về nâng cao hiệu quả quản lý phí BHTG

Đối với BHTGVN, phí BHTG là nguồn thu chính góp phần đảm bảo nguồn đầu vào phục vụ đầu tư. Số liệu thực tế và phân tích tại Chương 2 cho thấy nguồn thu từ phí đang có tốc độ tăng trưởng cao trong suốt giai đoạn từ khi thành lập cho đến nay và sẽ có thể duy trì xu thế này trong tương lai. Để tăng cường hiệu quả hơn nữa nguồn lực đầu vào từ thu phí, BHTGVN cần nâng cao chất lượng quản lý phí, cụ thể:

- Kế hoạch thu phí: Cần xây dựng kế hoạch thu phí sát thực tế để đảm bảo công tác tính và thu phí được kịp thời, đầu tư theo quy định và tăng tính hiệu quả cũng như giảm thời gian và nhân sự trong thực hiện, kiểm tra, giám sát. Kế hoạch thu phí xây dựng chi tiết sẽ hỗ trợ công tác theo dõi, giám sát việc tính và nộp phí của BHTGVN được thuận lợi, hạn chế được việc tính thừa, thiếu phí của tổ chức tham gia BHTG, từ đó giúp hình thành nguồn vốn đầu vào luôn ổn định và chủ động.

- Chính sách về phí BHTG: Theo quy định tại Điều 2 Luật các TCTD sửa đổi, các TCTD được kiểm soát đặc biệt được miễn nộp phí BHTG. Mặc dù Luật không giao NHNN hướng dẫn nội dung này, BHTGVN cần kiến nghị với NHNNVN quy định và thực hiện chặt chẽ việc gia hạn KSDB, tránh kéo dài quá mức thời hạn kiểm soát để trốn tránh việc nộp phí BHTG để không ảnh hưởng đến chính sách phí BHTG và nguồn thu phí của BHTGVN.

- Cải tiến quy trình nghiệp vụ thu phí: BHTGVN cần cải tiến quy trình nghiệp vụ, giảm bớt thủ tục không cần thiết để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho tổ chức tham gia BHTG và BHTGVN thực hiện tốt trách nhiệm tính, nộp phí của tổ chức tham gia BHTG và tính, thu phí của BHTGVN, cụ thể:

+ Làm tròn phí BHTG: Thông tư 24/2014/TT-NHNN quy định việc làm tròn số dư tiền gửi được bảo hiểm với số phí phải nộp tới đơn vị nghìn đồng nhằm thuận tiện cho việc tính và nộp phí BHTG bằng tiền mặt. Tuy nhiên, việc các tổ chức tham gia BHTG hiện nộp số tiền phí qua hình thức chuyển khoản chính xác đến đơn vị đồng đã khiến cho quy định làm tròn số không còn ý nghĩa. Trong khi chờ quy định mới ban hành, BHTGVN vẫn ghi nhận hàng trăm tổ chức tham gia BHTG không thực hiện đúng quy định, dẫn đến việc xử lý thừa/thiếu phức tạp và không linh hoạt. BHTGVN cần kiến nghị NHNN sớm có những điều chỉnh cho phù hợp với thực tế hoặc xử lý quy trình nghiệp vụ, nhất là phần mềm thu phí phù hợp để chấp nhận cả hai trường hợp nộp phí làm tròn số hoặc không làm tròn số.

+ Thực hiện thoái thu theo kết luận kiểm tra: Hiện việc thực hiện thoái thu theo kết luận kiểm tra vẫn còn tồn tại một số vướng mắc liên quan tới thủ tục và hồ sơ, dẫn đến sự không thống nhất và chậm trễ trong thực hiện. BHTGVN cần kiến nghị cơ quan quản lý ban hành quy định cụ thể hoặc ban hành mới quy chế phí BHTG nhằm tạo sự thống nhất, thuận tiện trong việc thực hiện trên toàn hệ thống cũng như trong tất cả trường hợp phát sinh.

(2) Về quản lý các khoản thu từ đầu tư, theo dõi và quản lý sau đầu tư

Các khoản lãi thu được từ hoạt động đầu tư góp phần không nhỏ cho tăng trưởng nguồn vốn. Quá trình đầu tư của BHTGVN do vậy phải đảm bảo được mục tiêu bảo toàn, phát triển vốn và tăng trưởng doanh thu cao. Việc theo dõi và quản lý vốn sau đầu tư (từ các khoản thu lãi đến các khoản đầu tư đáo hạn) phải được thực hiện sát sao, đảm bảo thu đúng, đủ, đúng hạn gốc lãi vốn đầu tư, đây là cơ sở quan trọng bổ sung nguồn lực tài chính sẵn có để duy trì, thúc đẩy tái đầu tư và quay vòng vốn.

(3) Về quản lý chi phí hiệu quả

BHTGVN cần phải xây dựng kế hoạch chi cụ thể, chi tiết, đảm bảo sát thực tế hơn; đồng thời quản lý và giám sát các chi phí hiệu quả, tiết kiệm. Cần xây dựng kế hoạch chi chính xác theo hướng đảm bảo có dự trù và dự phòng tốt nhất nguồn vốn phục vụ đầu tư, tránh để ảnh hưởng đến nguồn tiền nhàn rỗi sẵn có ở từng thời điểm.

(4) Về các nguồn vốn hỗ trợ và/hoặc tiếp nhận hay đi vay

Mặc dù hiện tại BHTGVN chưa phải sử dụng đến phương thức vay tiếp nhận

vốn hỗ trợ, để đảm bảo tính dự phòng và sẵn sàng cho kịch bản kinh tế kém ổn định và rủi ro ngân hàng có thể tác động tiêu cực đến việc thực hiện nghĩa vụ pháp lý về BHTG, cần kiến nghị các cơ quan chức năng có hướng dẫn chi tiết và cụ thể những trường hợp BHTGVN phải và được bổ sung nguồn vốn từ các nguồn trên theo quy định của Luật BHTG nhằm giảm thiểu sự thiếu hụt nguồn vốn (nếu có) – với các kịch bản dự phòng – có thể ảnh hưởng đến tính sẵn có của nguồn tiền nhàn rỗi đem đầu tư hoặc ít nhất đảm bảo luôn có nguồn vốn dự phòng để thực hiện chính sách BHTG trong khi không làm gián đoạn hoạt động đầu tư vốn.

(5) Về đảm bảo vốn điều lệ, lộ trình tăng vốn theo nhu cầu thực tế

Như đã phân tích, từ nguồn vốn được cấp ban đầu 1.000 tỷ đồng, tính đến 31/12/2019, tổng nguồn vốn của BHTGVN đạt hơn 54 nghìn tỷ đồng, trong đó: vốn điều lệ chính thức được tăng lên 5.000 tỷ đồng (thêm 4.000 tỷ đồng) trong năm 2015 theo hình thức hạch toán chuyển số dư của Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ dự phòng tài chính. Việc mất 7 năm để hiện thực hóa quy định cho phép BHTGVN nâng vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng (1999) lên 5.000 tỷ đồng từ năm 2008 và thực chất nguồn vốn của BHTGVN không tăng thêm từ cơ sở cấp vốn theo hình thức hạch toán nói trên đã làm giảm khá nhiều cơ hội đầu tư của BHTGVN. Trong tương lai, khi có nhu cầu tăng vốn hoạt động, BHTGVN cần báo cáo BTC, NHNN để thực hiện kịp thời, giúp tận dụng tối đa cơ hội và khai thác hợp lý nguồn lực sẵn có.

Việc xây dựng được lộ trình tăng vốn theo nhu cầu cấp bách của tổ chức ở từng thời kỳ cũng là cách thức không nhỏ đối với yêu cầu tăng cường tài chính. Cuối cùng và không kém phần quan trọng là BHTGVN cần sớm nghiên cứu và đề xuất cho phép đa dạng hình thức và cơ chế cấp vốn trước (thu phí trước), kết hợp thu phí sau (thu phí bổ sung theo hình thức phí thông thường khi cần thiết và áp mức phí đặc biệt ở thời kỳ khó khăn hay khủng hoảng), có giải pháp để sớm áp dụng hình thức thu phí theo rủi ro dựa trên mức độ tín nhiệm của tổ chức tham gia BHTG theo Luật BHTG đã quy định.

3.2.3. Giải pháp về chiến lược đầu tư

3.2.3.1. Mở rộng đầu tư bằng việc bán TPCP khi Luật cho phép.

Theo quy định của Luật BHTG, BHTGVN chỉ được mua và nắm giữ TPCP đến khi đáo hạn và chỉ được bán khi có nhu cầu chi trả BHTG trong trường hợp xảy ra đổ vỡ TCTD. Chiến lược đầu tư này có sức ỳ lớn, không tuân theo quy luật mua

vào bán ra của thị trường mà chỉ nắm giữ tới khi đáo hạn. Chiến lược này cũng tiềm ẩn rủi ro thanh khoản lớn cho BHTGVN khi xảy ra đổ vỡ TCTD. Theo quy định của Luật BHTG, BHTGVN chỉ được mua và nắm giữ TPCP đến khi đáo hạn và chỉ được bán khi có nhu cầu chi trả BHTG trong trường hợp xảy ra đổ vỡ TCTD. Quy định hiện hành như vậy chưa phù hợp với quy luật mua/bán trên thị trường. Trong trường hợp cần nguồn vốn lớn để phục vụ chi trả tiền bảo hiểm tại các TCTD bị đổ vỡ, trong khi phần lớn nguồn vốn của BHTGVN đã được đem đầu tư, BHTGVN sẽ phải đối mặt với sự thiếu hụt vốn cần cho chi trả kịp thời.

Mở rộng đầu tư bằng việc bán TPCP khi Luật cho phép là bước căn bản để thay đổi tính chất thụ động hoàn toàn trong Chiến lược đầu tư vào Trái phiếu chính phủ (chiếm 99% danh mục đầu tư hiện nay của BHTGVN).

Lộ trình phát triển thị trường trái phiếu giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1191/QĐ-TTG ngày 14/8/2017 bước đầu đã tháo gỡ vướng mắc hiện nay của BHTGVN về việc sẽ được bán TPCP trong trường hợp cần chi trả, đồng thời thiết lập các điều kiện pháp lý cho phép BHTGVN có thể thêm cơ hội để linh hoạt việc mua, bán TPCP trên cả thị trường sơ cấp và thứ cấp. BHTGVN cần tích cực phối hợp với các bên để sớm hiện thực hóa quy định cho phép BHTGVN được hài hòa bán TPCP theo lộ trình thời gian phù hợp.

Tham chiếu Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD, việc tham gia vào quá trình tái cơ cấu TCTD yếu kém sẽ đặt BHTGVN vào tình thế khó khăn về yêu cầu đảm bảo thanh khoản kịp thời nếu quy định cho phép BHTGVN được linh hoạt mua và bán trái phiếu chưa được cho phép thực hiện. Chưa tính đến các yếu tố cung cầu và quy luật mua và bán trên thị trường, việc được linh hoạt bán khi cần nguồn vốn thanh khoản phục vụ chi trả BHTG đã là một thách thức rất lớn đối với BHTGVN. Trường hợp NHTM đổ vỡ, việc huy động một nguồn vốn lớn chủ yếu đã dồn toàn bộ cho đầu tư sẽ khó có thể được thực hiện trong thời gian ngắn khi phần lớn các công cụ và tài sản đầu tư của BHTGVN là TPCP kỳ hạn trung và dài được mua theo nguyên tắc “mua và nắm giữ” đến ngày đáo hạn. Đây là những bất lợi đối với BHTGVN khi đối mặt với thực tế này và là thách thức lớn có thể khiến tổ chức chịu áp lực trong việc thu hồi vốn nếu không được phép bán TPCP.

Với việc bán Trái phiếu chính phủ trước khi đáo hạn, BHTGVN có thể làm

mềm hơn danh mục đầu tư của mình, đa dạng hóa danh mục trong mức rủi ro cho phép, qua đó đạt hiệu quả đầu tư tốt hơn.

3.2.3.2. Giải quyết khó khăn về đầu tư trên thị trường thứ cấp.

Những khó khăn và vướng mắc khi đầu tư TPCP trên thị trường thứ cấp có thể được giảm bớt bằng 3 biện pháp như sau:

(i) Nói lỏng Quy định tại các văn bản nội bộ về yêu cầu tham chiếu lãi suất của các đơn vị: Cho phép mua của đơn vị thỏa mãn 2 điều kiện: điều kiện cần là có khối lượng chào bán phù hợp với khối lượng BHTGVN kỳ vọng mua, điều kiện đủ là có mức chào giá cạnh tranh.

(ii) Với từng mã trái phiếu, nếu trên thực tế có ít hơn 3 đơn vị sở hữu trái phiếu này trong phiên giao dịch thì lấy báo giá của những đơn vị thực tế sở hữu hiện có. (kèm chứng từ chứng minh chỉ có những đơn vị đó tham gia phiên giao dịch trên thị trường sơ cấp).

(iii) Tăng cường phối hợp giữa các phòng, ban liên quan (Phòng TCKT) để chủ động số tiền có thể đầu tư, kịp thời hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đầu tư TPCP trên thị trường thứ cấp.

3.2.4. Giải pháp về danh mục đầu tư

BHTGVN cần xây dựng một danh mục đầu tư hiệu quả hơn. Theo đặc thù về tổ chức và hoạt động, danh mục đầu tư của BHTGVN theo quy định của Luật BHTG là rất hạn chế. Tại thời điểm hiện nay, theo quy định của pháp luật hiện hành, nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của BHTGVN khi chưa đầu tư mua TPCP sẽ được gửi tiền tại NHNN và hưởng lãi suất cố định. Trong khi đó, việc gửi tiền tại NHNN chỉ được hưởng mức lãi suất cố định là 1,2%/năm – thấp hơn nhiều so với lãi suất TPCP. Do vậy, BHTGVN cần xây dựng danh mục đầu tư tối ưu của từng thời kỳ để ứng phó kịp thời với diễn biến, xu hướng của chính sách và thị trường, đặc biệt khi chính thức được thực hiện mua trái phiếu dài hạn của các TCTD, trái phiếu của chính quyền địa phương.

Việc được mua trái phiếu do các ngân hàng phát hành là các TCTD hỗ trợ để tham gia tái cơ cấu các TCTD yếu kém khác theo chỉ định của NHNN sẽ giúp BHTGVN bổ sung và đa dạng hóa hình thức đầu tư nói chung (ngoài mua TPCP, tiền gửi tại NHNN, mua tín phiếu NHNN) và đa dạng loại hình trái phiếu đầu tư nói

riêng và góp phần thực hiện tốt hơn nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ mới được Nhà nước giao phó. Tuy nhiên hiện nay BHTGVN chưa triển khai nghiệp vụ mua trái phiếu dài hạn của các TCTD hỗ trợ như quy định của Luật các TCTD sửa đổi do (i) chưa có quyết định của NHNN; (ii) BHTGVN chưa có đủ cơ sở ban hành các văn bản nội bộ quy định nghiệp vụ này và (iii) đây là nhiệm vụ chính trị nên có thể mức lãi suất đầu tư chỉ mang tính hỗ trợ mà không đem lại hiệu quả đầu tư v. v. . .

3.2.5. Giải pháp cải thiện chất lượng đầu tư và quản trị rủi ro

Như đã phân tích ở Chương 2, hoạt động đầu tư của BHTGVN được thực hiện tại Trụ sở chính và do Phòng NVĐT làm đầu mối phối hợp với các phòng ban triển khai. Việc kiểm soát rủi ro được lồng ghép chung cả ở khâu thực hiện đầu tư và theo dõi sau đầu tư do các tổ/nhóm của phòng NVĐT đảm trách và mới chỉ được thực hiện ở mức độ sơ khai. Hiện BHTGVN chưa thiết lập cơ chế kiểm soát rủi ro đầu tư theo mô hình một đơn vị hay phòng, ban, bộ phận độc lập và có vai trò chuyên trách kiểm soát và quản trị; hoạt động theo dõi sau đầu tư được gán cho chức năng kiểm soát rủi ro nên chưa thể đảm bảo khách quan. Để việc quản trị rủi ro đạt hiệu quả, BHTGVN cần xây dựng bộ phận kiểm soát rủi ro độc lập để tránh việc cán bộ kiêm nhiệm nhiều vị trí, dẫn đến khó kiểm soát rủi ro, đặc biệt rủi ro đạo đức. Cần có quy chế quản trị rủi ro để phân định rõ trách nhiệm và quyền hạn. Việc xây dựng và thực hiện quy trình quản trị rủi ro phải mang tính hệ thống và chuyên nghiệp nên BHTGVN cần quản trị và kiểm soát rủi ro hiệu quả với các quy trình cụ thể như sau:

- *Nhận diện rủi ro.* Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm rủi ro để nhận biết nguy cơ rủi ro có thể xảy ra, từ đó chủ động thực hiện chiến lược quản lý phù hợp;

- *Phân tích rủi ro.* Dựa trên các rủi ro được nhận diện, cán bộ quản trị đánh giá khả năng hay xác suất rủi ro xảy ra và mức độ tác động để phân loại, xếp hạng từng loại rủi ro và đề ra biện pháp ứng phó phù hợp;

- *Kiểm soát rủi ro.* Thiết lập hệ thống kiểm soát giúp phát hiện, ngăn chặn sớm rủi ro, đề ra hướng xử lý tốt nhất để giảm thiểu ảnh hưởng đến kết quả đầu tư;

- *Giám sát và xử lý rủi ro.* Phân tách trách nhiệm rõ ràng giữa bộ phận đầu tư và bộ phận kiểm soát; đồng thời thực hiện trích lập, phân bổ và sử dụng quỹ xử lý rủi ro.

3.1.6. Giải pháp nâng cao hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ đầu tư

Theo phân tích tại Chương II, những tồn tại như tốc độ đường truyền internet chậm, sự cố ngắt kết nối trong phiên thầu sơ cấp và ngày thực hiện mua TPCP thứ cấp; hệ thống email nội bộ để giao dịch với các đối tác thường xuyên quá tải; phần mềm hỗ trợ, cài đặt và cập nhật luôn đòi hỏi quyền quản trị mạng... gây chậm trễ hoạt động đầu tư.

Để giải quyết những hạn chế này, BHTGVN cần ưu tiên thiết lập đường truyền internet riêng và độc lập phục vụ đấu thầu và mua thứ cấp, trang bị thêm đường kết nối internet dự phòng để đảm bảo thông suốt và nâng cao tốc độ kết nối mạng, giảm thiểu tối đa sự cố - đặc biệt trong phiên đấu thầu sơ cấp và ngày mua thứ cấp; có phương án nâng cấp hệ thống email nội bộ để đảm bảo năng lực vận hành thông suốt, giảm thiểu và có phương án xử lý kịp thời khi hệ thống quá tải dẫn đến gián đoạn liên lạc. Ban lãnh đạo phê duyệt mua tối thiểu 02 email dự phòng tên miền div.gov.vn chạy trên nền tảng Google để dự phòng khi email nội bộ bị lỗi.

Hiện BHTGVN vẫn chưa tham gia bất kỳ phiên đấu thầu trực tuyến không cạnh tranh lãi suất nào. Những lỗi kỹ thuật nói trên – đặc biệt là tốc độ đường truyền kết nối internet – nếu xảy ra trong phiên đấu thầu trực tuyến có kết nối thời gian thực với HNX sẽ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả đấu thầu. Điều này đòi hỏi hệ thống hạ tầng kỹ thuật và công nghệ tin học luôn phải được trang bị, bảo dưỡng, định kỳ cập nhật phiên bản mới và nâng cấp khi cần và theo yêu cầu thực tế. Về lâu dài, BHTGVN cần hướng đến việc tham gia vào hệ thống giao dịch TPCP trực tuyến trên nền tảng E-BTS (hệ thống giao dịch trái phiếu điện tử).

3.1.7. Giải pháp về nâng cao chất lượng nhân sự cho đầu tư

Nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những yếu tố quan trọng đối với hoạt động đầu tư. Điều này đang là thách thức đối với hoạt động đầu tư, trong đó có vấn đề đội ngũ nhân sự chuyên trách đầu tư và quản lý vốn. Cần đánh giá thực trạng nguồn nhân lực của BHTGVN, tìm nguyên nhân để có những giải pháp hữu hiệu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho nghiệp vụ đầu tư vốn, cụ thể:

- Đổi mới và kiện toàn công tác nhân sự đầu tư: BHTGVN cần đặc biệt quan tâm đến công tác cán bộ, từ khâu tuyển dụng, đào tạo đến bổ nhiệm để xây dựng đội

ngũ cán bộ đầu tư chuyên trách có đủ năng lực, trình độ, bản lĩnh và đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp trong đầu tư nói chung và đầu tư trái phiếu nói riêng, góp phần đảm bảo việc tổ chức và thực hiện đầu tư bài bản, an toàn và hiệu quả.

- Có kế hoạch đào tạo, đào tạo lại và bổ sung nhân sự cho đầu tư nhằm nắm vững thông tin, kế hoạch, cơ sở pháp lý về đầu tư để tạo được sự thống nhất trong xây dựng và thực hiện đầu tư theo kế hoạch và mục tiêu đã thiết lập; tạo sự đồng bộ trong quá trình phối hợp thực hiện và hạn chế rủi ro phát sinh. Định kỳ và thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo cơ bản và nâng cao về đầu tư và đầu tư trái phiếu để cập nhật quy định mới về quản lý đầu tư và quy trình nghiệp vụ đầu tư. Tham gia đầy đủ và đạt các chứng chỉ đối với các khóa đào tạo chứng khoán và trái phiếu do HNX, VBMA tổ chức – đây là yêu cầu bắt buộc đối với cán bộ giao dịch trực tiếp để nâng cao hiểu biết và đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý. Có chương trình, kế hoạch kiểm tra và đào tạo lại đội ngũ cán bộ hiện tại và đào tạo lớp cán bộ kế cận.

3.1.8. Giải pháp mở rộng hợp tác và đa dạng hóa quan hệ đối tác

BHTGVN cần phối hợp với các đối tác (HNX, các công ty chứng khoán, Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam - VBMA, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các đơn vị liên quan bên ngoài. . .) mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ đầu tư trái phiếu và tạo điều kiện cho cán bộ tham gia để đảm bảo lĩnh hội tốt kiến thức, chuyên môn về đầu tư trái phiếu; có khả năng nghiên cứu, thu thập nắm bắt thông tin thị trường trong nước và quốc tế; phân tích, đánh giá và dự báo thị trường, kịp thời tham mưu cho Ban lãnh đạo phương án đầu tư an toàn và hiệu quả cao nhất.

BHTGVN cần tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác với các NHTM, các công ty chứng khoán để sử dụng dịch vụ của các đơn vị này. Thường xuyên và định kỳ tham gia các buổi hội thảo, tọa đàm với các đơn vị và thành viên thị trường để trao đổi kiến thức, kinh nghiệm trong đầu tư TPCP.

Bên cạnh đó, BHTGVN hiện nay mới chỉ thực hiện mua TPCP qua đấu thầu ủy thác. Khi mua TPCP qua cơ chế này, BHTGVN bị ràng buộc bởi các điều kiện đã ký với các tổ chức đối tác; đồng thời phải chịu các chi phí như phí dịch vụ đấu thầu, đặt lệnh và các khoản phí khác (nếu có), gây tổn kém và tiềm ẩn rủi ro khi lượng tiền mua TPCP lớn. Mặc dù vẫn đang được miễn phí dịch vụ và chưa phát

sinh chi phí khác từ các thành viên, trong tương lai, khi chính sách thay đổi, BHTGVN sẽ phải chịu chi phí nhất định. Việc mở rộng thỏa thuận hợp tác với nhiều thành viên sẽ giúp BHTGVN đa dạng hóa và lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ chất lượng và giảm thiểu chi phí. Việc lựa chọn đơn vị lưu ký xử lý nhanh, chính sách góp phần hỗ trợ BHTGVN quản lý hiệu quả các khoản đầu tư an toàn. Đa dạng hóa các đơn vị lưu ký sẽ giúp BHTGVN có thêm lựa chọn để đảm bảo an toàn trái phiếu lưu ký, lựa chọn được các đơn vị có chính sách phù hợp với BHTGVN nhất ở từng thời điểm và đảm bảo tính bảo mật.

3.3. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

3.3.1. Kiến nghị đối với cơ quan liên quan

3.3.1.1. Kiến nghị với Chính phủ và Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật BHTG và các văn bản pháp lý

(1) Sửa đổi Luật BHTG phù hợp với thực tiễn và pháp luật hiện hành

Văn bản pháp lý cao nhất là Luật BHTG hiện đang có những khác biệt và mâu thuẫn với các văn bản pháp lý liên quan ở các nội dung về quản lý, sử dụng và đầu tư NVTTNR. Nếu không sửa đổi và bổ sung những nội dung về đầu tư, Luật BHTG sẽ không phù hợp với quy định hiện hành, giảm cơ hội phát triển nguồn vốn và tăng cường năng lực tài chính của BHTGVN, ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ mới được giao, trong đó có việc tham gia quá trình tái cơ cấu TCTD yếu kém.

Luật BHTG mới cần phải khắc phục và chỉnh sửa nội dung cho phù hợp để khắc phục các bất cập, vướng mắc như phân tích trên để cho phép BHTGVN (1) được bán TPCP khi cần chi trả BHTG; (2) được linh hoạt mua và bán trên thị trường sơ cấp và thứ cấp; và (3) được đa dạng hóa các hình thức đầu tư, trong đó được mua bán trái phiếu chính quyền địa phương do Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh phát hành và gửi tiền có kỳ hạn ở NHTM được xếp loại A hoặc ở NHTMCP Nhà Nước nắm cổ phần chi phối;

(2) Phê duyệt Chiến lược phát triển Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam

BHTGVN đã hoàn tất dự thảo Chiến lược phát triển BHTGVN đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 và đang phối hợp với đơn vị trực thuộc NHNN để xin ý kiến chỉ đạo cụ thể trước khi NHNN lấy ý kiến tham gia các Bộ, ban, ngành và trình CP xem xét phê duyệt. BHTGVN kiến nghị CP sớm phê duyệt Chiến lược sau

khi NHNN tham vấn các bên liên quan và đệ trình bản dự thảo cuối cùng. Chiến lược được phê duyệt sẽ là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của BHTGVN, từ đó giúp định hướng phát triển hệ thống BHTG và hỗ trợ hoàn thành các mục tiêu đầu tư trên cơ sở ý kiến chỉ đạo sát sao của NHNN.

3.3.1.2. Kiến nghị đối với NHNN

BHTGVN kiến nghị NHNNVN có Thông tư hoặc Quy định hướng dẫn và chỉ đạo cụ thể, kịp thời đối với việc mua trái phiếu dài hạn của TCTD hỗ trợ tham gia tái cơ cấu các TCTD yếu kém khác (loại trái phiếu, kỳ hạn, lãi suất, khối lượng, thời gian đáo hạn, loại TCTD hỗ trợ được chỉ định, phương án phục hồi,...) theo quy định của Luật các TCTD sửa đổi bổ sung để BHTGVN có thể chủ động tham gia tích cực và có trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ mới và đảm bảo thực hiện thành công mục tiêu bảo toàn, phát triển vốn, tăng cường năng lực tài chính và nâng cao vị thế. NHNNVN sớm nghiên cứu để xây dựng và trình CP, Quốc hội bổ sung, chỉnh sửa Luật BHTG theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và đề xuất của BHTGVN.

3.3.1.3. Kiến nghị đối với Bộ Tài chính, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

BHTGVN kiến nghị Bộ Tài chính, HNX, NHNN và các đơn vị liên quan thống nhất xem xét cho BHTGVN được thực hiện tăng tỷ trọng trong mua TPCP trên sơ cấp và thứ cấp bắt đầu từ năm 2019 thay vì từ năm 2017 như yêu cầu của Lộ trình, đồng thời cho phép BHTGVN được bán TPCP cùng năm 2019. Nếu chưa được chủ động mua bán, BHTGVN sẽ khó có thể tăng được lượng giao dịch trên hai thị trường. Trường hợp Luật BHTG chưa được sửa đổi, BHTGVN đề nghị được phép thực hiện các yêu cầu của Lộ trình theo khung thời gian phù hợp với chiến lược phát triển BHTG để không tạo ra áp lực cho BHTGVN.

3.3.2. Kiến nghị khác đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam

3.3.2.1. Tham vấn, góp ý cho quá trình sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật

BHTGVN hiện chỉ mua và nắm giữ trái phiếu đến ngày đáo hạn. Hoạt động đầu tư do vậy chưa thực sự phù hợp với quy luật của thị trường. Trong quá trình sửa đổi Luật BHTG và các văn bản liên quan, BHTGVN cần chủ động tham vấn và

đóng góp ý kiến về việc cho phép bán trái phiếu cũng như kiến nghị đối với các vấn đề đã được đề cập ở mục **3.3.1.2** và **3.3.1.3** nhằm góp phần nâng cao năng lực tài chính, trong khi vẫn đảm bảo bảo toàn và phát triển vốn.

3.3.2.2. Xây dựng bộ phận kiểm soát đầu tư

Hoạt động đầu tư vốn của BHTGVN hiện nay nằm trong 01 phòng nghiệp vụ chuyên trách. Tuy nhiên, từng tổ cần phải có lãnh đạo phụ trách độc lập, riêng biệt nhằm hạn chế các rủi ro phát sinh và rủi ro đạo đức nghề nghiệp và tăng tính kiểm tra chéo trong đầu tư. Bên cạnh đó, bộ phận này đòi hỏi phải có sự hiểu biết về hoạt động thị trường ngân hàng và trái phiếu để nhận diện được rủi ro khi kiểm soát hoạt động đầu tư trái phiếu. Bộ phận kiểm soát đầu tư ở đây có thể chia ra thành các mảng như kiểm soát trước, kiểm soát sau. Đề xuất BHTGVN có bộ phận kiểm soát đầu tư độc lập với bộ phận đầu tư và nghiên cứu thị trường nằm trong Phòng Nguồn vốn và Đầu tư. HĐQT kiến nghị NHNNVN thành lập phòng Kiểm soát đầu tư nhằm hạn chế sai sót, rủi ro trong hoạt động đầu tư vốn.

3.3.2.3. Tăng cường chất lượng hoạt động nghiên cứu thị trường

Hoạt động đầu tư của BHTGVN luôn chịu những ảnh hưởng của cả những yếu tố khách quan và yếu tố chủ quan - trong đó khách quan là diễn biến và xu hướng lãi suất trên thị trường và chủ quan là định hướng điều hành của Nhà nước và các cơ quan quản lý. Năm 2017 thể hiện rất rõ sự thay đổi trong chính sách về lãi suất đầu thầu TPCP của KBNN do nguồn vốn ngân sách cho phát triển huy động từ phát hành TPCP bị giải ngân chậm và tỷ lệ giải ngân thấp gây ứ đọng nguồn vốn, dẫn đến sự can thiệp bắt buộc về chính sách lãi suất của cơ quan quản lý.

Với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, cùng với các hệ thống thông tin hiện đại và chuyên nghiệp như Reuter chuyên cung cấp dịch vụ hỗ trợ tích hợp (các thông tin cơ bản, dữ liệu kinh tế, cách tính giá), cán bộ làm công tác nghiên cứu thị trường cần bám sát các chính sách của cơ quan quản lý Nhà nước như Bộ Tài chính, NHNN, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, HNX. . . để nghiên cứu và đề xuất đầu tư.

Xây dựng hệ thống theo dõi và quản lý thông tin cập nhật, hiện đại để theo dõi sát diễn biến thị trường và có những điều chỉnh phù hợp cũng như dự đoán xu hướng thay đổi lãi suất, từ đó tăng hiệu quả đầu tư.

3.3.2.4. Tăng cường hợp tác giữa Phòng NVĐT và phòng ban liên quan

Mặc dù văn bản quản trị điều hành về đầu tư vốn đã quy định trách nhiệm của các phòng, ban liên quan, sự phối hợp trong quá trình thực hiện không phải lúc nào cũng suôn sẻ. Cụ thể: Số liệu các phòng, ban cung cấp cho Phòng NVĐT xây dựng kế hoạch đầu tư vốn và thu nhập là số liệu dự kiến với tính chính xác tương đối, ít nhiều ảnh hưởng đến việc dự kiến số tiền có thể đầu tư và kết quả của kế hoạch đầu tư và thu nhập năm, dẫn đến phải điều chỉnh nhiều lần; Việc cân đối và thông báo NVTNNR thuộc trách nhiệm của Phòng TCKT, nếu thông tin đến chậm và/hoặc sát với lịch phát hành của KBNN và nhu cầu chào bán của các đối tác, cơ hội đầu tư ít hơn; và Sự phối hợp với Phòng Công nghệ tin học và Phòng Pháp chế, nếu chậm trễ đều có thể ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động đầu tư vốn.

Để nâng cao hiệu quả đầu tư NVTNNR, BHTGVN cần có văn bản quy định cơ chế rõ ràng hơn về sự phối hợp giữa các phòng ban có liên quan trong hoạt động đầu tư NVTNNR, đặc biệt cơ chế xử lý khi xảy ra chậm trễ trong quá trình phối hợp gây ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư vốn. Các phòng, ban tại Trụ sở chính và chi nhánh phải dự kiến và xây dựng kế hoạch chi phí một cách chi tiết theo tháng, quý, năm và đảm bảo số liệu sát với thực tế để Phòng NV&ĐT có thể dự kiến số tiền đầu tư hợp lý, góp phần xây dựng Kế hoạch thu nhập chính xác hơn.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Sau khi nghiên cứu định hướng và mục tiêu đầu tư NVTNNR của BHTGVN đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, trên cơ sở những nội dung cơ bản về hoạt động đầu tư NVTNNR và phân tích thực trạng, các tiêu chí đánh giá ở 2 chương đầu tiên, tác giả đưa ra các giải pháp cụ thể nhằm khắc phục những khó khăn, hạn chế khi thực hiện hoạt động này; đồng thời đề xuất một số kiến nghị và kiến nghị với các cấp, Bộ ngành liên quan trong việc góp phần hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư NVTNNR của BHTGVN.

08 nhóm giải pháp được đề xuất bao gồm: Thứ nhất, hoàn thiện cơ sở pháp lý và văn bản quản trị điều hành; Thứ hai, giải pháp về tăng cường nguồn vốn; Thứ ba, giải pháp về chiến lược đầu tư; Thứ tư, giải pháp về danh mục đầu tư; Thứ năm, cải thiện chất lượng đầu tư và quản trị rủi ro; Thứ sáu, nâng cao hệ thống hạ tầng CNTT phục vụ đầu tư; Thứ bảy, nâng cao chất lượng nhân sự cho đầu tư; Thứ tám,

mở rộng hợp tác và đa dạng hóa quan hệ đối tác.

Với những giải pháp, kiến nghị kể trên, tác giả mong muốn đóng góp một phần vào quá trình xây dựng, nâng cao và hoàn thiện hoạt động đầu tư NVTN của BHTGVN một cách hiệu quả đáp ứng đầy đủ các yêu cầu thực thi hiệu quả chính sách BHTG nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, góp phần duy trì sự ổn định của các TCTD, đảm bảo sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng.

KẾT LUẬN

Ngày nay, BHTGVN là một tổ chức có vai trò quan trọng trong hệ thống tài chính quốc gia, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, góp phần duy trì sự phát triển an toàn, lành mạnh hệ thống tài chính – ngân hàng của cả đất nước. Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của vấn đề đó, ngay từ khi thành lập đến nay, BHTGVN đã từng bước nâng cao phát triển nghiệp vụ, nâng cao chất lượng hoạt động, tăng cường vai trò hoạt động của BHTGVN.

Hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của BHTGVN là một trong những nhiệm vụ góp phần quan trọng trong sự ổn định và phát triển của thị trường tài chính – ngân hàng. Hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của BHTGVN đã góp phần làm trung gian để thực hiện đầu tư vốn lại nền kinh tế, nguồn vốn đầu tư quan trọng góp phần phát triển kinh tế xã hội, thực hiện các chính sách công của chính phủ.

Trên cơ sở vận dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu và phân tích tình hình thực tế, luận văn đã tập trung làm rõ một số vấn đề cơ bản:

1. Khái quát lý luận chung về BHTGVN, về hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của BHTGVN và làm rõ kinh nghiệm của một số tổ chức BHTG trên thế giới.

2. Vận dụng cơ sở lý luận từ phần 1 để phân tích và đánh giá chất lượng hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của BHTGVN trong thời gian qua, từ đó nêu ra được những thành tựu đạt được và một số hạn chế cần khắc phục, nguyên nhân của các hạn chế đó.

3. Trên cơ sở thực trạng của hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của BHTGVN, định hướng phát triển của BHTGVN, luận văn đã đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả của hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của BHTGVN. Đồng thời luận văn cũng đưa ra một số kiến nghị đối với các cơ quan liên quan nhằm nâng cao tính hiệu quả trong việc triển khai giải pháp tăng cường đầu tư tài chính của BHTGVN.

Luận văn đã được xây dựng một cách chi tiết với mong muốn góp phần tăng cường hiệu quả hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của BHTGVN hơn nữa, góp phần đảm bảo an toàn, lành mạnh của hệ thống tài chính, đảm bảo quyền

lợi cho người gửi tiền, đồng thời là một dòng chảy vốn đầu tư lại nền kinh tế hiệu quả, an toàn. Tuy nhiên, bên cạnh những cố gắng, do nhiều nguyên nhân khác nhau mà luận văn không tránh được những thiếu sót trong quá trình triển khai.

Xin trân trọng cảm ơn các Thầy Cô, đồng nghiệp đã hết sức giúp đỡ để luận văn được hoàn thành. Rất mong nhận được những ý kiến tham gia đóng góp của quý Thầy Cô và độc giả để luận văn được hoàn thiện hơn.

Trân trọng cảm ơn !

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Báo cáo tổng kết hoạt động của BHTGVN năm 2019;
- [2]. Bộ nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống BHTG hiệu quả (2014);
- [3]. Chiến lược phát triển BHTGVN đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 (2019);
- [4]. DICJ, Báo cáo thường niên giai đoạn 2013-2016;
- [5]. Hướng dẫn 01a/HD-BHTG ngày 01/01/2016 của Tổng giám đốc Hướng dẫn thực hiện Quy chế;
- [6]. IADI, Kế hoạch hành động và chiến lược ưu tiên đối với khu vực Châu á Thái Bình Dương (2016);
- [7]. KDIC, Báo cáo thường niên giai đoạn 2013-2016;
- [8]. Khảo sát của IADI về hoạt động của các tổ chức BHTG (2016);
- [9]. Luật bảo hiểm tiền gửi (Luật số 06/2012/QH13) được Quốc hội nước CHXHCNVN Khóa XIII thông qua ngày 18/6/2012 tại Kỳ họp thứ 2;
- [10]. Nghị định 68/2013/NĐ-CP ngày 28/6/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật bảo hiểm tiền gửi;
- [11]. Nghị định 89/1999/NĐ-CP ngày 01/9/1999 của Chính phủ về bảo hiểm tiền gửi;
- [12]. Nghị định 109/2005/NĐ-CP ngày 24/8/2005 của Chính phủ về bảo hiểm tiền gửi về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 89/1999/NĐ-CP;
- [13]. Quy chế đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;
- [14]. Quyết định 27/2002/QĐ-BHTG ngày 21/02/2002 của Tổng giám đốc quy định nghiệp vụ đầu tư vốn nhàn rỗi;
- [15]. Quyết định 70/QĐ-BHTG-HĐQT ngày 5/10/2010 của HĐQT quy định nghiệp vụ đầu tư vốn tạm thời nhàn rỗi;
- [16]. Quyết định 218/1999/QĐ-TTg ngày 9/11/1999 về việc thành lập Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;
- [17]. Quyết định 441/QĐ-BHTG-HĐQT ngày 30/7/2015 của HĐQT (thay thế Quyết định 70/QĐ-BHTG-HĐQT) Ban hành Quy chế đầu tư NVTTNR của BHTGVN

- [18]. Quyết định 788/QĐ-BHTG-HĐQT ngày 28/12/2015 của HĐQT quy định quyền hạn của Phòng Nguồn vốn và Đầu tư;
- [19]. Quyết định 1019/QĐ-BHTG ngày 27/12/2016 của HĐQT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế.
- [20]. Quyết Định 1058/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ ngày 19/7/2017 phê duyệt Đề Án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020”;
- [21]. Quyết định 1191/QĐ-TTg ngày 14/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Lộ trình phát triển thị trường trái phiếu giai đoạn 2017-2020 và tầm nhìn đến năm 2030;
- [22]. Quyết định 1394/QĐ-CP ngày 13/8/2013 về việc thành lập Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và quy định chức năng, nhiệm vụ của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;
- [23]. Quyết định 1395/QĐ-CP ngày 13/8/2013 phê duyệt Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;
- [24]. Quyết định 3090/QĐ-NHNN ngày 31/12/2013 của Thống đốc NHNNVN, quy định về cơ cấu, tổ chức của BHTGVN.
- [25]. Thông tư 03/2000/TT-NHNN ngày 16/3/2000 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định 89/1999/NĐ-CP;
- [26]. Thông tư 03/2006-TT-NHNN ngày 25/4/2006 của Ngân hàng Nhà nước về việc hướng dẫn một số nội dung tại Nghị định 89/1999/NĐ-CP và Nghị định 109/2005/NĐ-CP;
- [27]. Thông tư 20/2020/TT-BTC ngày 01/04/2020 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 312/2016/TT-BTC;
- [28]. Thông tư 24/2014/TT-NHNN ngày 6/9/2014 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn một số nội dung về hoạt động bảo hiểm tiền gửi;
- [29]. Thông tư 41/2014/TT-BTC ngày 8/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý tài chính đối với Bảo hiểm tiền Việt Nam;
- [30]. Thông tư 62/2008/TT-BTC ngày 8/7/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý tài chính đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;
- [31]. Thông tư 312/2016/TT-BTC ngày 24/11/2016 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;